

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CẨM NANG THỰC HIỆN DỰ ÁN QUỸ BẢO TỒN RỪNG ĐẶC DỤNG

DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NGÀNH LÂM NGHIỆP

Tháng 6, 2004
(Sửa đổi ngày 15 tháng 08 năm 2008)

BẢNG GIẢI THÍCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

5MHRP	Chương trình Trồng mới năm triệu ha
CNA	Đánh giá Nhu cầu Bảo tồn
CTA	Trường cố vấn kỹ thuật
DARD	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
GEF	Quỹ Môi trường Toàn cầu
FPD	Cục Kiểm lâm
FIPI	Viện Điều tra và Quy hoạch Rừng
FSDP	Dự án Phát triển Ngành Lâm nghiệp
FSSP	Chương trình Hỗ trợ Ngành Lâm nghiệp
GoV	Chính phủ Việt Nam
IBA	Vùng Chim quan trọng
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
MPI	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
MONRE	Bộ Tài nguyên và Môi trường
M&E	Giám sát và Đánh giá
NGO	Tổ chức Phi Chính phủ
NPSC	Ban Điều hành Dự án Quốc gia
OMP	Kế hoạch Quản lý Điều hành (đối với các Rừng Đặc dụng)
SUF	Rừng Đặc dụng
TA	Hỗ trợ Kỹ thuật
ToR	Điều khoản Tham chiếu
TRG	Nhóm Đánh giá Kỹ thuật
VCF	Quỹ Bảo tồn Việt Nam
WWF	Quỹ Bảo tồn Thiên nhiên Hoang dã

MỤC LỤC

(1)	Trang thông tin tóm tắt dự án	6
(2)	Căn cứ xây dựng Quỹ bảo tồn Rừng đặc dụng	7
2.1	Mục tiêu và ưu tiên	7
2.1.1	Mục tiêu	7
2.1.2	Ưu tiên	8
2.1.3	Phạm vi tài trợ	8
2.2	Các đặc điểm cơ bản của VCF	9
2.2.1	Chi phí gia tăng	9
2.2.2	Tài trợ dựa trên kết quả hoạt động	9
2.2.3	Tài trợ dựa trên nguyên tắc cạnh tranh	9
2.2.4	Các khu Rừng Đặc dụng trực thuộc tỉnh hoặc Trung ương	10
(3)	Cơ cấu tổ chức của VCF	12
3.1	Ban Điều hành Dự án Quốc gia	12
3.1.1	Nhiệm vụ	12
3.1.2	Thành phần	12
3.2	Ban Quản lý VCF	14
3.2.1	Nhiệm vụ	14
3.2.2	Thành phần	14
3.2.3	Hợp dự án	15
3.3	Ban Thư ký VCF	15
3.3.1	Nhiệm vụ	15
3.3.2	Địa điểm	16
3.3.3	Nhân sự	16
3.4	Nhóm Đánh giá Kỹ thuật (TRG)	17
3.4.1	Nhiệm vụ	17
3.4.2	Thành phần	18
(4)	Hỗ trợ kỹ thuật	18
4.1	Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cho Ban Thư ký VCF	18
4.2	Các nhóm Hỗ trợ Kỹ thuật vùng	19
(5)	Tính phù hợp	20
5.1	Các khu đủ điều kiện nhận tài trợ	20
5.2	Các khu không đủ điều kiện nhận tài trợ	22
5.3	Các hoạt động được tài trợ	22
(6)	Tài trợ của VCF	28
6.1	Tài trợ trên nguyên tắc cạnh tranh	28
6.2	Chu kỳ tài trợ	29
6.3	Quy mô tài trợ	29
6.4	Quá trình lựa chọn tài trợ	29
(7)	An sinh xã hội	35

7.1	<i>Chiến lược Phát triển Dân tộc Thiếu số (EMDS)</i>	35
7.2	<i>Giới hạn sử dụng tài nguyên thiên nhiên rừng đặc dụng của cộng đồng địa phương</i>	35
7.2.1	Khung chính sách Tái định cư	35
7.2.2	Trách nhiệm thực hiện	36
7.2.3	Kiểm tra và Giám sát	37
(8)	QUẢN LÝ VCF	38
8.1	<i>Vai trò của Ban Thư ký VCF</i>	38
8.2	<i>Quản lý VCF</i>	38
8.3	<i>Hoạt động giao tiếp thông tin</i>	38
8.4	<i>Huy động vốn cho Quỹ</i>	38
8.5	<i>Quản lý thông tin</i>	39
(9)	Quản lý tài chính	40
9.1	<i>Giải ngân cho dự án</i>	40
9.2	<i>Tài khoản và sổ sách</i>	41
9.2.1	Tài khoản	41
9.2.2	Sổ sách kế toán	42
9.3	<i>Kiểm soát tài chính nội bộ</i>	43
9.4	<i>Trách nhiệm quản lý tài chính</i>	43
9.4.1	Giám đốc VCF	43
9.4.2	Kế toán VCF	43
9.4.3	Các nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng	44
9.5	<i>Báo cáo tài chính và tài khoản</i>	44
9.5.1	Sao kê tài chính	44
9.5.2	Đưa số liệu vào máy tính	45
9.5.3	Kiểm toán	45
9.5.4	Các yêu cầu về báo cáo	45
(10)	GIÁM SÁT	47
10.1	<i>Hỗ trợ cho các hoạt động giám sát và báo cáo</i>	48
10.1.1	Nhân sự	48
10.1.2	Tập huấn	48
10.2	<i>Hoạt động giám sát</i>	51
10.2.1	Hoạt động giám sát của VCF	51
10.2.2	Hoạt động giám sát các khoản tài trợ	55
10.2.3	Hoạt động giám sát hiệu quả quản lý	56

Hình 1: Các bước tiếp cận hỗ trợ của VCF	11
Hình 2: Cơ cấu tổ chức của FSDP	13
Hình 3: Cơ cấu tổ chức của nhóm hỗ trợ kỹ thuật trung và vùng	20
Bảng 1: Tiêu chí tài trợ cho các Rừng đặc dụng (Thông tin chi tiết xem Phụ lục 4)	20
Bảng 2: Tiêu chí lựa chọn các hoạt động được tài trợ	24
Bảng 3: Danh sách dự kiến các hoạt động đủ điều kiện nhận tài trợ của VCF	26
Bảng 4: Lịch trình phê duyệt dự án tài trợ nhỏ	32
Bảng 5: Nhu cầu đào tạo về kế hoạch giám sát cho dự án VCF	50
Bảng 6: Các chỉ số khung logic cho VCF để đánh giá ở cấp chương trình, tác động và kết quả của VCF	51
Bảng 7: Các chỉ số khung logic để đánh giá các hoạt động của VCF	52
Bảng 8: Chỉ số đánh giá tác động xã hội chung	54
Bảng 9: Các chỉ số đánh giá tác động xã hội ở cấp từng dự án tài trợ nhỏ	56
Bảng 10: Bảng chi tiết các chỉ số khung lô-gic ở cấp tác động cho VCF	60
Phụ lục 1: Điều khoản tham chiếu cho các cán bộ chủ chốt của VCF	65
Phụ lục 2: Điều khoản tham chiếu cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng	69
Phụ lục 3: Danh sách các khu dự kiến đã hoàn thành kế hoạch quản lý điều hành trước năm đầu tiên của dự án	72
Phụ lục 4: Cơ sở xây dựng các tiêu chí về tính phù hợp Tiêu chí chọn địa bàn	74
Phụ lục 5: Eligibility matrix	Error! Bookmark not defined.
Phụ lục 6: Mẫu và hướng dẫn chuẩn bị đánh giá nhu cầu bảo tồn	84
Phụ lục 7: Mẫu và hướng dẫn xây dựng kế hoạch quản lý điều hành	88
Phụ lục 8: Mẫu đề xuất dự án	90
Phụ lục 9: Mẫu báo cáo tham vấn xã hội	92
Phụ lục 10: Mẫu hợp đồng cho Ban quản lý Quỹ bảo tồn Việt Nam	99
Phụ lục 11: Khung chính sách tái định cư	103
Phụ lục 12: Mẫu báo cáo của bên nhận tài trợ	109

Nội dung

(1) TRANG THÔNG TIN TÓM TẮT DỰ ÁN

Mục tiêu chung của FSDP	Quản lý bền vững các khu rừng và bảo tồn đa dạng sinh học nhằm: a) bảo vệ môi trường; b) cải thiện điều kiện sống của người dân sống phụ thuộc vào rừng; c) tăng cường sự đóng góp của ngành lâm nghiệp đối với nền kinh tế quốc dân.
Các hợp phần	a) Phát triển thể chế (bao gồm những vấn đề chính về thể chế và chính sách liên quan đến hiệu quả quản lý rừng đặc dụng; (b) phát triển trồng rừng quy mô nhỏ; c) Bảo tồn rừng đặc dụng; d) Quản lý dự án (bao gồm hỗ trợ quản lý và giám sát toàn bộ dự án).
Mục tiêu của Hợp phần Quỹ Bảo tồn rừng đặc dụng	Bảo tồn các giá trị đa dạng sinh học có ý nghĩa quan trọng tầm quốc tế hiện có ở Việt Nam thông qua xây dựng một cơ chế tài chính thí điểm cho các khu rừng đặc dụng của quốc gia – gọi là Quỹ bảo tồn rừng đặc dụng (viết tắt là VCF). Cơ chế tài chính này sẽ hỗ trợ dựa theo nguyên tắc cạnh tranh cho khoảng 30 khu rừng đặc dụng có giá trị đa dạng sinh học cao và hỗ trợ kỹ thuật cho việc quản lý và bảo tồn rừng đặc dụng.
Kết quả của Hợp phần Quỹ Bảo tồn rừng đặc dụng	a) VCF sẽ được thiết lập và quản lý có hiệu quả, trở thành một cơ chế tài chính lâu dài cho bảo tồn b) Các cơ quan Chính phủ chịu trách nhiệm quản lý rừng đặc dụng có đủ năng lực sử dụng các công cụ và phương pháp phù hợp để áp dụng trong việc quản lý rừng đặc dụng một cách bền vững c) Quản lý bền vững các khu rừng đặc dụng
Địa điểm thực hiện dự án	Năm đầu tiên dự kiến khoảng 20 khu rừng đặc dụng, bao gồm cả các khu đạt tiêu chuẩn lựa chọn ở Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định.
Tóm tắt Hợp phần rừng đặc dụng	VCF sẽ hỗ trợ cho công tác quản lý ở các vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên và các khu bảo tồn loài/sinh cảnh đáp ứng các tiêu chí lựa chọn của VCF. Hiện có khoảng 50 khu đạt tiêu chí lựa chọn và dự kiến có VCF sẽ hỗ trợ cho 30 khu trong 6 năm thực hiện. Để tiếp cận được tài trợ của VCF, các ban quản lý rừng đặc dụng phải trình đề xuất dự án. Các hoạt động của dự án đề nghị phải là các vấn đề ưu tiên được nêu trong Kế hoạch điều hành quản lý (OMP) và dự toán kinh phí. Các công cụ sàng lọc sẽ được áp dụng nhằm đảm bảo tập trung kinh phí cho: a) các khu rừng có giá trị đa dạng sinh học quan trọng tầm quốc tế; b) có các hoạt động bảo tồn ưu

tiên. Việc lựa chọn khu được hỗ trợ sẽ dựa trên nguyên tắc cạnh tranh - chỉ có những khu nêu được hiệu quả tối đa trong việc sử dụng ngân sách cho bảo tồn sẽ được. Có biện pháp quản lý nguồn tài trợ tốt cũng sẽ là một lợi thế để xem xét. Tất cả các OMP cùng với kinh phí và đề xuất dự án sẽ được xem xét đánh giá thông qua Nhóm đánh giá kỹ thuật độc lập để đảm bảo kinh phí được dùng cho các khu đạt tiêu chí lựa chọn và các hoạt động sẽ phù hợp với mục tiêu của VCF. Một Ban thư ký VCF sẽ được đặt ở Phòng Bảo tồn thiên nhiên Cục Kiểm lâm- Bộ Nông nghiệp và PTNT sẽ có trách nhiệm quản lý hoạt động hàng ngày của Quỹ. Ban thư ký VCF sẽ đảm bảo cho các khoản hỗ trợ của Quỹ đến được các Ban quản lý rừng đặc dụng kịp thời và được sử dụng hiệu quả. Ban quản lý VCF sẽ chịu trách nhiệm phê duyệt chính thức các khoản hỗ trợ. Ban điều hành FSDP sẽ theo dõi giám sát các hoạt động của VCF. Ở cấp Trung ương, Ban thư ký VCF sẽ có một cố vấn kỹ thuật hỗ trợ. Ba nhóm hỗ trợ kỹ thuật của ba vùng/miền sẽ hỗ trợ các ban quản lý rừng đặc dụng, xây dựng năng lực cho các ban quản lý rừng để có thể nhận được hỗ trợ của VCF và sử dụng nguồn hỗ trợ một cách hiệu quả. Việc hoạt động tiếp tục của VCF sau khi kết thúc thời gian thực hiện dự án 6 năm sẽ phụ thuộc vào khả năng thu hút thêm ngân sách từ các nhà tài trợ, của Chính phủ hay của các nguồn khác. Bản dự thảo Cẩm nang hoạt động VCF sẽ hướng dẫn điều hành các hoạt động của VCF và quy trình thủ tục xem xét đề xuất dự án, phê duyệt, giải ngân và báo cáo.

(2) CĂN CỨ XÂY DỰNG QUỸ BẢO TỒN RỪNG ĐẶC DỤNG

2.1 Mục tiêu và ưu tiên

2.1.1 Mục tiêu

Hợp phần Quỹ Bảo tồn Rừng Đặc dụng- Dự án Phát triển Ngành Lâm nghiệp (FSDP) nhằm mục tiêu: (a) thành lập một Quỹ Bảo tồn Rừng đặc dụng, một cơ chế tài chính mới nhằm cung cấp các khoản tài trợ để đẩy mạnh công tác quản lý các rừng đặc dụng có giá trị đa dạng sinh học cao dựa trên nguyên tắc tài trợ cạnh tranh; và (b) huy động sự hỗ trợ kỹ thuật trong và ngoài nước nhằm xây dựng năng lực cho Ban Quản lý Rừng đặc dụng và cộng đồng địa phương tại các khu nhận tài trợ. Bên cạnh đó, các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cũng sẽ giúp tăng cường năng lực ở

cấp Trung ương để thành lập và quản lý VCF, đồng thời hỗ trợ xây dựng VCF thành một cơ chế tài chính lâu dài.

2.1.2 Ưu tiên

Nguồn tiền tài trợ từ Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF) chỉ có thể được sử dụng nhằm hỗ trợ cho công tác bảo tồn giá trị đa dạng sinh học có tầm quan trọng quốc tế và hỗ trợ các hoạt động bảo tồn ưu tiên. Vì thế VCF sẽ chỉ có thể hỗ trợ các hoạt động bảo tồn ưu tiên ở các rừng đặc dụng có tầm quan trọng quốc tế về giá trị đa dạng sinh học. Các tiêu lựa chọn các khu rừng đặc dụng và các hoạt động được tài trợ sẽ được xây dựng và đóng vai trò là các công cụ sàng lọc nhằm đảm bảo tài trợ của VCF được sử dụng đúng mục tiêu, và các Kế hoạch Quản lý Điều hành sẽ xếp loại các hoạt động bảo tồn theo thứ tự ưu tiên nhằm đảm bảo tài trợ của VCF chỉ được sử dụng cho các nhu cầu bảo tồn ưu tiên. Hình 1 tóm tắt quá trình tiếp cận các khoản tài trợ của VCF.

2.1.3 Phạm vi tài trợ

Tài trợ của VCF được sử dụng nhằm hỗ trợ các hoạt động liên quan đến bảo tồn, bao gồm các hoạt động thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương, xây dựng cam kết đồng quản lý, tuyên truyền và giáo dục nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, quản lý loài và sinh cảnh, nâng cao năng lực thực thi pháp luật và các quy định liên quan cho cán bộ quản lý rừng đặc dụng, xây dựng năng lực và lập kế hoạch quản lý.

2.2 Các đặc điểm cơ bản của VCF

2.2.1 Chi phí gia tăng

VCF sẽ cung cấp các khoản tài trợ để bổ sung cho ngân sách hàng năm của Chính phủ nhằm hỗ trợ cho các rừng đặc dụng trực thuộc Trung ương và tỉnh. Tài trợ của VCF giới hạn trong phạm vi chi phí gia tăng¹ cho các hoạt động bảo tồn hiệu quả trong trường hợp nguồn ngân sách của Trung ương và tỉnh không đủ để thiết kế và thực hiện các chiến lược quản lý bảo tồn. Tài trợ của VCF mang tính “bổ sung” chứ không phải “thay thế” cho ngân sách hàng năm của Chính phủ.

2.2.2 Tài trợ dựa trên kết quả hoạt động

Kết quả thực hiện trước đây đóng vai trò quan trọng trong việc xem xét các khu rừng đặc dụng có khả năng thực hiện tốt các khoản hỗ trợ của VCF hay không. Những nơi đã thực hiện hiệu quả tài trợ của VCF sẽ được ưu tiên tiếp tục nhận tài trợ của quỹ. Ngược lại, những nơi không thực hiện tốt các khoản hỗ trợ của quỹ sẽ khó có thể tiếp tục được nhận tài trợ. Những nơi không sử dụng đúng khoản tài trợ VCF sẽ không được xem xét tiếp.

2.2.3 Tài trợ dựa trên nguyên tắc cạnh tranh

VCF được thiết kế để tăng cường khả năng cạnh tranh giữa các rừng đặc dụng. Các khoản tài trợ sẽ được cung cấp cho những khu có đề xuất dự án thể hiện tính hiệu quả cao của khoản tài trợ (được đánh giá thông qua tác động đem lại đối với các

¹ Chi phí gia tăng là các chi phí được cấp bổ sung cho đầu tư hiện giờ của Chính phủ nhằm đảm bảo các tác động tích cực đối với môi trường toàn cầu.

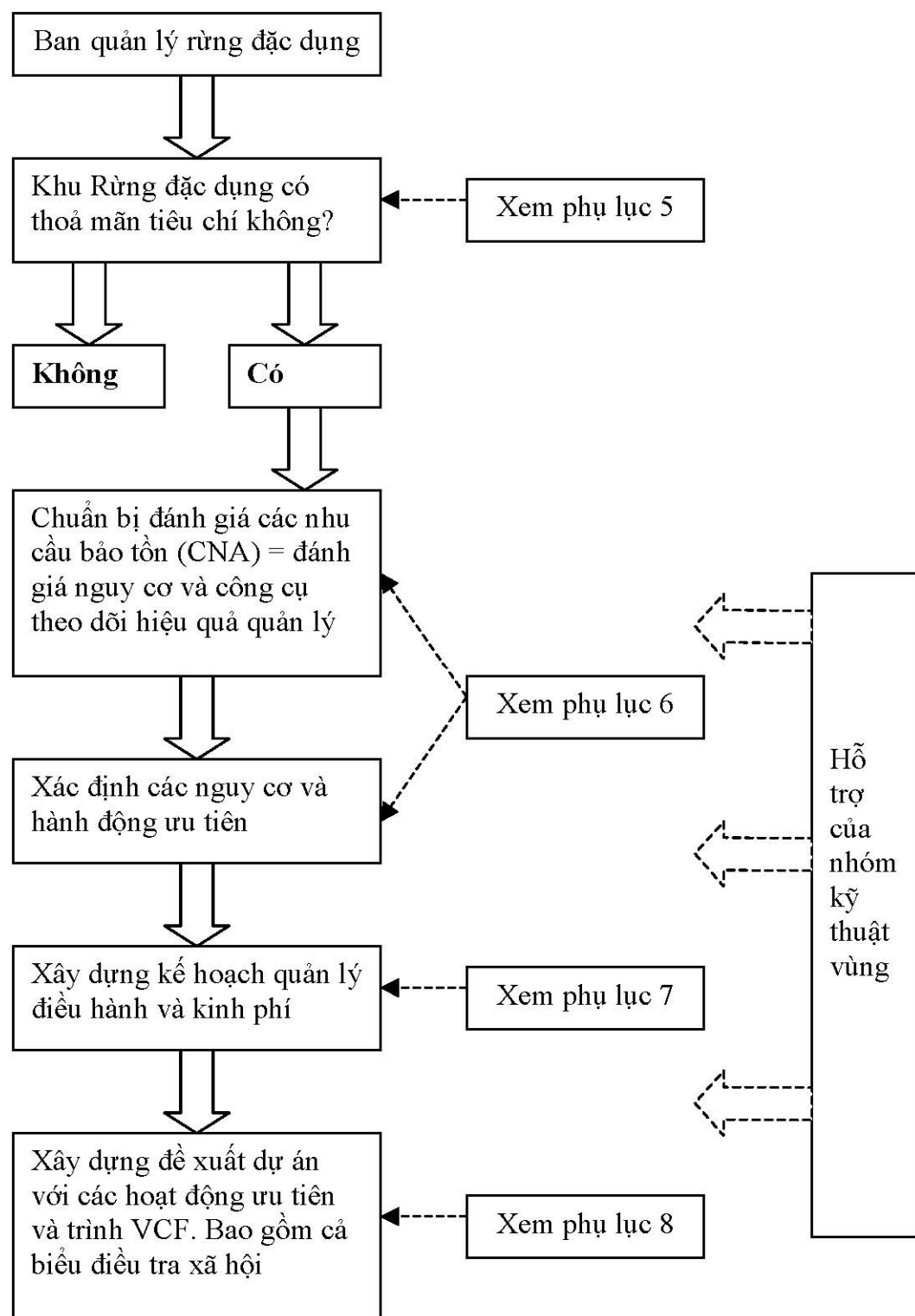
hoạt động bảo tồn) và sự cam kết cao của các đối tác khác (ví dụ như Trung ương, tỉnh và các tổ chức khác).

2.2.4 Các khu Rừng Đặc dụng trực thuộc tỉnh hoặc Trung ương

Cả Rừng đặc dụng trực thuộc tỉnh và Rừng Đặc dụng trực thuộc Trung ương đều là đối tượng nhận tài trợ của VCF. Tuy nhiên, VCF sẽ tập trung tài trợ cho các khu rừng đặc dụng trực thuộc tỉnh và các khu rừng này sẽ được xếp loại theo thứ tự ưu tiên. Bởi vì, các khu rừng đặc dụng trực thuộc Trung ương² đã nhận được các khoản hỗ trợ đáng kể, không chỉ trong nước và còn từ các nhà tài trợ trong khu vực và trên toàn thế giới. Các khu rừng đặc dụng trực thuộc Trung ương chỉ được xem xét nhận tài trợ nếu Kế hoạch Đầu tư và Kế hoạch Quản lý Hoạt động của rừng đặc dụng đó có cam kết về tỷ lệ vốn đối ứng cao của Chính phủ đối với các hoạt động bảo tồn. Khi đó, các rừng đặc dụng trực thuộc Trung ương được khuyến khích nộp đề xuất xin tài trợ. Nhóm đánh giá kỹ thuật có trách nhiệm xem xét kỹ lưỡng OMP và đề xuất của rừng đặc dụng đó.

² Hiện giờ có 8 khu rừng đặc dụng trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quản lý, bao gồm: Ba Vì, Bạch Mã, Bến En, Cát Tiên, Cúc Phương, Tam Đảo và Yok Đôn

Hình 1: Các bước tiếp cận hỗ trợ của VCF



(3) CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA VCF

Ban Điều hành Dự án Quốc Gia (NSPC) chịu trách nhiệm chung về hiệu quả hoạt động của Quỹ Bảo tồn. Một nhóm Đánh giá Kỹ thuật độc lập (TRG) sẽ chịu trách nhiệm đánh giá và lựa chọn các đề xuất xin tài trợ. Nhóm TRG có trách nhiệm tham mưu cho Ban Quản lý Quỹ Bảo tồn về các đề xuất đủ điều kiện nhận tài trợ của VCF. Ban Quản lý sẽ chính thức phê duyệt các đề xuất dự án. Ban Thư ký Quỹ Bảo tồn sẽ tiến hành giải ngân cho các Ban Quản lý Rừng đặc dụng được nhận tài trợ. Hình 2 thể hiện mô hình cơ cấu tổ chức của VCF.

3.1 Ban Điều hành Dự án Quốc gia

Ban Điều hành Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng (hoặc một phần của Ban Điều hành) sẽ tham gia Ban Điều hành Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp. Ban này được thành lập theo Quyết định số 07/1998-QĐ-TTg ngày 16/1/1998.

3.1.1 *Nhiệm vụ*

Chức năng và nhiệm vụ của NSPC bao gồm:

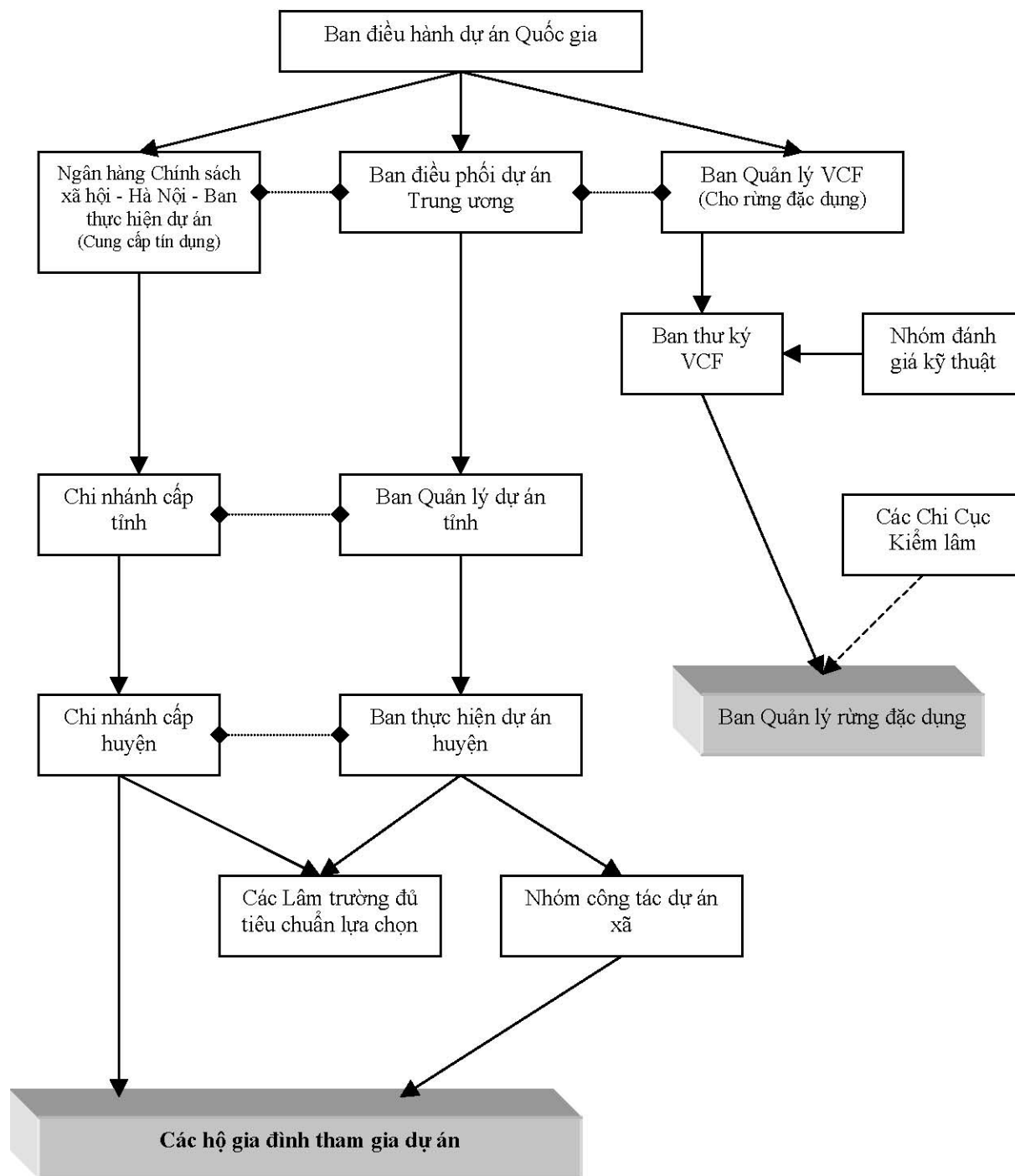
- *Hướng dẫn và chỉ đạo chung về chính sách*
- *Giám sát việc thực hiện dự án*
- *Xem xét và phê duyệt kế hoạch làm việc và kế hoạch ngân sách hàng năm.*
- *Đảm bảo sự liên lạc hiệu quả với các cơ quan và các bên liên quan để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện dự án, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến các cơ quan không trực thuộc đơn vị quản lý dự án*

3.1.2 *Thành phần*

Thành viên của NPSC là đại diện của các cơ quan, tổ chức sau:

- *Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;*
- *Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*
- *Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*
- *Ủy ban Dân tộc;*
- *Tổng cục Địa chính, Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường (hiện trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường);*
- *Hội Nông dân Việt Nam.*

Theo dự kiến, Ban điều hành Dự án Trồng mới 5 triệu ha rừng sẽ mời thêm các thành viên dự khuyết như Trưởng ban quản lý VCF, Giám đốc VCF và Cố vấn Kỹ thuật đến dự các cuộc họp của Ban điều hành có liên quan đến VCF.

Hình 2: Cơ cấu tổ chức của FSDP

3.2 Ban Quản lý VCF

3.2.1 Nhiệm vụ

- Giám sát toàn bộ quá trình hoạt động của Quỹ bảo tồn Việt Nam (VCF) đảm bảo VCF thực hiện đúng mục tiêu đề ra. Hướng dẫn về các chính sách để đảm bảo việc thực hiện VCF phù hợp và kết hợp với các chương trình/dự án có liên quan của Chính phủ và các nhà tài trợ khác.
- Xem xét và phê duyệt kế hoạch, kế hoạch tài chính, các báo cáo tiến độ và báo cáo tài chính hàng năm của Ban thư ký VCF.
- Giám sát toàn bộ hoạt động của Ban thư ký VCF, bao gồm báo cáo kiểm toán ở cấp trung ương và địa phương, đảm bảo giải quyết các kiến nghị của Ban thư ký VCF. Các quy định chi tiết về trách nhiệm tài chính được miêu tả cụ thể ở Mục 8.
- Phê duyệt chính thức các kế hoạch quản lý điều hành nộp lên VCF, trên cơ sở đánh giá của nhóm hỗ trợ kỹ thuật (TRG).
- Hướng dẫn Ban Thư ký VCF thực hiện việc xây dựng cơ chế tài chính hiệu quả cho các khu rừng đặc dụng. Các hoạt động này bao gồm đảm bảo nguồn ngân sách từ VCF và các nhà tài trợ khác được giải ngân theo các tiêu chí đề ra.
- Phê duyệt chính thức các hồ sơ xin dự án nhỏ sau khi đã được Nhóm đánh giá kỹ thuật xem xét và thông qua.
- Ủy nhiệm cho Ban thư ký VCF thực hiện việc giải ngân các dự án nhỏ.
- Đảm bảo các vấn đề về thể chế và chính sách được thực hiện có hiệu quả như là một phần của thể chế trong Dự án Phát triển ngành lâm nghiệp.
- Phê duyệt điều chỉnh Cẩm nang hoạt động VCF nếu cần thiết theo ý kiến của Nhóm hỗ trợ kỹ thuật.
- Theo dõi giám sát việc sử dụng các khoản tài trợ của VCF và các nguồn khác đồng thời hướng dẫn Ban thư ký VCF các thức quản lý quỹ.

3.2.2 Thành phần

Ban Quản lý VCF gồm có 8 thành viên:

- Cục trưởng Cục Kiểm lâm, Bộ NN&PTNT- Trưởng ban Quản lý Quỹ Bảo tồn;
- Đại diện Cơ quan đầu mối Quỹ Môi trường Toàn cầu (Bộ Tài nguyên và Môi trường)
- Đại diện FSSP/TFF CO
- Đại diện một tổ chức phi chính phủ quốc tế (luân phiên hàng năm giữa các bên ký Biên Bản Thỏa thuận (MoA) dự án FSSP.
- Đại diện nhà tài trợ cho Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp (luân phiên trên cơ sở thỏa thuận giữa các nhà tài trợ).
- Đại diện Vụ Kế hoạch, Bộ NN&PTNT;

- *Đại diện Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*
- *Giám đốc Dự án Phát triển Ngành Lâm nghiệp.*
- *Giám đốc Ban Thư ký VCF và Cố vấn Kỹ thuật tham dự các cuộc họp của Ban Quản lý VCF với tư cách là quan sát viên.*

3.2.3 *Họp dự án*

Ban Quản lý VCF sẽ họp ít nhất hai lần một năm, vào tháng 4 và tháng 10. Ban có thể tổ chức các cuộc họp bất thường nếu cần. Có thể sẽ thành lập thêm các tiểu ban chịu trách nhiệm về các vấn đề cụ thể liên quan đến công tác quản lý VCF.

3.3 Ban Thư ký VCF

Việc thành lập Ban thư ký VCF sẽ do một cố vấn kỹ thuật quốc tế hỗ trợ (Xem chức năng nhiệm vụ ở Phụ lục 1).

3.3.1 *Nhiệm vụ*

Ban Thư ký VCF là cơ quan điều hành của ban quản lý và có những nhiệm vụ sau:

- *Chịu trách nhiệm quản lý hiệu quả VCF, bao gồm trách nhiệm quản lý tiến độ xây dựng, thực hiện và giám sát các hoạt động thường nhật của VCF;*
- *Rà soát các đề xuất xin tài trợ, gửi Nhóm đánh giá Kỹ thuật (TRG) đánh giá và lựa chọn các đề xuất đạt tiêu chuẩn nhận tài trợ và xây dựng bảng tóm tắt kết quả đánh giá nhằm hỗ trợ Ban Quản lý VCF xem xét và phê duyệt;*
- *Góp ý về mặt kỹ thuật cho các Kế hoạch Quản lý Điều hành (OMPs) được trình lên Ban Quản lý VCF và duy trì mối quan hệ chặt chẽ với nhóm TRG, đồng thời phải đảm bảo các thủ tục đánh giá và phê duyệt các đề xuất tài trợ nhỏ phải đơn giản và hiệu quả;*
- *Điều phối và phối hợp chặt chẽ với các nhóm tư vấn vùng nhằm đưa ra được sự hỗ trợ kỹ thuật phù hợp và hiệu quả cho các hoạt động được nhận tài trợ, tập trung vào các hướng tiếp cận đơn giản, tiết kiệm mà có thể thực hiện bền vững trong điều kiện nguồn lực và nhân sự sẵn có;*
- *Ban thư ký VCF sẽ tiến hành đánh giá thường kỳ kết quả hoạt động của các nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng nhằm đảm bảo các hoạt động này phù hợp trong phạm vi quyền hạn của các nhóm hỗ trợ và đảm bảo các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật đáp ứng được yêu cầu của rừng đặc dụng. Ban Thư ký VCF sẽ báo cáo 6 tháng một lần lên Ban Quản lý VCF về kết quả hoạt động của các nhóm tư vấn vùng;*
- *Liên hệ với các nhà tài trợ và hướng dẫn xây dựng và thực hiện một chiến lược gây quỹ nhằm duy trì VCF và xác định các nguồn tài trợ khác;*
- *Hỗ trợ xây dựng các thể chế và chính sách về quản lý Rừng đặc dụng trong trường hợp các thể chế và quy định pháp lý cản trở việc thực hiện hiệu quả dự án của VCF, ví dụ phân bổ ngân sách*

nhà nước cho các ưu tiên bảo tồn, và nâng cao tính hiệu quả của các thể chế pháp lý nhằm thu hút sự tham gia của các bên liên quan vào công tác quản lý rừng đặc dụng;

- *Thu hút hơn nữa sự tham gia tích cực của các tổ chức Phi Chính phủ, nhóm cộng đồng và lĩnh vực tư nhân vào các chương trình và dự án liên quan đến các rừng đặc dụng;*
- *Liên hệ với các viện, tổ chức Chính phủ và cộng đồng bảo tồn có liên quan nhằm đảm bảo rằng chương trình tài trợ nhỏ này đáp ứng được nhu cầu của các bên liên quan, đồng thời nhằm duy trì tính chuyên nghiệp cao của chương trình tài trợ.*
- *Xây dựng và duy trì một hệ thống cơ sở để lưu giữ hiệu quả tất cả các văn bản liên quan (thư từ liên lạc, đề xuất xin tài trợ, hợp đồng, đánh giá nhu cầu bảo tồn, kế hoạch quản lý điều hành), xây dựng và phổ biến các hướng dẫn đơn giản, bài học kinh nghiệm*
- *Hỗ trợ việc chia sẻ và phổ biến các thông tin có được sau các đợt đánh giá và những thông tin này có thể được lồng ghép vào trong báo cáo quốc gia (ví dụ: Báo cáo Môi trường Quốc gia)*
- *Duy trì trang web nhằm giới thiệu về quy trình tiếp cận dự án, thời hạn nộp đề xuất dự án và thời hạn phê duyệt dự án, danh sách các đề xuất đã được phê duyệt và nhận tài trợ trong năm. Bên cạnh đó, phải đảm bảo rằng sách nguồn về các khu bảo tồn được cập nhật thường xuyên trên website.*
- *Tiến hành đánh giá định kỳ các hoạt động của VCF, đánh giá kết quả thực hiện của các rừng đặc dụng nhận tài trợ cũng như kết quả hoạt động của các nhóm tư vấn vùng. Chuẩn bị một báo cáo giữa năm và cuối năm về các hoạt động của Quỹ và trình lên Ban Quản lý VCF xem xét và phê duyệt.*

3.3.2 Địa điểm

Văn phòng Ban Thư ký VCF được đặt tại Phòng Bảo tồn Thiên nhiên, Cục Kiểm lâm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, và chịu trách nhiệm quản lý các tài trợ nhỏ và tài trợ cho các hoạt động bảo tồn.

3.3.3 Nhân sự

Nhân sự của Ban Thư ký VCF gồm có:

Giám đốc VCF: Giám đốc VCF có trách nhiệm báo cáo lên Ban Quản lý VCF và quản lý các công việc thường nhật của VCF (Phụ lục 1, Điều khoản Tham chiếu). Các nhiệm vụ cụ thể bao gồm:

- *Chịu trách nhiệm thuê tuyển, giám sát và điều hành các cán bộ dự án, xây dựng kế hoạch làm việc và giám sát toàn bộ quá trình thực hiện kế hoạch hoạt động, kiểm tra ngân sách, hướng dẫn chỉ đạo và giám sát thực hiện các hoạt động, và đảm nhiệm các chức năng quản lý hành chính khác;*
- *Xây dựng kế hoạch chiến lược và phối hợp với Ban quản lý VCF và TRG;*
- *Tham dự các cuộc họp của Ban Điều hành Dự án Quốc gia (NPSC) khi được mời, khuyến khích đầu tư ngân sách nhà nước cho các hoạt động bảo tồn ưu tiên của các rừng đặc dụng, hỗ trợ lồng ghép các vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học cho rừng đặc dụng và các đối tượng khác vào trong kế hoạch đầu tư của Chính phủ;*

- *Cán bộ Chương trình VCF: Hỗ trợ giám đốc điều hành liên hệ với các ban quản lý rừng đặc dụng và các nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng (Xem Chức năng nhiệm vụ cụ thể ở Phụ lục 1)*

Kế toán: Chịu trách nhiệm quản lý các tài khoản của Ban thư ký VCF và xây dựng báo cáo tài chính tháng và năm. Xem chức năng, nhiệm vụ cụ thể ở Mục 8)

Phiên dịch: Chịu trách nhiệm dịch tại các cuộc họp và hội thảo, hỗ trợ cán bộ thông tin và các cán bộ khác khi được yêu cầu;

Thư ký/Cán bộ Thông tin: Thực hiện các nhiệm vụ thư ký và hỗ trợ văn phòng cho Ban thư ký, biên dịch tài liệu. Theo dõi, quản lý trang web thông tin của VCF, các thông tin liên lạc liên quan đến hoạt động của Quỹ và chương trình tài trợ nhỏ.

Hỗ trợ của tư vấn: Ban Thư ký VCF có thể yêu cầu sự hỗ trợ của các tư vấn trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động lập kế hoạch có sự tham gia, giám sát đánh giá và lập kế hoạch đa dạng sinh học/bảo tồn.

3.4 Nhóm Đánh giá Kỹ thuật (TRG)

Nhóm Đánh giá Kỹ thuật (TRG) là cơ quan tư vấn kỹ thuật chính của VCF. Cố vấn Kỹ thuật và Giám đốc VCF sẽ phối hợp với Trưởng nhóm TRG nhằm đảm bảo các đề xuất dự án và Kế hoạch Quản lý Điều hành (OMP) được đánh giá một cách khách quan, không thiên vị. Mỗi một bộ đề xuất dự án và OMP sẽ được ít nhất hai thành viên TRG đánh giá. Trong quá trình đánh giá các bộ đề xuất, phải đảm bảo rằng không có thành viên TRG nào có sự tư lợi nào đối với các đề xuất được đánh giá. Các thành viên phải thông báo bất kỳ một xung đột lợi ích có thể xảy ra lên Trưởng nhóm TRG. Trong trường hợp này, Trưởng nhóm TRG có thể sẽ mời một cố vấn kỹ thuật khác, không phải là thành viên của TRG đánh giá bộ hồ sơ đó, và nếu cần thiết thì sẽ tham khảo ý kiến của Ban Thư ký VCF.

3.4.1 Nhiệm vụ

Nhóm TRG có những nhiệm vụ sau:

- *Cố vấn về mặt kỹ thuật cho Ban Quản lý VCF và Ban Thư ký VCF;*
- *Đánh giá về mặt kỹ thuật và phê duyệt các hồ sơ xin tài trợ gửi về VCF. Nhóm TRG phải đảm bảo rằng tất cả các bộ hồ sơ xin tài trợ phải thỏa mãn các yêu cầu sau: (a) đáp ứng đầy đủ các tiêu chí lựa chọn, (b) giải quyết các ưu tiên bảo tồn đã được trình bày trong Đánh giá Nhu cầu Bảo tồn và Kế hoạch Quản lý Điều hành (OMP), và (c) sử dụng tài trợ của VCF một cách có hiệu quả và tiết kiệm, tài nguyên của VCF trong khuôn khổ các nguồn lực tài chính và chuyên môn hiện có*
- *Đánh giá kỹ thuật và phê duyệt các OMP nhận được. Trong quá trình đánh giá kỹ thuật các OMP cần phải đánh giá tính phù hợp, thống nhất của các OMP với kế hoạch đầu tư và kế hoạch ngân sách.*
- *Đánh giá kết quả hoạt động trước đầu của Ban quản lý Rừng đặc dụng trong việc sử dụng nguồn hỗ trợ bên ngoài và/hoặc tài trợ của VCF nhằm đảm bảo kết quả phê duyệt các đề xuất được nhận tài trợ dựa trên kết quả hoạt động and contingent upon the SUF meeting the established benchmarks. Để làm được điều đó, nhóm TRG sẽ đánh giá báo cáo giữa năm và báo cáo hoạt*

động cũng như các báo cáo khác liên quan đến hoạt động của các đề xuất đã nhận tài trợ của VCF;

- *Đề xuất bằng văn bản lên Ban Quản lý VCF phê duyệt/loại bỏ/trì hoãn tài trợ cho các đề xuất;*
- *Đánh giá hàng năm và phê duyệt đề xuất của VCF về điều chỉnh danh sách các khu đủ điều kiện nhận tài trợ của VCF;*
- *Đưa ra những đề xuất khác, nếu cần thiết, phù hợp với các mục tiêu của VCF.*

3.4.2 Thành phần

Nhóm TRG gồm có 7 thành viên:

- *Một chuyên gia trong nước có danh tiếng về bảo tồn- Trưởng nhóm;*
- *Đại diện của một tổ chức bảo tồn trong nước có kinh nghiệm làm việc với các rừng đặc dụng và/hoặc cộng đồng trong/lân cận rừng đặc dụng;*
- *Đại diện của một viện khoa học và/hoặc nghiên cứu trong nước có kinh nghiệm làm việc với các rừng đặc dụng và/hoặc cộng đồng trong/lân cận rừng đặc dụng;*
- *Hai đại diện của một tổ chức Phi Chính phủ trong nước có kinh nghiệm làm việc với các rừng đặc dụng và/hoặc cộng đồng trong/lân cận rừng đặc dụng;*
- *Một đại diện của một tổ chức Phi Chính phủ quốc tế tại Việt Nam và có kinh nghiệm làm việc với các rừng đặc dụng và/hoặc cộng đồng trong/lân cận rừng đặc dụng;*
- *Một đại diện nhà tài trợ đã ký vào Biên bản Thỏa thuận FSSP và có kinh nghiệm chuyên môn liên quan.*
- *Mỗi thành viên của TRG sẽ làm việc trong thời hạn nhiều nhất là 2 năm, sau đó sẽ được đề cử lại hoặc thay người khác. Các thành viên của TRG sẽ làm việc theo năng lực của họ và sẽ không nhận thù lao thường xuyên của Quỹ, tuy nhiên họ được nhận thù lao khi tham gia các phiên họp và khi xem xét đánh giá các đề xuất dự án. Để tránh gây ra các xung đột về lợi ích, thành phần của TRG và của các nhóm tư vấn kỹ thuật vùng là hoàn toàn khác nhau. TRG có thể mời thêm các nhà chuyên gia tham gia hoặc đề nghị họ cho ý kiến tùy theo từng vấn đề khi có yêu cầu.*

(4) HỖ TRỢ KỸ THUẬT

Sẽ xây dựng các nhóm hỗ trợ kỹ thuật (TA) ở cấp trung ương và vùng nhằm hỗ trợ hoạt động và thực hiện VCF (hình 3).

4.1 Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cho Ban Thư ký VCF

Xem điều khoản tham chiếu cho các nhóm hỗ trợ kỹ thuật trong Phụ lục 1. Ở cấp Trung ương, nhóm hỗ trợ kỹ thuật gồm có: một cố vấn trưởng (báo cáo công việc lên giám đốc), một giám đốc điều hành, một cán bộ chương trình, một kế toán, một phiên dịch, và các tư vấn hỗ trợ ngắn hạn trong nước và quốc tế. Điều khoản tham chiếu cho các vị trí này được đề cập ở Phụ lục Các vị trí này sẽ do Ban thư ký VCF ký hợp đồng. Ngoài ra để hỗ trợ chung công việc của Ban thư ký, nhóm hỗ trợ kỹ

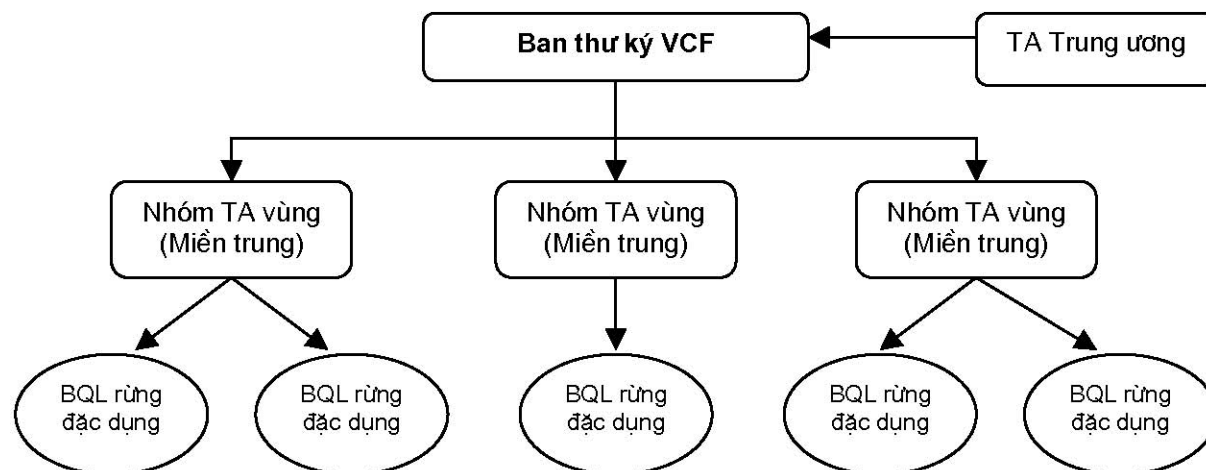
thuật sẽ giúp xây dựng VCF thành một cơ chế tài chính lâu dài cho các hoạt động bảo tồn, đồng thời xây dựng chiến lược huy động vốn nhằm duy trì VCF.

4.2 Các nhóm Hỗ trợ Kỹ thuật vùng

Điều khoản tham chiếu cho các nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng được nêu ở Phụ lục. Các nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng (Bắc, Trung và Nam) sẽ giúp các Ban quản lý rừng đặc dụng tiến hành đánh giá Nhu cầu Bảo tồn, xây dựng Kế hoạch Quản lý Điều hành và đề xuất dự án đồng thời đánh giá kết quả thực hiện các khoản tài trợ này. Các nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng sẽ bao gồm cả chuyên gia trong nước và chuyên gia quốc tế.

Bên cạnh đó, các nhóm tư vấn vùng có trách nhiệm:

- *Nâng cao năng lực cho các Ban quản lý rừng đặc dụng về các kỹ năng then chốt như kỹ năng quản lý và lập kế hoạch cho khu bảo tồn, kỹ năng làm việc với cộng đồng địa phương, kế toán và quản lý dự án;*
- *Đảm bảo chất lượng trong quá trình xây dựng và thực hiện CNAs và OMP;*
- *Giám sát các khoản tài trợ và việc thực hiện các kế hoạch quản lý điều hành, tiến độ nâng cao hiệu quả quản lý của các ban quản lý rừng đặc dụng, và tiến độ giảm nguy cơ đe dọa ở mỗi rừng đặc dụng nhận tài trợ của VCF;*
- *Xác định các lĩnh vực xung đột giữa SUFs và cộng đồng địa phương và hỗ trợ ban quản lý giải quyết các xung đột này trong bản OMPs;*
- *Mỗi đề xuất dự án phải xác định vai trò của sự hỗ trợ kỹ thuật mà ban quản lý sẽ nhận được từ các nhóm hỗ trợ kỹ thuật. Dự kiến phần lớn, chứ không phải tất cả các đề xuất xin tài trợ cần phải được nhóm hỗ trợ kỹ thuật hướng dẫn xây dựng. Nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng có vai trò quan trọng trong việc giám sát việc sử dụng tài trợ của VCF và báo cáo lên Ban Thư ký VCF. Các nhóm hỗ trợ kỹ thuật sẽ tập trung hướng dẫn các ban quản lý tìm ra các biện pháp tiếp cận đơn giản và hiệu quả, phù hợp với số lượng cán bộ và nguồn tài nguyên sẵn có tại rừng đặc dụng đó. Ngoài ra, đối tượng then chốt của các hoạt động xây dựng năng lực là cán bộ nhà nước và các bên liên quan ở cấp địa phương bởi vì đây chính là những đối tượng quyết định các biện pháp quản lý tài nguyên.*

Hình 3: Cơ cấu tổ chức của nhóm hỗ trợ kỹ thuật trung và vùng

(5) TÍNH PHÙ HỢP

5.1 Các khu đủ điều kiện nhận tài trợ

Danh sách các khu rừng đặc dụng đề nghị được xem xét hỗ trợ trong năm đầu tiên được nêu trong Phụ lục 3. Chỉ khi nào đáp ứng đủ cả ba tiêu chí A, B, và C (Bảng 1) thì các khu rừng đặc dụng mới có thể nhận được tài trợ của VCF. Các tiêu chí lựa chọn được nêu trong phụ lục 4. Trước khi nộp đơn xin tài trợ của VCF, các ban quản lý rừng đặc dụng phải đảm bảo chắc chắn rằng khu rừng mình đang quản lý nằm trong Phần A của Phụ lục 5. Các địa bàn không nằm trong danh sách ở Phần A Phụ lục 5 sẽ không được xem xét. Trong một số trường hợp ví dụ những nơi đang có các dự án bảo tồn thì dù có nằm trong danh sách ở Phần A Phụ lục 5 cũng có thể không đủ tiêu chuẩn để xem xét tài trợ từ VCF. .

Bảng 1: Tiêu chí tài trợ cho các Rừng đặc dụng (Thông tin chi tiết xem Phụ lục 4)

Tiêu chí	Ghi chú
Các khu có giá trị đa dạng sinh học quan trọng tầm quốc tế	Chỉ có các khu rừng đặc dụng có giá trị đa dạng sinh học quan trọng tầm quốc tế mới được xem xét nhận hỗ trợ của GEF (và VCF). Hai nguồn đánh giá đồng đẳng được sử dụng để xác định các khu có giá trị đa dạng sinh học quan trọng tầm quốc tế: Baltzer và các cộng sự (2001) đã mô tả

	các cảnh quan cần ưu tiên bảo tồn đa dạng sinh học; và Tordoff (2002) đã đưa ra danh mục và mô tả các vùng chim quan trọng (IBAs). Chỉ các khu nằm trong danh mục các cảnh quan ưu tiên hoặc được đánh giá là vùng chim quan trọng thì mới được liệt kê trong Phụ lục 5. Các khu nằm trong danh mục các cảnh quan ưu tiên nhưng không hỗ trợ bảo tồn các giá trị đa dạng sinh học quan trọng tầm quốc tế cũng được xác định và không được đưa danh sách các khu đủ điều kiện nhận tài trợ
B. Các khu rừng đặc dụng phải nằm trong danh mục đã hoặc đang được đề nghị là vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên hay khu bảo tồn loài/sinh cảnh	1. Tham khảo Quyết định số 08-QĐ-TTg 2001 của Thủ tướng về tiêu chí phân loại quản lý (vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn loài/sinh cảnh).. 2. Các khu rừng đặc dụng được đề xuất chỉ đủ tiêu chuẩn khi Bộ Nông nghiệp và PTNT nhận được đề xuất từ tỉnh. Các đề xuất nhằm xây dựng dự án nghiên cứu khả thi hoặc các hoạt động khác phục vụ cho công tác bảo tồn các vùng rừng mà từ đó có thể tăng cường sự kết nối giữa khu rừng đặc dụng đó với các vùng rừng có giá trị đa dạng sinh học khác cũng được xem là đủ điều kiện để nhận tài trợ (ví dụ, mở rộng diện tích các khu rừng đặc dụng) 3. Các khu trực thuộc tỉnh được ưu tiên tài trợ. Các khu trực thuộc Trung ương chỉ được xem xét tài trợ nếu kế hoạch quản lý điều hành thể hiện mức đầu tư và cam kết cao của Chính phủ dành cho các hoạt động bảo tồn. 4. Các khu bảo vệ văn hóa, lịch sử và môi trường (trong nhiều trường hợp được gọi là khu bảo vệ cảnh quan, rừng quốc gia) sẽ không được xem xét theo tiêu chí này vì mục tiêu quản lý chính của các khu này không phục vụ cho công tác quản lý bảo tồn đa dạng sinh học.
C. Rừng đặc dụng phải được “quản lý phù hợp”	“Quản lý phù hợp” có nghĩa là khu rừng đặc dụng đó được quản lý bởi một Ban quản lý hoặc được phân hạng là một khu rừng đặc dụng theo kế hoạch và chiến lược phát triển ngành lâm nghiệp của Chính phủ, và được quản lý bởi một Hạt Kiểm lâm hoặc Trạm Kiểm lâm với sự hỗ trợ kỹ thuật của Chi cục Kiểm lâm. .

Các khu rừng đặc dụng do ban quản lý rừng phòng hộ hay lâm trường quốc doanh quản lý sẽ không được xem xét theo tiêu chí này.

5.2 Các khu không đủ điều kiện nhận tài trợ

Trong một số trường hợp, các khu rừng đặc dụng nằm trong Phần A phụ lục A sẽ không đủ tiêu chuẩn để được xem xét nhận tài trợ của VCF. Các rừng đặc dụng được coi là “không đủ tiêu chuẩn nhận tài trợ” nếu vi phạm một trong các tiêu chí sau:

- Các khu rừng đặc dụng có các hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng hay các hoạt động phát triển khác (đã lên kế hoạch, đang thực hiện hay đã hoàn thành) không phù hợp với mục tiêu bảo tồn của VCF hoặc của các khu đó;
- Các khu đang nhận tài trợ của các dự án quốc tế cho quản lý bảo tồn vào thời điểm nộp đề xuất dự án. Đối với các khu đã lập kế hoạch về các dự án bảo tồn, nhóm đánh giá kỹ thuật sẽ đánh giá điều kiện nhận tài trợ của từng khu. Ban thư ký VCF sẽ đánh giá thường kỳ Phụ lục 5 và trình đề xuất sửa đổi lên nhóm đánh giá kỹ thuật và ban quản lý VCF trên cơ sở 6 tháng một lần. Do đó, các khu mà hiện đang nhận được nhiều hỗ trợ cho các hoạt động bảo tồn vẫn có thể tiếp cận với tài trợ của VCF sau khi các khoản tài trợ này kết thúc.
- Các khu đã nhận được nhiều ngân sách đầu tư của Chính phủ và từ các quỹ Hỗ trợ Phát triển Chính thức (ODA), và các khu có kế hoạch quản lý điều hành và kế hoạch ngân sách không tập trung vào giải quyết các hoạt động bảo tồn ưu tiên.

5.3 Các hoạt động được tài trợ

VCF chỉ tài trợ cho các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học ưu tiên hàng đầu. Các hoạt động ưu tiên này được nêu rõ trong kế hoạch quản lý điều hành (OMP). Tất cả các OMP này là đối tượng để xem xét trước khi trình TRG và Ban quản lý VCF phê duyệt. Tài trợ của VCF không được sử dụng để thay thế các khoản ngân sách đối ứng và cam kết của Chính phủ hay của các nguồn khác; và sẽ không được sử dụng cho xây dựng cơ sở hạ tầng.

VCF có thể tài trợ cho các hoạt động đáp ứng tiêu chí I và II trong Bảng 2. Trong số các hoạt động được xem xét, sẽ ưu tiên cho các hoạt động đáp ứng được một hoặc nhiều điểm trong tiêu chí III. VCF ưu tiên xem xét và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương trong việc quản lý rừng, ví dụ như thông qua các bản cam kết thỏa ước cùng tham gia quản lý, hay thông qua việc lập kế hoạch quản lý rừng có sự tham gia. Các hoạt động phát triển cộng đồng/nông thôn sẽ không được xem xét hỗ trợ từ VCF. Các cuộc điều tra đa dạng sinh học chỉ có thể được

xem xét tài trợ nếu là hoạt động được ưu tiên trong OMP và chỉ khi được thiết kế trên cơ sở nhằm mục đích cải thiện công tác quản lý rừng đặc dụng.

Ban Thư ký VCF, Ban quản lý VCF và TRG có trách nhiệm trước ban Điều hành dự án về đảm bảo các khoản tài trợ của VCF được thực hiện một cách có hiệu quả cho các hoạt động bảo tồn ưu tiên được thống nhất trong OMP. Bảng 3 tóm tắt một số ví dụ về các hoạt động có thể được xem xét tài trợ.

Bảng 2 :Tiêu chí lựa chọn các hoạt động được tài trợ

(Xem lý do lựa chọn trong Phụ lục 5)

Tiêu chí	Điều kiện
I. Các hoạt động giảm nguy cơ đe dọa đến các yếu tố đa dạng sinh học	I. Các hoạt động có thể được tài trợ nếu đó là các hoạt động ưu tiên trong kế hoạch quản lý điều hành, hoặc trong đánh giá nhu cầu bảo tồn
II. Các hoạt động không nằm trong danh mục được tài trợ	II. Các hoạt động sau đây KHÔNG được xem xét tài trợ: - Các hoạt động đang được đầu tư từ dự án nước ngoài; - Các hoạt động đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bao gồm cả nhà cửa, nhà khách, đường xá và đập. Ngoại trừ các hoạt động sau đây có thể được xem xét hỗ trợ như: a) mốc giới - một phần của chương trình phân định ranh giới, và b) các cột ăng ten bộ đàm để kết nối với cột trung tâm nằm trong một phần chương trình sử dụng bộ đàm cho công tác tuần tra; - Mua sắm trang thiết bị như xe cộ, máy phát điện, máy điều hoà, đồ nội thất. Ngoại trừ các hoạt động sau đây có thể được xem xét hỗ trợ như ống nhòm, hệ thống định vị toàn cầu GPS, máy vi tính, v.v. nếu các trang thiết bị này là cần thiết cho việc thực thi các hoạt động như giảm nguy cơ đe dọa đến tính đa dạng sinh học quan trọng cấp quốc tế. Tổng giá trị của các trang thiết bị không vượt quá 20% tổng vốn hỗ trợ của Quỹ bảo tồn Việt Nam cho một dự án; - Lương cơ bản của nhân viên, chi phí các hoạt động quản lý dự án, xăng xe và chi phí bảo dưỡng xe cộ; - Các hoạt động lâm nghiệp được đầu tư bằng vốn Chương trình 661; - Các hoạt động phát triển nông thôn. Tuy nhiên, các hoạt động nhằm thúc đẩy các tài trợ phát triển hiện tại để hướng tới các chương trình phù hợp với việc bảo tồn đa dạng sinh học sẽ được chấp nhận; - Tái định cư; - Các công việc nghiên cứu khoa học, các khoá tham quan học tập ở nước ngoài;

Tiêu chí	Điều kiện
	- Các hoạt động làm thay đổi sinh cảnh tự nhiên; - Hoạt động đánh giá tác động môi trường, giảm nhẹ nguy cơ tác động tới các dự án phát triển lớn; - Các hoạt động vượt ra ngoài trách nhiệm của ban quản lý rừng đặc dụng.
III. Các hoạt động phù hợp với mục tiêu của VCF	III. Các hoạt động được ưu tiên: Có cam kết đồng tài trợ cao từ ngân sách Chính phủ Có cam kết cao về sự đồng tham gia của cộng đồng địa phương trong các hoạt động bảo tồn Có khả năng thành công cao Hoạt động đó là một phần trong Kế hoạch điều hành đa niên Việc thực hiện hoạt động đó sẽ thúc đẩy mục tiêu của kế hoạch hoạt động chung Có khả năng nhân rộng cao Hoạt động của một khu rừng đặc dụng đã được nhận tài trợ lần trước và sử dụng hiệu quả

Bảng 3: Danh sách dự kiến các hoạt động đủ điều kiện nhận tài trợ của VCF

Loại hình hoạt động	Ví dụ
Tăng cường năng lực cho cán bộ ban quản lý rừng đặc dụng	- Các lớp tập huấn - Tham quan trao đổi, tham quan khảo sát tới các khu rừng đặc dụng khác ở Việt Nam - Tham quan khảo sát các ở các khu vực liên biên giới
Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương trong việc bảo tồn	- Đàm phán và đi đến ký cam kết bảo tồn với hộ gia đình - Thiết lập cơ chế tham gia quản lý của cộng đồng - Xây dựng đội tuần tra có sự tham gia của các thành viên cộng đồng dân cư địa phương - Thành lập và tổ chức hoạt động cho các nhóm hỗ trợ rừng đặc dụng - Thiết lập mạng lưới thông tin và tham quan trao đổi về bảo tồn giữa các cộng đồng - Xây dựng các quy chế và cam kết ở địa phương
Quản lý và lập kế hoạch bảo tồn	- Xây dựng các OMP với sự tham gia của các bên có liên quan ở địa phương - Mô tả và phân định ranh giới có sự tham gia (hội thảo các bên có liên quan, các buổi thực hành lập bản đồ có sự tham gia, cắm mốc, biển báo...) - Quản lý loài và sinh cảnh (ví dụ quản lý sinh cảnh, kiểm soát các loài xâm hại) - Trợ giúp cộng đồng tiếp cận với các khoản hỗ trợ/tư vấn từ các nguồn khác để thực hiện các hoạt động phát triển bền vững ở vùng đệm - Hỗ trợ cho việc mở rộng rừng đặc dụng, ví dụ như điều tra các khu rừng liền kề hoặc các khu vực kết nối giữa các khu rừng đặc dụng.

Loại hình hoạt động	Ví dụ
Nâng cao nhận thức về bảo tồn	- Các chiến dịch nâng cao nhận thức ở cấp địa phương (ví dụ Các cuộc họp làng bản) - Sử dụng phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương (đài, truyền hình, v.v.) - Các hoạt động đào tạo và nâng cao nhận thức về phòng chống cháy rừng - Chuẩn bị và phân phát các tài liệu về nâng cao nhận thức - Các chiến dịch giáo dục môi trường ở các trường phổ thông cơ sở - Các hoạt động như thân thiện với môi trường, kế hoạch sử dụng đất ở vùng đệm
Kiểm soát săn bắn và buôn bán động thực vật hoang dã	- Lập kế hoạch và thực hiện các cuộc tuần tra chống săn bắn - Tập huấn về luật cho cán bộ của các cơ quan liên quan (Cục Kiểm lâm, công an, hải quan, bộ đội biên phòng...) - Cung cấp bộ đàm và các thiết bị tuần tra khác
Phát triển du lịch bền vững	- Đào tạo người dân địa phương thành các hướng dẫn viên du lịch - Xây dựng và thực hiện các quy định về du lịch sinh thái ở các vùng nhạy cảm
Điều tra và nghiên cứu	- Đánh giá hiện trạng về các loài bị đe dọa toàn cầu để xây dựng và đề xuất kế hoạch quản lý - Thu thập cơ sở dữ liệu về sự đe dọa, nguồn tài nguyên được sử dụng và tính đa dạng sinh học ở những nơi nhạy cảm để xây dựng và đề xuất kế hoạch quản lý

(6) TÀI TRỢ CỦA VCF

VCF là một quỹ được xây dựng trên cơ sở tài trợ mang tính cạnh tranh. Hàng năm Quỹ sẽ xác định tổng kinh phí có thể huy động để hỗ trợ cho những khu rừng đặc dụng và sẽ cung cấp các khoản tài trợ trong khuôn khổ lượng kinh phí đó nếu nhận được các đề xuất dự án có chất lượng.

6.1 Tài trợ trên nguyên tắc cạnh tranh

Trong giai đoạn thực hiện ban đầu, dự kiến sẽ có khoảng 15-20 khu rừng đặc dụng hoàn thành xong kế hoạch quản lý điều hành. Đây là những khu rừng đủ điều kiện để cạnh tranh nhận được tài trợ trong năm đầu tiên. Trong năm thứ nhất và thứ 2 các nhóm Tư vấn kỹ thuật vùng sẽ tập trung vào việc tăng cường năng lực cho những khu rừng đặc dụng khác nhau, hỗ trợ xây dựng đánh giá nhu cầu bảo tồn và xây dựng các kế hoạch quản lý điều hành đồng thời tăng cường năng lực của các ban quản lý rừng đặc dụng. Tất cả các khu rừng đặc dụng đạt được tiêu chí lựa chọn có thể gửi đề xuất dự án nếu họ đồng ý sẽ xây dựng được kế hoạch quản lý điều hành và sẽ tập trung vào các hoạt động bảo tồn ưu tiên. Trong năm thứ 2, dự tính sự cạnh tranh cho tài trợ lần hai sẽ mạnh mẽ hơn. Đến năm thứ 3 khi đã có một số lượng lớn các khu rừng đặc dụng hoàn thành việc xây dựng kế hoạch quản lý điều hành, VCF sẽ hoạt động mang tính cạnh tranh cao hơn và lúc đó sẽ có một số lượng lớn các khu rừng đặc dụng sẽ không nhận được tài trợ. Trong các trường hợp mà các khu rừng đặc dụng không xây dựng được các dự án mang tính cạnh tranh cao thì VCF có thể sẽ quyết định làm việc với các nhóm Tư vấn kỹ thuật vùng để hỗ trợ tăng cường năng lực cho các khu rừng đặc dụng này để có khả năng cạnh tranh cao hơn.

VCF cũng khuyến khích sự phối kết hợp giữa các rừng đặc dụng với nhau, ví dụ trong trường hợp mà một số rừng đặc dụng cùng gặp khó khăn tương tự trong công tác quản lý và lập kế hoạch bảo tồn; hoặc trong những trường hợp cần phải có sự hợp tác để thiết lập một hành lang đa dạng sinh học giữa hai rừng đặc dụng đủ điều kiện nhận tài trợ của VCF. Khi đó, ban quản lý các rừng đặc dụng có thể lồng ghép và nộp chung một đề xuất xin tài trợ. Một Ban Quản lý sẽ chịu trách nhiệm (trưởng nhóm) xây dựng đề xuất, thực hiện và quản lý số tiền tài trợ nhận được. Việc lồng ghép hai đề xuất làm một không nhất thiết có nghĩa là hạn chế việc nộp một đề xuất của ban quản lý, nhưng ban quản lý phải chứng minh được năng lực có thể quản lý được hơn một dự án tài trợ.

6.2 Chu kỳ tài trợ

Từ cuối năm Dự án thứ 2, và trên cơ sở chấp thuận trong đợt đánh giá giữa kỳ, các khu đã hoàn thành kế hoạch quản lý điều hành có thể nộp đề xuất xin tài trợ cho nhiều năm trong phạm vi ngân sách đề trình trong kế hoạch quản lý điều hành

Sau 12 tháng hoạt động có kết quả tốt, các rừng đặc dụng có thể nộp đơn xin tài trợ cho một dự án khác, do đó có thể xảy ra trường hợp có nhiều dự án cùng thực hiện một lúc, với điều kiện là rừng đặc dụng đó phải chứng minh năng lực phù hợp để thực hiện nhiều dự án song song với nhau.

6.3 Quy mô tài trợ

Các đề xuất dự án thực hiện trong năm thứ nhất và năm thứ hai của dự án có mức trần tối đa là 50.000 USD và giải ngân tối đa cho một năm là 25.000 USD. Mức tài trợ tối đa có thể được nâng lên (đến mức tối đa là 50,000 USD/năm) phụ thuộc vào kết quả phê duyệt của đợt đánh giá giữa kỳ

Thời hạn của một dự án tài trợ nhỏ có thể được rút ngắn hoặc kéo dài, trên cơ sở đồng thuận của hai bên, thông qua việc sửa đổi Thỏa thuận tài trợ giữa VCF và Ban Quản lý VCF. Trong trường hợp đó, Ban Quản lý rừng đặc dụng có trách nhiệm giải trình bằng văn bản yêu cầu sửa đổi, hoặc chấm dứt thỏa thuận, và cung cấp cơ sở cho yêu cầu thay đổi này.

Trong trường hợp có một dự án tài trợ mới hoặc được thực hiện song song với một dự án đã đang thực hiện, và Ban Quản lý rừng đặc dụng có đủ năng lực để thực hiện hai dự án nối tiếp cùng một lúc, thì giải pháp tốt hơn hết là kết hợp hai dự án này thành một.

6.4 Quá trình lựa chọn tài trợ

Một đặc điểm quan trọng khi thiết kế dự án VCF là phải phân rõ trách nhiệm về lựa chọn và quản lý các đề xuất xin tài trợ. Nhóm TRG chịu trách nhiệm lựa chọn đề xuất dự án để tài trợ, với sự phê duyệt chính thức của Ban Quản lý VCF. Ban Thư ký VCF có trách nhiệm quản lý các khoản tài trợ.

Các rừng đặc dụng có thể tiếp cận với tài trợ của VCF theo các bước sau đây:
Bước 1.

Đối với các Rừng đặc dụng chưa hoàn thiện CNAs và OMPs: Ban Quản lý rừng đặc dụng cam kết hoàn thiện một bản đánh giá nhu cầu bảo tồn và kế hoạch quản lý điều hành theo Cẩm nang VCF. Nếu cần thiết, có thể lồng ghép yêu cầu hỗ trợ tài chính để hoàn thiện CNAs và OMPs như là một phần trong đề xuất xin tài trợ lần đầu (cùng với các đề xuất xin tài trợ cho các sáng bảo tồn ưu tiên). Các đề xuất xin tài trợ phải được gửi kèm với Báo cáo rà soát xã hội (SSR).

Đối với các Rừng đặc dụng đã hoàn thiện CNAs và OMPs: nộp CNAs và OMPs lên TRG và Ban Quản lý VCF (MC) đánh giá và phê duyệt nhằm đảm bảo rằng các tài liệu này được xây dựng theo các tiêu chí trong Cẩm nang VCF. Cần đánh giá kế hoạch quản lý điều hành dưới góc độ các vấn đề xã hội theo mẫu báo cáo tham vấn xã hội trước khi trình Ban thư ký đánh giá.

Ban quản lý rừng đặc dụng có thể huy động sự hỗ trợ của nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng để được hướng dẫn và hỗ trợ thực hiện các yêu cầu này. Phương pháp thực hiện và biểu mẫu của CNAs và OMPs được trình bày trong Phụ lục 6 và 7. Kế hoạch quản lý điều hành và kế hoạch đầu tư nên được lồng ghép với nhau ở mức độ phù hợp và phải trình bày rõ nguồn ngân sách khác nhau cho rừng đặc dụng trong phần ngân sách trong kế hoạch quản lý điều hành, ví dụ ngân sách nhận được từ tỉnh hay trung ương trong kế hoạch đầu tư, dự án 661 và đầu tư từ các nhà tài trợ khác.

Bước 2. Ban Quản lý rừng đặc dụng xây dựng đề xuất dự án trên cơ sở kế hoạch quản lý điều hành. Đề xuất dự án phải nhằm giải quyết các ưu tiên hàng đầu đã được xác định trong kế hoạch quản lý điều hành. Ban quản lý rừng đặc dụng có thể tự xây dựng đề xuất hoặc xây dựng với sự hỗ trợ của nhóm Hỗ trợ kỹ thuật vùng. Đề xuất dự án phải được xây dựng theo mẫu chuẩn của VCF (xem Phụ lục 8). Một Báo cáo Rà soát Xã hội phải được gửi kèm với đề xuất xin tài trợ (Phụ lục 9). Hồ sơ xin tài trợ phải được Ủy ban Nhân dân tỉnh (hoặc, đối với các vườn quốc gia trực thuộc trung ương, Bộ NN&PTNT) phê duyệt.

Bước 3. Ban Quản lý rừng đặc dụng nộp đề xuất lên Ban Thư ký VCF. Để đảm bảo tính minh bạch quá trình lựa chọn các đề xuất được tài trợ, Ban Thư ký VCF sẽ đăng tất cả các đề xuất xin tài trợ lên website của VCF..

Bước 4. Ban thư ký VCF sẽ tiến hành xem xét hồ sơ dự án. Có 3 khả năng sau có thể xảy ra
HOẶC

Các đề xuất xin tài trợ được gửi tới Nhóm Đánh giá kỹ thuật để đánh giá. Ban Thư ký VCF sẽ phối hợp với Trưởng nhóm TRG phân bổ các đề xuất này cho các thành viên TRG đánh giá.

HOẶC:

Bộ hồ sơ bị gửi trả lại Ban quản lý rừng đặc dụng để làm rõ một số vấn đề. Sau khi nhận được các giải trình phù hợp, Ban Thư ký VCF sẽ gửi hồ sơ đó cho nhóm TRG đánh giá. Ban Thư ký VCF sẽ thông báo thành viên nào trong nhóm TRG kết luận đề xuất này cần sửa đổi, bổ sung và lý do chưa nhận được tài trợ;

HOẶC:

Bộ hồ sơ được coi là không đáp ứng các tiêu chí lựa chọn của VCF và bị loại bỏ. Ban Thư ký VCF sẽ thông báo tên người ra quyết định này.

Bước 5: Nhóm đánh giá kỹ thuật độc lập ở trung ương (TRG) đánh giá hồ sơ dự án:

Các đề xuất chỉ nhận được tài trợ của VCF nếu được nhóm TRG đánh giá cao và phê duyệt.

Nếu điều kiện cho phép, ban quản lý rừng đặc dụng có thể hoàn thiện đánh giá nhu cầu bảo tồn, tuy nhiên, nếu không thực hiện được thì nhóm đánh giá kỹ thuật sẽ xem xét đề xuất dự án mà không tính đến đánh giá nhu cầu bảo tồn, ngoại trừ trong trường hợp có hoạt động yêu cầu tài trợ để tiến hành đánh giá nhu cầu bảo tồn. Dưới đây là bảng tóm tắt tiêu chí đánh giá được nhóm đánh giá kỹ thuật sử dụng và có thể bổ sung thêm.

Tính sở hữu

1. Phê duyệt của lãnh đạo tỉnh
2. Mức độ đồng tài trợ từ ngân sách TW, tỉnh, huyện
3. Đề xuất dự án được xây dựng trên cơ sở có sự tham khảo ý kiến của cộng đồng địa phương.
4. Các biểu đánh giá xã hội được hoàn thành và có kết quả khả quan

Tính hợp lệ

1. Đánh giá Nhu cầu Bảo tồn được hoàn thiện hoặc đơn xin tài trợ phải nêu rõ yêu cầu tài trợ để xây dựng CNA như một phần của quá trình xây dựng OMP
2. Các hoạt động đề xuất được xem như là các ưu tiên trong CNA/OMP.

Quản lý Bảo tồn

-
1. Thiết kế dự án bao gồm mục tiêu và kết quả phải thực tế, mang tính khả thi cả về mặt kỹ thuật và phù hợp với năng lực của Ban quản lý rừng đặc dụng.
 2. Cộng đồng địa phương cam kết tham gia tích cực vào các hoạt động bảo tồn
 3. Đề xuất dự án có nhiều khả năng thành công
 4. Đề xuất dự án có khả năng nhân rộng ở những nơi khác
 5. Ban quản lý rừng đặc dụng đã quản lý hiệu quả các đầu tư cho công tác bảo tồn trước đây (bao gồm cả tài trợ của VCF nếu đã nhận được)
 6. Đề xuất dự án có kế hoạch quản lý điều hành phù hợp với khung giám sát đánh giá đã được xây dựng
 7. Mức kinh phí yêu cầu là hợp lý cho các hoạt động được đề xuất

Kết quả xem xét của TRG sẽ có 3 khả năng sau:

Chấp nhận (có thể đối với một số thay đổi nhỏ về kinh phí hay hoạt động)

HOẶC:

Chấp nhận tạm thời, sau đó đề nghị Ban Thư ký VCF cung cấp những thông tin bổ sung trước khi chấp nhận cuối cùng;

HOẶC:

Từ chối

VCF sẽ có văn bản trả lời chính thức cho các nơi gửi đề xuất về quyết định lựa chọn và các hoạt động cần thực hiện tiếp theo.

Bước 6: Ban Thư ký VCF sẽ trình các đề xuất dự án đã được chấp nhận lên Ban quản lý VCF, bao gồm tóm tắt đề xuất, ngân sách yêu cầu và đề xuất chung của TRG và ban thư ký. Ban Quản lý VCF sẽ xem xét và ra quyết định phê duyệt cuối cùng. Thời gian xét duyệt phù hợp với kế hoạch năm tài chính (Bảng 4), và đảm bảo rằng: (a) các đề xuất dự án được phê duyệt trước tháng Mười vì đây là thời gian Chính phủ quyết định mức ngân sách đầu tư cho các rừng đặc dụng; và (b) đảm bảo các rừng đặc dụng được nhận tiền tài trợ trong đầu năm tài chính tiếp theo.

Bảng 4: Lịch trình phê duyệt dự án tài trợ nhỏ

Hoạt động	Thời hạn hoàn thành
Các Ban quản lý rừng đặc dụng nộp đề xuất dự án	30/6
Ban Thư ký tiến hành sơ loại các đề xuất dự án	31/7
TRG xem xét các đề xuất dự án	31/8
Nếu cần thiết, Ban thư ký yêu cầu các đơn vị xin tài trợ bổ sung thông tin và bắt đầu chuẩn bị các tài liệu liên quan để hỗ trợ các hoạt động được phê duyệt	30/9
Ban Thư ký trình các bộ đề xuất lên Ban Điều hành phê duyệt	Tuần đầu tháng 10
Sau khi được phê duyệt, Ban thư ký sẽ thông báo cho ban quản lý rừng đặc dụng/tỉnh và thông báo cho tư vấn lập kế hoạch hỗ trợ	15/10
Nhóm tư vấn kỹ thuật chuẩn bị kế hoạch làm việc/kế hoạch ngân sách bao gồm các khu được phê duyệt	15/11`
VCF ký thoả thuận tài trợ và giải ngân	31/12

Bước 7: Ban Thư ký VCF phối hợp nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng để thống nhất về nhu cầu HTKT cho từng khu rừng đặc dụng để tiến hành thực hiện các hoạt động đã được phê duyệt tài trợ. Ban Thư ký VCF sẽ gặp các nhóm HTKT vùng phù hợp để xây dựng chương trình hàng năm cho mỗi vùng. Chương trình này có thể bao gồm: (a) Hỗ trợ xây dựng đánh giá nhu cầu bảo tồn; (b) Xây dựng kế hoạch quản lý điều hành; hoặc (c) Hỗ trợ thực hiện các hoạt động đã được phê duyệt

Bước 8: Ký kết thoả thuận tài trợ/hợp đồng: Một hợp đồng theo mẫu chuẩn sẽ được ký kết giữa VCF và rừng đặc dụng (mẫu ở Phụ lục 10)

Bước 9: Giải ngân: Ban thư ký VCF chuẩn bị các thủ tục giải ngân. Ngay sau khi hợp đồng được ký kết, Ban thư ký sẽ chuẩn bị các thủ tục giải ngân vào trực tiếp tài khoản đã được mở để nhận tài trợ (xem Phụ lục 10)

Bước 10: Thực hiện thêm đề xuất dự án khác: Sau 12 tháng thực hiện thành công một đề xuất dự án đang nhận tài trợ, các khu có thể nộp một đề xuất khác tiếp theo hoặc thực hiện song song với dự án đang nhận tài trợ. Trước khi chấp nhận đề xuất dự án thứ hai, Ban thư ký VCF, với sự tư vấn của nhóm tư vấn vùng, tiến hành đánh giá hiệu quả thực hiện dự án hiện tại và tiến hành một cuộc đánh giá năng lực của ban quản lý khu rừng đặc dụng đó nhằm đảm bảo ban quản lý đó có đủ năng lực để thực hiện thêm một dự án khác.

(7) AN SINH XÃ HỘI

7.1 Chiến lược Phát triển Dân tộc Thiểu số (EMDS)

Trên cơ sở Hướng dẫn Hoạt động (Operational Directive) của Ngân hàng Thế giới (Điều 4.20), Bộ Nông nghiệp và PTNT đã dự thảo Chiến lược Phát triển Dân tộc Thiểu số (EMDS) (xem Cẩm nang Hoạt động của Hợp phần trồng rừng của dự án). Theo chiến lược này, dân tộc thiểu số là những người thuộc dân tộc thiểu số sống ở những vùng rừng đặc dụng. Chiến lược này đưa ra các phân tích các vấn đề phát triển mà gặp phải, đặc biệt những vấn đề liên quan trực tiếp đến việc quản lý rừng đặc dụng. Đại diện các nhóm dân tộc sinh sống trong các khu được chọn đã được tham vấn. Chiến lược phát triển dân tộc thiểu số được xây dựng dựa trên những đóng góp và ý kiến của các dân tộc tại các cuộc tham vấn. Dưới đây là tóm tắt các đặc điểm chính của chiến lược phát triển dân tộc thiểu số liên quan đến hợp phần rừng đặc dụng:

Trong quá trình chuẩn bị dự án, ước tính 30 trong số 50 khu rừng đặc dụng đủ điều kiện nhận tài trợ của VCF đều có người dân sống ở trong hoặc xung quanh khu rừng đặc dụng và chủ yếu là dân tộc thiểu số. Kịch bản toàn công tác quản lý khu bảo tồn có thể tạo ra cơ hội cho người dân địa phương đồng thời cũng có thể tác động không tốt đến việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên của họ. Các giải pháp đặc biệt cần phải được đề ra để đảm bảo rằng các hoạt động của dự án về mặt văn hoá xã hội là phù hợp với nhu cầu của cộng đồng địa phương. Thiết kế tổng quan của dự án cần quan tâm đến nhu cầu đặc biệt của đồng bào dân tộc thiểu số. Điều này có thể tiến hành bằng 2 cách: i) Các tiêu chí sàng lọc xã hội cần phải được thiết kế để đánh giá các đề xuất dự án xin tài trợ của VCF nhằm đảm bảo tính dễ dàng tiếp cận của đề xuất dự án xin tài trợ của VCF nhằm đảm bảo tính phù hợp với điều 4.20 của OD (Phụ lục 9); và (ii) xây dựng một Khung Quá trình nhằm giải quyết thực tế là việc giới hạn sử dụng tài nguyên thiên nhiên là nhằm phục vụ công tác bảo tồn các giá trị đa dạng sinh học quan trọng. Khung Quá trình này sẽ đưa ra các nguyên tắc về vai trò và trách nhiệm của Ban Quản lý rừng đặc dụng và cộng đồng địa phương khi đàm phán về Cơ chế Chia sẻ Lợi ích có thể sử dụng được. Khung Quá trình được trình bày trong Phụ lục 11- Khung Chính sách Tái định cư.

7.2 Giới hạn sử dụng tài nguyên thiên nhiên rừng đặc dụng của cộng đồng địa phương

7.2.1 Khung chính sách Tái định cư

Chính phủ đang thực hiện một chương trình định canh định cư. Chương trình này đôi khi cũng tiến hành việc tái định cư cho các cộng đồng nhỏ ở địa bàn lâm nghiệp. Việc tái định cư này không được nằm trong diện xét tài trợ. Tuy nhiên việc tăng cường quản lý rừng đặc dụng có thể cần thiết dẫn đến việc hạn chế người dân địa phương sử dụng tài nguyên đất đai và lâm sản. Khung chính sách tái định cư (như là 1 phần của Phụ lục 11) được áp dụng trong các trường hợp mà việc hạn chế trên sẽ trực tiếp dẫn đến nguy cơ làm mất đi khả năng sử dụng tài nguyên và hạn chế khả năng tiếp cận các nguồn lâm sản của người dân. Bộ NN&PTNT đã xây dựng Khung Quở trởnh trong dự thảo Khung chính sách tái định cư trên cơ sở Chương trình hoạt động OP 4.12. Khung Quá trình đã nêu ra mục tiêu của dự án là bảo tồn đa dạng sinh học quan trọng. Điều này cũng được mô tả trong bản đánh giá nhu cầu bảo tồn và kế hoạch quản lý bảo tồn nhằm mục đích giảm mức độ sử dụng tài nguyên thiên nhiên của rừng đặc dụng hiện nay

Mục đích của Khung Quá trình là nhằm thiết lập một quá trình mà theo đó cộng đồng địa phương sẽ bị ảnh hưởng bởi sự hạn chế sử dụng tài nguyên và ban quản lý rừng đặc dụng sẽ tiến hành các thủ tục đàm phán, thương thảo nhằm xác định và thực hiện các biện pháp giảm hoặc giảm thiểu tác động của việc hạn chế sự tiếp cận tài nguyên. Khung quá trình cũng trình bày các bước lập kế hoạch và tài liệu yêu cầu để thực hiện cho các hoạt động dự án..

7.2.2 Trách nhiệm thực hiện

Trong quá trình chuẩn bị đề xuất dự án, các nhóm HTKT vùng sẽ có trách nhiệm thông báo cho các Ban quản lý rừng đặc dụng về Khung Quá Trình và đảm bảo sao cho các bản đánh giá nhu cầu bảo tồn và kế hoạch quản lý điều hành cho các khu rừng hoàn toàn phù hợp với Khung Quá trình này. Nếu cần, có thể yêu cầu tư vấn hỗ trợ xây dựng một phần nội dung của CNA và OMP, trên cơ sở trao đổi ý kiến với Ban quản lý rừng đặc dụng, chính quyền và cộng đồng địa phương. Ngay khi đề xuất dự án được phê duyệt, trưởng nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng phải đảm bảo rằng Ban Quản lý rừng đặc dụng cử một cán bộ có trình độ phù hợp theo đúng yêu cầu của Khung Quá trình.

Ban Thư ký VCF và các nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng có trách nhiệm theo dõi, giám sát bất kỳ khả năng tái định cư có thể xảy ra đối với các nhân hay cộng đồng trong quá trình thực hiện dự án, cho dù các hoạt động tái định cư này được thực hiện bằng nguồn vốn nào, nhằm đảm bảo yêu cầu của Khung Chính sách Tái định cư

(Phụ lục 11). Ban Thư ký VCF có trách nhiệm báo cáo tất cả các vấn đề này trong báo cáo hàng năm cho Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF).

7.2.3 Kiểm tra và Giám sát

Các nhóm HTKT vùng sẽ tiến hành giám sát độc lập quá trình thực hiện các báo cáo đánh giá xã hội trong bản đánh giá nhu cầu bảo tồn. Các nhóm này sẽ giám sát việc thực hiện Khung hoạt động bằng cách thăm tất cả (hay đại diện) cộng đồng chịu ảnh hưởng của việc hạn chế sử dụng tài nguyên vào cuối mỗi năm kể từ năm thứ 2 thực hiện dự án. Các nhóm HTKT vùng cũng sẽ chịu trách nhiệm giám sát bất kỳ cuộc di dân nào ra khỏi các khu rừng đặc dụng trong thời gian thực hiện các khoản tài trợ và đảm bảo rằng hoạt động tái định cư này được tiến hành phù hợp với Khung chính sách tái định cư. Ngoài ra Hiệp hội phát triển quốc tế IDA cũng sẽ giám sát định kỳ việc thực hiện Khung Quá trình.

(8) QUẢN LÝ VCF

8.1 Vai trò của Ban Thư ký VCF

8.2 Quản lý VCF

Công tác này bao gồm việc quản lý các hoạt động thường nhật của VCF trong thời gian thực hiện dự án, tăng cường năng lực cho Phòng Bảo tồn Cục Kiểm lâm để quản lý hiệu quả và lâu dài VCF, rà soát các đề xuất dự án, đánh giá các kế hoạch quản lý điều hành, điều phối và giám sát các công việc của nhóm HTKT vùng và phối kết hợp với Chính phủ, các tổ chức quốc tế bao gồm các nhà tài trợ..

8.3 Hoạt động giao tiếp thông tin

Các hoạt động thông tin liên lạc của VCF nhằm:

- *Giới thiệu Quỹ Bảo tồn, tìm kiếm kinh phí để duy trì Quỹ và xây dựng Quỹ trở thành một cơ chế tài chính bền vững cho bảo tồn,*
- *Đảm bảo sao cho các bài học kinh nghiệm được các ban quản lý rừng đặc dụng, các chi cục Kiểm lâm và các bên liên quan chia sẻ với nhau,*
- *Tăng cường sự phối hợp với các cơ quan khác của Chính phủ để thúc đẩy công tác bảo tồn rừng đặc dụng và khuyến khích sự quan tâm đến bảo tồn với quy mô cảnh quan rộng lớn hơn, chứ không giới hạn trong phạm vi rừng đặc dụng,*
- *Cung cấp thông tin và các ý kiến phản hồi về Chương trình hỗ trợ ngành lâm nghiệp và đối tác, các Cục/Vụ của các Bộ Ngành cả các nhà tài trợ cho Quỹ...*
- *Các hoạt động cần thiết sẽ được xác định trên cơ sở có nhu cầu thực sự và có thể bao gồm các nội dung sau:*
- *Xây dựng và duy trì hoạt động của trang web*
- *Tổ chức các cuộc họp báo, bao gồm cả các báo cáo địa phương, quốc gia và quốc tế, đài phát thanh và truyền hình*
- *Chuẩn bị và phân tán các trang tin, bản tin, sổ tay và đĩa CD về những bài học thực tiễn và các quy trình nhằm cải tiến quản lý*
- *Xây dựng mối liên kết với các tổ chức trong nước nhằm mở rộng thông tin quốc gia về bảo tồn và thực trạng đa dạng sinh học*

8.4 Huy động vốn cho Quỹ

Việc huy động các nguồn tài trợ khác nhằm duy trì VCF là một hoạt động cần thiết. Nếu không, Quỹ sẽ không thể tiếp tục hoạt động sau khi kết thúc Dự án. Ban thư ký sẽ huy động những hỗ trợ về tư vấn để xây dựng chiến lược tài chính cho VCF.

Huy động vốn có thể chung vào:

- *Hỗ trợ từ nhiều nhà tài trợ vào quỹ ủy thác cho lâm nghiệp và/hoặc các nhà tài trợ khác đang hoạt động ở Việt Nam.*
- *Các nhà tài trợ quốc tế về các chương trình riêng cho bảo tồn đa dạng sinh học*
- *Các nhà tài trợ quốc tế và các nhà tài trợ liên danh với các chương trình cụ thể hỗ trợ cho bảo tồn đa dạng sinh học.*
- *Quỹ bảo vệ môi trường và ngân sách của Chính phủ.*
- *Các nguồn tài chính khác, ví dụ tiền trả cho dịch vụ môi trường như tiền thu được từ phí các-bon.*

8.5 Quản lý thông tin

Ban thư ký VCF sẽ lưu giữ toàn các đề xuất dự án, hợp đồng (bao gồm bản in và bản mềm) của tất cả các tài liệu quan trọng như mẫu công cụ theo dõi hiệu quả quản lý, các bản đánh giá nhu cầu bảo tồn và các kế hoạch quản lý điều hành. VCF cũng sẽ chịu trách nhiệm chính trong việc cập nhật nguồn thông tin về các khu rừng đặc dụng nhằm đảm bảo tất cả các bên liên quan của VCF (ví dụ như Ban quản lý, các cục, vụ khác của Chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, các nhà tài trợ, ..) Có thể tiếp cận các nguồn thông được cập nhật về hệ thống rừng đặc dụng và những hoạt động ưu tiên cho bảo tồn. Ban Thư ký VCF sẽ phối hợp chặt chẽ với tổ chức BirdLife International về các hoạt động cập nhật thông tin.

(9) QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

9.1 Giải ngân cho dự án

Các thủ tục quản lý sẽ tuân thủ theo quy trình giải ngân các dự án hiện nay của Bộ NN&PTNT do Bộ Tài chính quy định. VCF sẽ chuyển tiền trực tiếp tới ban quản lý rừng đặc dụng khi các ban này có đủ tư cách pháp nhân và con dấu ủy quyền để nhận và quản lý nguồn vốn. Việc thanh toán sẽ thực hiện theo các đợt đã ghi trong hợp đồng tài trợ:

- Ban Quản lý rừng đặc dụng mở một tài khoản riêng tại một ngân hàng Thương mại cấp huyện cho khoản tài trợ của VCF ngay sau khi đề xuất dự án được phê duyệt.
- Đối với các đề xuất dự án có thời hạn một năm, lần đầu sẽ được ứng trước 50% của kế hoạch năm tài khóa vào tài khoản đặc biệt. Các lần chuyển tiền tiếp theo sẽ phụ thuộc vào:
 - - Kế hoạch tài chính hàng năm đã được phê duyệt
 - - Tiến độ hoàn thành dự án thực tế
 - - Kết quả xác minh chi tiêu của Kho bạc, và
 - - Kết quả đánh giá tiến độ dự án do VCF tiến hành
- Đối với các dự án có thời hạn 2 năm, lần chuyển tiền đầu tiên sẽ là 50% tổng số ngân sách được phê duyệt, lần thứ hai là 40% và lần 3 là 10% còn lại khi dự án kết thúc.
- Kho bạc huyện phải xác minh và chấp nhận hiệu quả sử dụng viện trợ và ký vào bản xác minh trước khi chuyển tiền tiếp. Các nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng sẽ chịu trách nhiệm tham mưu cho Ban thư ký VCF về tình hình sử dụng quỹ trên cơ sở các kết quả đạt được. Kho bạc huyện sẽ có trách nhiệm kiểm tra tình hình giải ngân để đảm bảo kinh phí được sử dụng đúng mục đích.
- Kinh phí không sử dụng hết khi dự án kết thúc thì phải hoàn trả lại cho VCF. Những nơi nhận tài trợ không sử dụng đúng sẽ bị đưa vào “sổ đen” không được tiếp tục nhận tài trợ của VCF nữa.
- Trong trường hợp một khu thực hiện hai dự án khác nhau cùng một lúc thì phải mở hai tài khoản riêng biệt cho từng dự án nhằm theo dõi tiến độ thực hiện và các nghiệp vụ kế toán.

Các bước giải ngân như sau:

- Ban quản lý rừng đặc dụng thông báo cho VCF là đã mở tài khoản đặc biệt và gửi thông tin về tài khoản (số và địa chỉ tài khoản) cho VCF
- VCF ký lệnh chuyển tiền (hay điện chuyển tiền) từ tài khoản VCF ở Hà Nội về tài khoản của ban quản lý rừng đặc dụng. Việc chuyển tiền sẽ được thực hiện theo kênh nào nhanh và với chi phí rẻ nhất
- VCF sẽ gửi thông báo chuyển tiền cho ban quản lý rừng đặc dụng cũng như các cơ quan liên quan (Cục Kiểm lâm, Vụ Tài chính Bộ NN&PTNT, và các cơ quan kiểm lâm cấp tỉnh và huyện nơi có rừng đặc dụng được nhận tài trợ và giám đốc ban quản lý rừng đặc dụng)
- Ngân hàng địa phương sẽ thông báo khi tiền về đến tài khoản Ngân hàng cho ban quản lý rừng đặc dụng. Ban quản lý rừng đặc dụng sẽ rút tiền để chi cho các hoạt động được phê duyệt.

- Ban quản lý báo cáo cho VCF và cơ quan Kiểm lâm tỉnh về kinh phí đã nhận được để thực hiện các hoạt động
- Kế toán Ban quản lý rừng đặc dụng đưa số tiền đã nhận được vào sổ kế toán để phục vụ cho mục đích báo cáo và chuẩn bị giải ngân cho các hoạt động đã được phê duyệt
- Tất cả các khoản chi tiêu được ghi chép lại bằng văn bản và kèm có chứng từ hóa đơn để Kho bạc huyện và nhóm TA vùng có thể yêu cầu kiểm tra
- Ban quản lý rừng sẽ chuẩn bị báo cáo tài chính gửi về VCF và các cơ quan liên quan khác trong quá trình thực hiện hoạt động theo định kỳ 6 tháng một lần (mẫu báo cáo nêu ở Phụ lục 12).
- VCF và Kho bạc huyện sẽ giám sát việc giải ngân và sử dụng vốn, bao gồm cả việc xem xét kiểm tra sổ sách liên quan tới tài khoản riêng của dự án VCF.

Ban quản lý rừng đặc dụng giữ hóa đơn chứng từ và các số liệu tài chính đối với mỗi khoản tài trợ để VCF xem xét kiểm tra trong thời gian 2 năm, VCF sẽ mời kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán các tài khoản của các ban quản lý rừng đặc dụng nhận tài trợ.

9.2 Tài khoản và sổ sách

9.2.1 Tài khoản

VCF sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng ở Hà Nội (USD và VND). Trưởng ban quản lý VCF và Giám đốc điều hành Ban thư ký VCF có thẩm quyền đồng ký để thực hiện các hoạt động của tài khoản. Việc thanh toán sẽ theo ngân sách hàng năm do Ban quản lý VCF phê duyệt. Tất cả các giao dịch phải có hóa đơn và biên lai gốc đi kèm và tất cả các bút toán đều được thể hiện trên bảng cân đối kế toán, phần mềm kế toán phù hợp với qui định của Chính phủ cũng như thủ tục quản lý nguồn

vốn ODA³. Chu kỳ và mẫu biểu báo cáo tài chính sẽ tuân thủ theo qui định của Chính phủ hiện đang được sử dụng tại Bộ NN&PTNT, tuy nhiên Ban thư ký cũng sẽ lưu giữ và cung cấp thông tin cập nhật về tình hình tài chính và tài khoản cho Ban quản lý VCF khi được yêu cầu.

9.2.2 Sổ sách kế toán

Ban thư ký sẽ lưu giữ các sổ sách sau:

- Sổ tay tiền mặt (Sổ quỹ) (Cash book): Sổ tay tiền mặt cho mỗi tài khoản đang hoạt động sẽ được giữ tại mỗi bộ phận quản lý quỹ (ở cấp trung ương và địa phương).
- Sổ chi vặt (Petty Cash Book): Sổ này ghi chép các khoản chi tiêu vặt vãnh (có giá trị ít hơn 10USD). Hệ thống chi tiêu vặt vãnh là “hệ thống tạm ứng” (Impress System). Đây là hệ thống mà nhờ đó để thiết lập hạn chi trả và phải phù hợp với dòng ngân sách đã được phê duyệt.
- Hóa đơn (Receipts): có tác dụng ghi chép các giao dịch chi tiêu từ tài khoản đặc biệt. Ngân sách sẽ chuyển trực tiếp từ tài khoản đặc biệt tới tài khoản của Quỹ tại ngân hàng Hà Nội và các tỉnh.
- Chứng từ chuyển tiền để thanh toán (Payment transaction): Ban thư ký sẽ lưu trữ và ghi chép tất cả các khoản thanh toán bằng tiền mặt và chuyển khoản tới các tài khoản khác. Tiền chuyển cho các địa phương sẽ vào tài khoản tiền Việt nam đồng. Tài khoản bằng USD được dùng để tiếp nhận các khoản thanh toán ngoại tệ. Việc đổi ngoại tệ ra Việt nam đồng cũng phải được ghi chép trong sổ kế toán.
- Bản kê điều chỉnh hàng tháng (monthly reconciliations): Tất cả các tài khoản tại ngân hàng đều phải có Bản kê điều chỉnh ngân hàng hàng tháng và do Ban thư ký lưu giữ. Cần yêu cầu các ngân hàng gửi bản kê điều chỉnh ngân hàng hàng tháng cho Ban thư ký.
- Sổ đối chiếu (The Journal): kế toán sử dụng sổ đối chiếu để ghi chép các sửa đổi, bổ sung cần thiết và ghi chép các khoản không ghi trong sổ tiền mặt, ví dụ như những khoản cung cấp, tài trợ vào cuối kỳ kế toán. Kế toán của VCF được quyết định những nội dung này.

3. Nghị định số 17/2001/ND-CP ngày 4/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức.

- Sổ cái (A Nominal Ledger): Được dùng để ghi chép tất cả những khoản đầu vào từ số tiền mặt và số đối chiếu, trên cơ sở đó chuẩn bị báo cáo cân đối tài chính và tài khoản hàng tháng.
- Ban thư ký quỹ phải bảo đảm tất cả các quy trình kế toán đều được thực hiện một cách tự động hóa và được đưa vào máy tính.

9.3 Kiểm soát tài chính nội bộ

Các hoạt động kiểm soát tài chính nội bộ bao gồm:

- Chữ ký đăng ký tại ngân hàng: Tất cả các tài khoản ngân hàng đều phải có ít nhất 2 người ký. Các séc đều phải có chữ ký của giám đốc và người cùng ký là giám đốc điều hành hoặc kế toán để thanh toán cho các khoản trả lương, chi tiêu thường xuyên, v.v. Ban Quản lý VCF thông qua các kế hoạch và ngân sách hàng tháng và hàng năm, và ủy quyền cho phép được chi tiêu trong phạm vi kế hoạch đó.
- Ngân sách: Kế toán của VCF có trách nhiệm chuẩn bị kế hoạch ngân sách, trình lên giám đốc xem xét và chấp nhận dự thảo kế hoạch ngân sách. Sau đó trình dự thảo lên Ban điều hành để xem xét quyết định. Kế hoạch ngân sách được thông qua là cơ sở để thực hiện các chi tiêu của quỹ.
- Hóa đơn chứng từ: tất cả các hóa đơn chứng từ đều phải có 2 chữ ký của kế toán quỹ và người nhận
- Chuyển khoản: tất cả các chứng từ chuyển khoản đều phải gắn kèm với quyết định duyệt hay ủy quyền của giám đốc.

9.4 Trách nhiệm quản lý tài chính

Giám đốc Ban thư ký VCF, với sự hỗ trợ của giám đốc điều hành và kế toán, có trách nhiệm quản lý toàn bộ chức năng tài chính của Quỹ và báo cáo Ban quản lý.

9.4.1 Giám đốc VCF

Giám đốc VCF là một người ký các giao dịch tài khoản ngân hàng của Quỹ ở Hà Nội cho các hoạt động tài chính chi phí thường xuyên được lập trong kế hoạch và dự toán ngân sách đã được Ban Quản lý VCF phê duyệt. Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng Ban thư ký lưu giữ tốt các thông tin, tài liệu về thực trạng của các hoạt động được quỹ hỗ trợ. Giám đốc bảo đảm việc kiểm tra và giám sát các hoạt động giải ngân của quỹ VCF và chịu trách nhiệm báo cáo các vấn đề về tài chính trước Ban quản lý VCF và NPSC. Giám đốc cũng ký các yêu cầu thanh toán/phiếu chi để xác nhận hiệu lực thanh toán. Điều khoản tham chiếu của Giám đốc VCF được ghi trong Phụ lục 1.

9.4.2 Kế toán VCF

Kế toán phải duy trì các ghi chép tài chính và hệ thống sổ sách cho tất cả các hoạt động của Quỹ. Kế toán cần bảo đảm các khoản chi tiêu đều đúng cả phù hợp với

nội dung các kế hoạch, chương trình và ngân sách đã được duyệt, bảo đảm theo dõi tất cả các chứng từ, các khoản chi tiêu của các dự án và các hoạt động do quỹ tài trợ.

Một “Yêu cầu thanh toán” phải được hoàn thiện bởi một bên phù hợp, được Giám đốc chấp nhận và được nộp cho Kế toán cùng với các chứng từ, tài liệu bổ sung. Kế toán sau đó sẽ đánh giá tất cả các tài liệu này, và nếu khoản chi tiêu đó phù hợp với dự toán chi tiêu đã được phê duyệt trong kế hoạch tài chính năm và phù hợp với định mức chi lương, các hạng mục khác, vv, thì Kế toán sẽ phê duyệt yêu cầu thanh toán đó. Kế toán sẽ ký vào phiếu chi thể hiện sự phê duyệt của mình trước khi trình Giám đốc phê duyệt cuối cùng. Kế toán sẽ kiểm tra hóa đơn cùng với chứng từ, tài liệu bổ sung, sau đó trình Giám đốc ký.

9.4.3 Các nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng

Các nhóm hỗ trợ kỹ thuật cùng sẽ chịu trách nhiệm tham mưu cho Ban thư ký VCF về việc sử dụng khoản tài trợ dựa trên cơ sở các kết quả đạt được. Các nhóm này cũng phải kiểm tra và xác nhận các báo cáo về việc sử dụng tài trợ trước khi Ban thư ký VCF giải ngân tiếp.

9.5 Báo cáo tài chính và tài khoản

Kế toán VCF sẽ chuẩn bị báo cáo tài chính chi tiết, lập bảng kê và các tài khoản dự án với sự hỗ trợ của các nhóm TA vùng. Báo cáo tài chính và kế toán theo định kỳ và bảng kê sẽ được Ban thư ký chuẩn bị, và trình Ban quản lý quỹ, bao gồm:

- *Sao kê ngân hàng của VCF*
- *Các tài khoản của các dự án*
- *Chi tiêu tiền mặt*
- *Ngân sách*
- *Tài sản cố định*
- *Bảng cân đối tiến độ các dự án, các hoạt động.*
- *Báo cáo tài chính*

9.5.1 Sao kê tài chính

Kế toán của Ban thư ký cần dự thảo báo cáo chi tiêu tài khoản vào cuối mỗi tháng. Sổ tiền mặt sẽ đóng sau khi VCF đối chiếu và thống nhất số dư với ngân hàng. Có báo cáo cân đối tài khoản của ngân hàng. Sổ cái sẽ được khóa và chốt được “số dư”. Số dư cần phải đảm bảo tính chính xác của các chứng từ kế toán. Trên cơ sở số dư có được, sẽ chuẩn bị một Báo cáo Thu chi và nộp lên Giám đốc VCF cùng

với Bản Cân đối. Sau đó, Giám đốc VCF có trách nhiệm trình lên Ban Quản lý VCF và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Sau khi các báo cáo hàng tháng về tài khoản được chuẩn bị xong, chúng sẽ được đối chiếu với tổng ngân sách quý. Trong trường hợp có sự chênh lệch, cần phải giải trình trước khi trình các dữ liệu kế toán này lên Ban Quản lý VCF. Các số liệu kế toán này sẽ được so sánh với các số liệu kế toán kỳ trước, và trong trường hợp có bất kỳ sự chênh lệch nào thì cũng phải được giải trình rõ.

Trong trường hợp hai khoản tài trợ được thực hiện cùng lúc thì phải chuẩn bị báo cáo cân đối tài khoản và sao kê tài chính riêng cho từng khoản tài trợ.

9.5.2 *Đưa số liệu vào máy tính*

Tất cả các ghi chép, tài khoản, báo cáo, ngân sách, chuyển khoản và các tài liệu liên quan của Ban thư ký đều phải được đưa vào máy tính một cách đơn giản, rõ ràng, theo từng trang đề mục và có thể tính toán bằng máy vi tính. Hệ thống chương trình ghi chép trên máy tính này cũng giống như chương trình hiện nay mà Bộ NN&PTNT đang sử dụng và có thể điều chỉnh theo yêu cầu báo cáo của quỹ.

9.5.3 *Kiểm toán*

Ban Quản lý sẽ chọn một hay nhiều công ty kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán hàng năm các hoạt động của quỹ cả ở cấp trung ương và tỉnh, thời gian vào quý 1 của mỗi năm (tháng một đến tháng ba). Giám đốc VCF chịu trách nhiệm ký hợp đồng và hỗ trợ cho kiểm toán. Báo cáo kiểm toán sẽ trình lên Ban điều hành và các bên liên quan khi có yêu cầu (các nhà tài trợ, các đối tác, các Bộ).

Kiểm toán độc lập khi thực hiện công tác kiểm toán theo quy định sẽ xem xét đánh giá cả hệ thống kiểm tra nội bộ của quỹ nói chung và của Ban thư ký nói riêng. Tất cả các hồ sơ của mỗi khoản tài trợ phải được cất giữ tại văn phòng Ban thư ký để có thể kiểm toán. Kiểm toán độc lập sẽ kiểm toán mẫu một số tài trợ mỗi năm và sẽ chú ý cả vấn đề đầu tư và quản lý các khoản hỗ trợ mỗi năm và sẽ chú ý cả vấn đề đầu tư và quản lý các khoản hỗ trợ, sử dụng và quản lý các khoản thu.

9.5.4 *Các yêu cầu về báo cáo*

Ban thư ký VCF sẽ chuẩn bị: a) Báo cáo năm của Quỹ để đưa thông tin rộng rãi về hoạt động, ngân sách, chi tiêu, cân đối, kết quả kiểm toán của Quỹ, b) Các bản thông tin tóm tắt đánh giá hoạt động của khoản kinh phí hỗ trợ để gửi về Ban quản lý Quỹ, nêu lên tình hình tài chính, tóm tắt tiến trình hoạt động và những lĩnh vực

quan tâm. Ngoài ra, Ban quản lý VCF sẽ đảm bảo lưu giữ các tài liệu về mỗi khoản tài trợ. Việc này bao gồm cả các đơn đề nghị, mức hỗ trợ (ví dụ: phân bổ kinh phí), các thông tin khác liên quan đến tài chính (như: báo cáo giải ngân, hóa đơn, v.v.), và báo cáo cuối cùng.

(10) GIÁM SÁT

Các hoạt động giám sát sẽ giúp VCF thực hiện được các mục tiêu đề ra và theo dõi được tiến độ thực hiện. Giám sát cần:

- Đơn giản
- Có tính bền vững trong khuôn khổ năng lực và các nguồn lực hiện có
- Có khả năng lồng ghép được vào các quy trình giám sát của Chính phủ và dự án FSSP và đẩy mạnh các quy trình giám sát này
- Hướng tới việc nâng cao hiệu quả quản lý và không làm giảm những nỗ lực bảo tồn
- Thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương tại các khu rừng đặc dụng nhận tài trợ
- Tạo cơ sở để chia sẻ kinh nghiệm và khả năng nhân rộng cho các nơi khác.

Các nhóm hỗ trợ kỹ thuật sẽ giúp nâng cao năng lực cần thiết và khuyến khích xây dựng các phương thức giám sát thực tiễn và khả thi, và phù hợp với các nguyên tắc này.

Kế hoạch Giám sát gồm 4 hợp phần sau:

- 1.1. Giám sát hoạt động của VCF
2. Giám sát hoạt động của từng khoản tài trợ
3. Giám sát hiệu quả quản lý của các ban quản lý rừng đặc dụng
4. Hệ thống giám sát rừng đặc dụng trên toàn quốc

Hoạt động 1 và 2 nhằm đánh giá xem VCF và chương trình tài trợ nhỏ của Quỹ có tuân thủ theo các hoạt động đã được thống nhất hay không. Các hoạt động giám sát này cũng dễ thực hiện và cũng giống như việc giám sát hoạt động của bất kỳ một chương trình nào của Chính phủ. Chính phủ và các nhà tài trợ cần nắm được rằng các quyết định của họ được thực hiện theo đúng các chương trình và kinh phí được duyệt.

Hợp phần 3 và 4 liên quan tới việc giám sát tác động của các hoạt động dự án đối với rừng đặc dụng và hệ thống rừng đặc dụng nói chung. Đây là một thách thức khó khăn hơn nhưng rất cần thiết bởi vì chúng liên quan tới hiệu quả quản lý hoạt động bảo tồn và thực trạng cũng như tình hình sử dụng giá trị đa dạng sinh học. Kế hoạch giám sát phải thống nhất với phương pháp giám sát nêu trong Văn bản thỏa thuận của dự án FSSP.

Ban thư ký VCF cần luôn quán triệt rằng Quỹ đang quản lý một cơ chế thí điểm nhằm tăng cường công tác bảo tồn đa dạng sinh học cho hệ thống rừng đặc dụng và thúc đẩy cơ chế tài trợ bền vững cho các khu này. Các hoạt động giám sát và báo cáo then chốt ở cấp trung ương và cấp rừng đặc dụng cần phải phù hợp, và

đồng thời hỗ trợ tăng cường hệ thống giám sát và báo cáo hiện có, nhằm giúp Chính phủ đúc kết được các kinh nghiệm từ các dự án thí điểm cải tiến phương thức quản lý, tài trợ và giám sát các khu rừng đặc dụng. Ban thư ký VCF sẽ tổ chức:

- Các cuộc tham quan trao đổi kinh nghiệm giữa các khu được nhận tài trợ
- Các cuộc họp trao đổi kinh nghiệm và chia sẻ bài học cho tất cả các nơi nhận tài trợ
- Các cuộc họp trao đổi kinh nghiệm và chia sẻ bài học giữa các khu nhận tài trợ ở VN.

10.1 Hỗ trợ cho các hoạt động giám sát và báo cáo

10.1.1 Nhân sự

Việc giám sát và báo cáo được coi như một phần trách nhiệm của tất cả cán bộ Ban thư ký VCF. Ban Thư ký sẽ được một chuyên gia trong nước làm việc bán chuyên trách và do Ban thư ký ký hợp đồng và một chuyên gia quốc tế hỗ trợ, nếu có yêu cầu. Chuyên gia này sẽ phối kết hợp chặt chẽ với các cán bộ khác của VCF trong quá trình báo cáo và chia sẻ thông tin về các kết quả hoạt động. Nhiệm vụ bao gồm:

- Thường xuyên đến các khu rừng đặc dụng và hỗ trợ họ làm báo cáo về các hoạt động được tài trợ.
- Thường xuyên đánh giá hoạt động của các cơ quan cùng cấp hỗ trợ kỹ thuật trên cơ sở đánh giá các báo cáo hoạt động của họ để đảm bảo sao chỉ việc hỗ trợ kỹ thuật có cách tiếp cận đơn giản hiệu quả và phù hợp với năng lực hiện có của rừng đặc dụng.
- Từng bước lồng ghép các hoạt động giám sát của VCF vào hệ thống giám sát đánh giá rừng đặc dụng trên toàn quốc của Chính phủ.
- Đảm bảo việc áp dụng hiệu quả và thống nhất các vấn đề an sinh xã hội trong quá trình thực hiện dự án VCF.
- Thiết lập mối liên kết hợp tác làm việc chặt chẽ với FSSP và chương trình giám sát đánh giá của FSSP.
- Hỗ trợ quá trình trao đổi các bài học kinh nghiệm và phổ biến kinh nghiệm của các dự án thành công
- Làm việc với Cục Kiểm lâm và Cục Môi trường để chuẩn bị phần rừng đặc dụng trong Báo cáo về môi trường của quốc gia.

10.1.2 Tập huấn

Chuyên gia kỹ thuật của VCF sẽ được tăng cường năng lực để đảm bảo dòng thông tin giám sát được chuyển từ rừng đặc dụng qua Chi cục Kiểm lâm tỉnh và Cục Kiểm lâm được thông suốt. dòng thông tin này sẽ phải cung cấp bức tranh toàn

cảnh một cách rõ ràng cho Chính phủ về hiện trạng rừng đặc dụng và các hoạt động quản lý phù hợp cần thiết ở cấp quốc gia để hạn chế các xu hướng phát triển không có lợi. Để làm được điều này cần phải tiến hành tập huấn, đặc biệt là đối với cán bộ ban quản lý rừng đặc dụng. Bảng 5 nêu ra các nhu cầu tập huấn đào tạo cần thiết để VCF hỗ trợ.

Bảng 5: Nhu cầu đào tạo về kế hoạch giám sát cho dự án VCF

Đối tượng đào tạo	Thời gian	Loại hình	Nội dung
Cán bộ BQL các khu rừng đặc dụng, và các cán bộ cấp tỉnh có liên quan	Trong quá trình đánh giá nhu cầu bảo tồn ban đầu và lập kế hoạch quản lý	Đào tạo tại chỗ	Xây dựng các đề xuất tài trợ của VCF, lập kế hoạch quản lý rừng đặc dụng có sự tham gia của các đối tác và điền phiếu đánh giá (score-cards)
Ban QL các rừng đặc dụng tiếp nhận tài trợ	Khi các hoạt động tài trợ bắt đầu	Đào tạo tại chỗ, kết hợp hội thảo theo vùng và hội thảo toàn quốc	Triển khai các hoạt động được tài trợ và xây dựng các kế hoạch giám sát đơn giản
Tùy chọn: Cán bộ quản lý các rừng đặc dụng và cán bộ quản lý cấp tỉnh	Trong thời gian xem xét lại hệ thống giám sát của rừng đặc dụng và Cục Kiểm lâm (năm thứ 2-3 của dự án)	Đào tạo tại chỗ	Cải tiến hệ thống giám sát hàng tháng của rừng đặc dụng và Cục kiểm lâm nếu Ban quản lý Rừng đặc dụng yêu cầu
Tùy chọn: Cán bộ các rừng đặc dụng và đại diện của cộng đồng về đánh giá đa dạng sinh học và sử dụng tài nguyên có sự tham gia của cộng đồng	Tại một số rừng đặc dụng được lựa chọn từ năm thứ 2 của dự án, theo yêu cầu của từng rừng đặc dụng	Đào tạo tại chỗ, kết hợp hội thảo theo vùng và hội thảo toàn quốc, nếu phù hợp	Giám sát đa dạng sinh học và sử dụng tài nguyên có sự tham gia của cộng đồng nếu Ban quản lý rừng đặc dụng yêu cầu

Ban thư ký VCF sẽ phối hợp cùng Cục Kiểm lâm chú trọng vào các hỗ trợ kỹ thuật bao gồm:

- *Đánh giá xem xét và chỉnh sửa các mẫu báo cáo tháng trên cơ sở kinh nghiệm thực tiễn của VCF về hoạt động giám sát rừng đặc dụng*
- *Cải tiến dòng thông tin về rừng đặc dụng giữa các nơi nhận được tài trợ, giữa chi cục Kiểm lâm tỉnh và Cục Kiểm lâm*

- *Nâng cao năng lực cho các cơ quan có liên quan về phương pháp giám sát được thực hiện thí điểm cho toàn dự án VCF*
- *Lồng ghép hệ thống giám sát của Cục Kiểm lâm và VCF với khung giám sát đã được xây dựng cho Dự án Phát triển Ngành lâm nghiệp (FSSP).*

VCF dự định sẽ phối kết hợp các nhu cầu bảo tồn và các hoạt động/ địa bàn ưu tiên để phù hợp với chu kỳ phân bổ ngân sách của trung ương và tỉnh, thông qua việc xây dựng hệ thống giám sát trên cơ sở các nhu cầu bảo tồn và áp dụng cho toàn bộ hệ thống rừng đặc dụng.

10.2 Hoạt động giám sát

10.2.1 Hoạt động giám sát của VCF

Ban thư ký VCF cần thường xuyên xem xét hiệu quả của chương trình VCF nhằm cải tiến hoạt động và thủ tục giải ngân. Khung Logic đưa ra các chương trình của VCF. Việc thực hiện hoạt động giám sát của VCF được tiến hành dựa trên các chỉ số của khung logic của chương trình, đánh giá tác động, kết quả và các hoạt động (xem bảng 6 và 7).

Hoạt động giám sát được thực hiện nội bộ nhưng bao gồm cả sự tham gia thường xuyên của các đối tác bên ngoài để có được những ý tưởng và sáng kiến mới. Giám sát nội bộ sẽ được thực hiện với sự tham gia của các cán bộ Ban thư ký VCF để hướng dẫn công việc cho họ, liên lạc hiệu quả với các đối tác và thúc đẩy mối quan hệ chặt chẽ với Ban Quản lý VCF. Các báo cáo tiến độ thực hiện dự án của các khu nhận tài trợ sẽ là một nguồn thông tin quan trọng cho Ban Thư ký VCF tiến hành đánh giá tiến độ chung của toàn bộ dự án. Ban THư ký sẽ tóm tắt các thông tin quan trọng từ các báo cáo này như là một phụ lục của báo cáo tiến độ hàng năm của VCF.

Ban thư ký VCF sẽ theo dõi các tác động xã hội chung của dự án bằng việc sử dụng các chỉ số ở Bảng 8

Bảng 6: Các chỉ số khung logic cho VCF để đánh giá ở cấp chương trình, tác động và kết quả của VCF

Cấp đánh giá	Chỉ số
Cấp chương trình	1. Tỷ lệ ngân sách dành cho vốn đầu tư so với quản lý điều hành
	2. Nâng cao hiệu quả quản lý cấp cơ sở dựa trên các phiếu đánh giá hiệu quả quản lý khu bảo tồn (score-card)
Cấp tác động	1. Đa dạng sinh học ở 30 khu rừng đặc dụng được duy trì trên cơ sở: a) thay đổi số lần xuất hiện của các loài chỉ định và quy mô sử dụng tài nguyên địa phương; b) thay đổi quy mô các ô thực vật tiêu chuẩn

	và thay đổi về sử dụng đất ở các khu ưu tiên trong phạm vi rừng đặc dụng và giữa các rừng đặc dụng với các khu rừng tự nhiên trưởng thành khác; c) thay đổi sản lượng khai thác lâm sản ngoài gỗ
	2. Nguy cơ đe dọa các giá trị đa dạng sinh học có tầm quan trọng quốc tế ở 30 khu rừng đặc dụng được hạn chế và suy giảm
	3. Hiệu quả quản lý ở 30 khu rừng đặc dụng được nâng cao
	5. Các mô hình hiệu quả lôi cuốn sự tham gia của cộng đồng địa phương được xây dựng và truyền bá nhằm nâng cao hiệu quả đồng quản lý tài nguyên rừng thông qua việc tăng cường nhận thức của cộng đồng và hỗ trợ sử dụng bền vững đa dạng sinh học để tăng cường bảo tồn
Cấp kết quả	1. Các bản đánh giá nhu cầu bảo tồn đầu tiên và các phiếu đánh giá hiệu quả quản lý (score-card) được hoàn thành cho ít nhất cho 30 khu rừng đặc dụng vào cuối năm thứ 2
	2. Các kế hoạch quản lý điều hành đủ tiêu chuẩn được xây dựng và thực hiện ở ít nhất 30 khu rừng đặc dụng
	3. Hoạt động giám sát được sử dụng như là một công cụ quản lý cho các hoạt động quản lý ngoài thực địa ở đại đa số các khu rừng đặc dụng được VCF hỗ trợ
	4. Ban thư ký VCF được thành lập và hoạt động hiệu quả
	5. Quỹ VCF giải ngân theo các dự án đề nghị được duyệt
	6. Các cam kết về nguồn vốn khác để đóng góp cho VCF được ký kết
	7. Tăng 10% ngân sách Chính phủ hỗ trợ cho hoạt động quản lý của rừng đặc dụng.

Bảng 7: Các chỉ số khung logic để đánh giá các hoạt động của VCF

Hoạt động		Chỉ số
Phát triển thể chế	Xem xét đánh giá các quy định, hướng dẫn và các chính sách khuyến khích hiện hành phục vụ cho công tác quản lý bảo tồn bền vững rừng đặc dụng	Đánh giá đã được tiến hành
	Thu thập và đánh giá các bài học và kinh nghiệm thành công ở các khu rừng đặc dụng	Các bài học được thu thập và đánh giá
	Lập kế hoạch và tổ chức tham quan giữa các tỉnh để tìm hiểu các thành công điển hình	Các chuyến đi được thực hiện; số lượng người tham gia

	Xác định/đánh giá những trở ngại và tiềm năng cho công tác quản lý bảo tồn bền vững ở các khu rừng đặc dụng	Các trở ngại và tiềm năng cho công tác quản lý bảo tồn bền vững các khu rừng đặc dụng được đánh giá
	Lên kế hoạch và tổ chức các cuộc họp quốc gia ở cấp cao để trình bày về các kết quả tìm được và đưa ra kiến nghị	Số lượng các cuộc họp/ hội thảo cấp cao
	Tư vấn về cách thức phân phát các kết quả đánh giá cho từng ban quản lý rừng đặc dụng	Các tư vấn về chiến lược phân phát thông tin được đưa ra
Thành lập và Hoạt động VCF	Ban quản lý VCF, Ban thư ký, nhóm TRG được thành lập và các quy trình hoạt động được nêu trong Cẩm nang hoạt động	Ban thư ký đi vào hoạt động, Ban quản lý và TRG họp thường xuyên
	Xem xét và tài trợ cho các đề xuất dự án của ban quản lý rừng đặc dụng ưu tiên	Số lượng các dự án đề nghị nhận được, được đánh giá và được tài trợ, tổng số kinh phí đã giải ngân
	Giám sát và báo cáo về các hoạt động bảo tồn được tài trợ và thường xuyên xem xét đánh giá hiệu quả sử dụng tài trợ để cải tiến các thủ tục giải ngân và quá trình thực hiện	Các báo cáo giám sát đánh giá được xây dựng
	Phổ biến thông tin và quảng bá hình ảnh của VCF	Các tài liệu về VCF được phân phát
Các hoạt động bảo tồn của các Rừng đặc dụng được VCF tài trợ	Bản đánh giá nhu cầu bảo tồn được hoàn thành ở 30 khu rừng đặc dụng ưu tiên	Số lượng các khu rừng đặc dụng đã hoàn thành bản đánh giá nhu cầu bảo tồn; số lượng các khu rừng đặc dụng hoàn thành phiếu đánh giá hiệu quả quản lý (score-card)
	Kế hoạch quản lý điều hành được xây dựng cho 30 khu rừng đặc dụng	Số lượng các kế hoạch quản lý điều hành được xây dựng
	Các hoạt động bảo tồn ưu tiên tại các khu đủ điều kiện nhận tài trợ được thực hiện	Số lượng các đề xuất dự án được thực hiện theo hợp đồng thỏa thuận

	Một hệ thống giám sát các hoạt động, công tác bảo tồn và sử dụng tài nguyên của rừng đặc dụng phục vụ cho công tác quản lý gắn với hệ thống giám sát hiện có được thử nghiệm và phê duyệt	Hệ thống giám sát đơn giản phục vụ cho công tác quản lý được thử nghiệm có sự hợp tác với cán bộ Chính phủ và được các chính sách phù hợp của Chính phủ hỗ trợ
Quản lý dự án	Cơ cấu quản lý được thiết lập, cán bộ được tuyển dụng	Ban thư ký đi vào hoạt động, cán bộ VCF được tuyển dụng , sắp xếp
	Tập huấn cán bộ dự án	Số cán bộ được tập huấn
	Hoạt động giám sát và đánh giá được xây dựng và thực hiện	Các báo cáo giám sát được chuẩn bị
	Tập huấn về phân tích số liệu giám sát đánh giá và lập báo cáo được tiến hành	Số cán bộ được tập huấn

Bảng 8: Chỉ số đánh giá tác động xã hội chung

STT	Chỉ số
1	Tham vấn cộng đồng trong việc đánh giá các nhu cầu bảo tồn và lập kế hoạch hoạt động cho các khu bảo tồn đủ tiêu chuẩn nhận tài trợ của VCF, trên cơ sở số lượng các báo cáo tham vấn xã hội đạt yêu cầu gửi kèm theo hồ sơ xin tài trợ
2	Các khu bảo tồn bắt đầu xây dựng các cơ chế đồng quản lý có sự tham gia của cộng đồng, trên cơ sở tổng số điểm trả lời cho các câu hỏi 20, 21 và 22 trong bảng theo dõi hiệu quả quản lý được tăng lên.
3	Các khu rừng đặc dụng bắt đầu đàm phán trao đổi với cộng đồng về việc sử dụng các nguồn tài nguyên trong rừng đặc dụng, trên cơ sở tổng số điểm trả lời câu hỏi 28 trong bảng theo dõi hiệu quả quản lý được tăng lên
4	Số người được VCF hỗ trợ để tái định cư ở các nơi.

Báo cáo giữa năm:

VCF sẽ xây dựng kế hoạch hàng năm và báo cáo tiến độ. Các kế hoạch này sẽ gồm có các nội dung sau: (a) cần phải làm gì trong 12 tháng tới, (b) ai sẽ làm, và (c) cần có các nguồn lực gì. Báo cáo tiến độ sẽ đề cập nội dung: (a) đã được được gì, (b) các cản trở chính là gì, kiến nghị các hoạt động giảm bớt nguy cơ, và người/tổ

chức chịu trách nhiệm hoàn thành, (c) làm thế nào các hoạt động trong kỳ đã góp phần thực hiện các nội dung và chỉ tiêu đề ra trong Khung logic và chỉ số đánh giá tác động xã hội. Kế hoạch hoạt động và báo cáo tiến độ là cơ sở để thảo luận của Ban thư ký và cuộc họp thường niên của Ban quản lý VCF. Tất cả các báo cáo sẽ được gửi cho Văn phòng điều phối FSSP.

Các đợt giám sát

Các đoàn giám sát của các nhà tài trợ sẽ đánh giá tiến độ và kiến nghị những thay đổi phù hợp về những hoạt động và chính sách chung của dự án.

Đánh giá giữa kỳ

Hai đợt đánh giá giữa kỳ sẽ được tiến hành. Đợt đầu tiên sau 2 năm hoạt động và sẽ tập trung xác định những điều chỉnh cần thiết để VCF hoạt động hiệu quả hơn. Đợt 2 sẽ tiến hành vào năm thứ 4 sau khi VCF đi vào hoạt động và sẽ tập trung vào tính bền vững của VCF bao gồm cả các vấn đề tổ chức, thể chế các phương án tài chính.

10.2.2 Hoạt động giám sát các khoản tài trợ

Mỗi khoản tài trợ của VCF được quyết định dựa trên đề xuất dự án và sẽ có một hợp đồng kèm theo với các yêu cầu về báo cáo. Nếu khoản hỗ trợ cho 2 năm, bên nhận tài trợ sẽ xây dựng báo cáo hàng năm vào cuối năm 1, và báo cáo cuối cùng khi kết thúc. Nhóm TA vùng sẽ xem xét và phê duyệt báo cáo năm thứ nhất trước khi chuyển tiền đợt 2. Mẫu báo cáo được nêu ở Phụ lục 12. Nghĩa vụ báo cáo của các bên nhận tài trợ là bắt buộc. Một hoặc hai chỉ số cụ thể sẽ được thực hiện cho mỗi trường hợp cụ thể. Để giám sát tính an toàn về mặt xã hội, tất cả các bên nhận tài trợ sẽ phải báo cáo về tác động theo chỉ số xã hội (bảng 9).

Trong trường hợp một khu thực hiện hai dự án khác nhau cùng một lúc thì Ban quản lý khu đó phải báo cáo riêng về tiến độ từng khu.

Bảng 9: Các chỉ số đánh giá tác động xã hội ở cấp từng dự án tài trợ nhỏ

1. Tham vấn cộng đồng khi đánh giá các nhu cầu bảo tồn và lập kế hoạch hoạt động trên cơ sở báo cáo đánh giá xã hội đạt yêu cầu
2. Các khu bảo tồn bắt đầu xây dựng các nội dung đồng quản lý có sự tham gia của cộng đồng, trên cơ sở: a) Tăng số điểm cho các câu hỏi 20, 21, và 22 trong phiếu theo dõi hiệu quả quản lý khu bảo tồn (score-card). b) Cộng đồng địa phương và BQL các khu rừng đặc dụng được VCF tài trợ cho các hoạt động đồng quản lý sẽ được phỏng vấn riêng về nội dung: “Các hoạt động có thành công không? Vì sao thành công? Vì sao không? Có thể nhân rộng hoạt động ở nơi khác không?”
3. Các khu bắt đầu đàm phán với cộng đồng về sử dụng các nguồn tài nguyên trong rừng đặc dụng, trên cơ sở: a) Tăng số điểm cho câu hỏi 28 trong phiếu theo dõi hiệu quả quản lý khu bảo tồn (score-card); b) Cộng đồng địa phương được phỏng vấn riêng tại các khu mà VCF tài trợ cho các hoạt động đàm phán về thỏa thuận sử dụng tài nguyên, cụ thể bao gồm các câu hỏi sau: “Những quyền tiếp cận tài nguyên nào đã được chấp nhận? Anh/chị có hài lòng với thỏa thuận này không?, và BQL các khu rừng đặc dụng được tài trợ sẽ được phỏng vấn riêng về nội dung: “Các thỏa thuận về phạm vi tiếp cận tài nguyên với cộng đồng có được thực hiện hiệu quả không?”

10.2.3 Hoạt động giám sát hiệu quả quản lý

VCF sẽ hỗ trợ việc đánh giá hiệu quả quản lý và nguy cơ đe dọa ở các khu rừng đặc dụng được lựa chọn để có thể xem xét tài trợ như là một phần của việc đánh giá nhu cầu bảo tồn. Các đánh giá này sẽ giúp cho các ban quản lý rừng đặc dụng

xác định các vấn đề có tác động tới công tác bảo tồn của từng khu và đề ra những hoạt động ưu tiên để giảm thiểu nguy cơ và nâng cao hiệu quả quản lý chung. Việc giám sát sẽ bao gồm các hoạt động theo dõi tiến độ và xu hướng hoạt động trong thời gian tới.

Ban quản lý các khu rừng đặc dụng cần đưa vào báo cáo đánh giá nhu cầu bảo tồn hai phiếu điểm (score-card) bổ sung đã được hoàn thành⁴ là: a) hiệu quả quản lý, và b) giảm thiểu nguy cơ. Các nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng sẽ giúp đỡ việc hoàn thành hai phiếu điểm này với sự tham gia của các cán bộ then chốt của các ban quản lý rừng đặc dụng và đại diện cộng đồng địa phương, như là một phần của đánh giá nhu cầu bảo tồn ban đầu của khu. Các ban quản lý rừng đặc dụng mong muốn nhận được tài trợ của VCF phải hoàn thành các phiếu (score-cards) này hai năm một lần, trên cơ sở đó VCF có thể đánh giá bất kỳ một sự thay đổi nào. Bản đánh giá nhu cầu bảo tồn cũng sẽ bao gồm nội dung thảo luận và lựa chọn một hoặc hai chỉ số giám sát cho các khu nhận tài trợ.

Giám sát thực hiện Kế hoạch Quản lý Điều hành

Mỗi kế hoạch quản lý điều hành phải bao gồm các chỉ số cơ bản nhằm cung cấp cơ sở cho các hoạt động giám sát đơn giản, theo hiện trường và báo cáo tiến độ thực hiện và ảnh hưởng của dự án. Chương trình giám sát và báo cáo này cần gắn với hệ thống giám sát và báo cáo của tỉnh và cả nước, thông qua các Chi cục kiểm lâm và Cục Kiểm lâm – Bộ Nông nghiệp và PTNN. Hiện tại, các chi cục kiểm lâm phải gửi báo cáo hàng tháng về nguy cơ đe dọa và các vụ xâm phạm, bao gồm cả cháy rừng, xâm lấn đất rừng, săn bắn động thực vật hoang dã và sử dụng lâm sản phi gỗ

⁴ Phiếu đánh giá mức độ giảm nguy cơ: Các phiếu điểm xác định các đe dọa, xếp hạng chúng theo vùng, mật độ và tính cấp thiết và đánh giá tiến độ giảm từng nguy cơ ((BSP/USAID, 2002). Phiếu điểm đánh giá Hiệu quả Quản lý Khu Bảo tồn: đi kèm với các hoạt động lập kế hoạch, thực thi pháp luật, giao tiếp với cộng đồng địa phương, biện pháp quản lý, vv cho từng khu bảo tồn (WWF/Ngân hàng thế giới, 2003)

và các hoạt động khai thác gỗ. Cục Kiểm lâm đã thành lập Phòng Thông tin để nhận và xử lý các báo cáo từ các chi cục Kiểm lâm trên 61 tỉnh thành. Gần đây, nội dung cần báo cáo và thời gian nộp báo cáo của các Chi cục Kiểm lâm không thống nhất với nhau. Việc phân tích và sử dụng thông tin nhận được của Cục Kiểm lâm cần phải hiệu quả hơn và gắn kết với các hoạt động hoạch định chính sách, và Ban thư ký VCF sẽ tìm kiếm cơ hội tăng cường các hệ thống giám sát và báo cáo này.

Bảng 10: Bảng chi tiết các chỉ số khung lô-gic ở cấp tác động cho VCF

(Ghi chú: Chỉ số đầu tiên chỉ sử dụng cho những khu mà VCF đã hỗ trợ tài chính để thiết lập hệ thống giám sát đa dạng sinh học)

Khung Logic Các chỉ số thực hiện chính	Phương pháp trên thực địa	Cơ sở dữ liệu	Cán bộ thu thập	Trang bị	Tần suất	Lưu trữ dữ liệu	Báo cáo
Đa dạng sinh học ở 30 khu rừng đặc dụng được duy trì trên cơ sở: a) thay đổi số lần xuất hiện của các loài chỉ định và quy mô sử dụng tài nguyên địa phương; b) thay đổi quy mô các ô thực vật tiêu chuẩn và thay đổi về sử dụng đất ở các khu ưu tiên trong phạm vi rừng đặc dụng và giữa các rừng đặc dụng với các khu rừng tự nhiên trưởng thành khác; c) thay đổi sản lượng khai thác lâm sản ngoài gỗ	a) Tiêu chuẩn hóa việc ghi chép lại quá trình quan sát hiện trạng sử dụng tài nguyên và động thực vật hoang dã trong quá trình tuần tra theo định kỳ b) Chụp lại các điểm cố định trên thực địa ở các lô rừng nằm ở sườn đồi theo định kỳ c) Tập trung vào các cuộc trao đổi với nhóm giám sát tự nguyện của cộng đồng	(a) Bảng số liệu thực địa, ghi rõ ngày quan sát, tên người quan sát, địa điểm, loài, số lượng.... (b) ảnh màu được chụp, ngày tháng, địa điểm chụp ảnh, v.v. (c) Trữ lượng tài nguyên bị khai thác ở địa bàn đã định như báo cáo của cộng đồng	(a) Tất cả cán bộ ban quản lý rừng đặc dụng (b) Các cán bộ Ban quản lý rừng có kiến thức sử dụng camera (c) Cán bộ ban quản lý rừng đặc dụng không tham gia vào hoạt động thực thi lâm luật	(a) Sổ ghi chép, bút, cảm nang hiện trường, ống nhòm (b) camera và pin, la bàn, phim, các biểu mẫu (c) cảm nang hiện trường, các loại giấy khổ	(a) Cán bộ rừng đặc dụng cần luôn mang theo nhật ký theo đôi hiện trường mỗi khi họ đi hiện trường (b) Cán bộ ban quản lý cần chụp ảnh hàng quý (c) Cứ mỗi quý cần tổ chức họp trao đổi 2 tiếng với		Báo cáo tiến độ dự án số 1,3,5,7, 9 và báo cáo kết thúc dự án

				lớn, bút đánh dấu, đồ ăn	nhóm giám sát của cộng đồng		
Nguy cơ đe dọa các giá trị đa dạng sinh học có tầm quan trọng quốc tế ở 30 khu rừng đặc dụng được hạn chế và suy giảm	Chỉ số đánh giá việc giảm nguy cơ. Xác định và xếp loại các nguy cơ chính, mức độ nguy cơ, quy mô nguy cơ, và vị trí (Margoluis & Salafsky, 2002)	Hoàn thành bảng điểm TRA	Cán bộ của ban quản lý và đại diện cộng đồng địa phương có sự hỗ trợ của cán bộ giám sát đánh giá của Ban thư ký VCF và của nhóm hỗ trợ kỹ thuật	Bảng điểm TRA bằng tiếng Việt, bút, sổ tay, v.v.	Gặp gỡ trao đổi hàng năm với cán bộ rừng đặc dụng và đại diện cộng đồng địa phương	Bảng hoàn thành gốc phải được lưu trữ trong các sổ lò xo ở Văn phòng Ban quản lý rừng đặc dụng. Một bản phô tô được gửi cho Cục kiểm	Báo cáo tiến độ dự án 1, 3, 5, 7, 9 và báo cáo kết thúc dự án

						lâm và Ban thư ký VCF	
Hiệu quả quản lý ở 30 khu rừng đặc dụng được nâng cao	Bảng cho điểm hiệu quả quản lý gồm 26 câu hỏi về mặt luật pháp, xác định ranh giới, bảo tồn, liên lạc (công cụ theo dõi của WB và WWF, 2001)	Hoàn thành bảng câu hỏi	Cán bộ của ban quản lý và đại diện cộng đồng địa phương có sự hỗ trợ của cán bộ giám sát đánh giá của Ban thư ký VCF và của nhóm hỗ trợ kỹ thuật	Bảng câu hỏi bằng tiếng Việt, bút, sổ tay v.v.	Họp trao đổi được tổ chức hàng năm với cán bộ rừng đặc dụng và cộng đồng địa phương	Lưu giữ bảng hỏi gốc tại văn phòng SUF. Có copy gửi Cục kiểm lâm và Ban thư ký VCF	Báo cáo tiến độ dự án 1, 3, 5, 7, và 9, và báo cáo kết thúc dự án
Các mô hình hiệu quả lôi cuốn sự tham gia của cộng đồng địa phương được xây dựng và truyền bá nhằm nâng cao hiệu quả đồng quản lý tài nguyên rừng thông qua việc tăng cường nhận	Cán bộ cục kiểm lâm theo dõi số lượng, chất lượng và các loại thử nghiệm Bảng tính điểm hiệu quả quản lý số 20, 21, 22 và 28.	Danh mục và số lượng các mô hình	Cán bộ Ban thư ký VCFS chịu trách nhiệm về giám sát đánh giá dựa trên báo cáo của				

thức của cộng đồng và hỗ trợ sử dụng bền vững đa dạng sinh học để tăng cường bảo tồn			nhóm hỗ trợ kỹ thuật và kết quả trao đổi với BQL rừng đặc dụng				
--	--	--	--	--	--	--	--

Danh mục các phụ lục

Phụ lục 1: Điều khoản tham chiếu cho các cán bộ chủ chốt của VCF

Phụ lục 2: Điều khoản tham chiếu cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng

Phụ lục 3: Danh sách các khu rừng đặc dụng dự kiến hoàn thành Kế hoạch Quản lý điều hành trước năm đầu tiên của dự án

Phụ lục 4: Căn cứ cho các tiêu chí lựa chọn

Phụ lục 5: Ma trận về tính phù hợp để xem xét

Phụ lục 6: Hướng dẫn xây dựng đánh giá nhu cầu bảo tồn

Phụ lục 7: Hướng dẫn xây dựng kế hoạch quản lý điều hành

Phụ lục 8: Mẫu chuẩn về Đề xuất dự án VCF

Phụ lục 9: Mẫu chuẩn về Báo cáo Tham vấn Xã hội

Phụ lục 10: Mẫu hợp đồng chuẩn cho Ban quản lý Quỹ bảo tồn Việt Nam

Phụ lục 11: Khung chính sách tái định cư

Phụ lục 12: Mẫu báo cáo chuẩn cho các khu nhận tài trợ

Phụ lục 1: Điều khoản tham chiếu cho các cán bộ chủ chốt của VCF

Cố vấn kỹ thuật quốc tế

Cố vấn kỹ thuật quốc tế sẽ đảm bảo cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật phù hợp nhằm thúc đẩy các mục tiêu chung của VCF. Để làm được điều đó, cố vấn kỹ thuật quốc tế sẽ phải thúc đẩy các mục tiêu của FSSP thông qua các đóng góp cho các vấn đề liên quan đến quản lý rừng bền vững, sử dụng và bảo tồn bền vững, cũng như các vấn đề về nghiên cứu, khuyến lâm, giáo dục và đào tạo. Cố vấn kỹ thuật quốc tế có trách nhiệm hỗ trợ kỹ thuật cho Ban Quản lý VCF, cán bộ Ban Thư ký VCF, nhóm Đánh giá Kỹ thuật và các nhà tài trợ cho VCF. Cố vấn kỹ thuật quốc tế chịu trách nhiệm báo cáo lên Giám đốc điều hành VCF.

Nhiệm vụ cụ thể:

- *Hỗ trợ Bộ NN&PTNT khởi động Quỹ Bảo tồn Việt Nam, bao gồm: phối hợp với Bộ NN&PTNN để thành lập Ban Thư ký VCF và tuyển dụng cán bộ của VCF và Chỉ định các thành viên Nhóm đánh giá kỹ thuật (TRG).*
- *Phối hợp với Ban Thư ký VCF thiết lập quy trình sàng lọc các đề xuất dự án. Phối hợp với Giám đốc VCF điều phối công việc của TRG (ví dụ tổ chức các cuộc họp, xây dựng quy trình gửi các đề xuất dự án đi đánh giá).*
- *Hỗ trợ việc xác định nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật ở cấp trung ương và cấp vùng, xây dựng các điều khoản tham chiếu cho các hoạt động hỗ trợ cụ thể. Hỗ trợ xây dựng các cơ chế đảm bảo sao cho các yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật phải tiết kiệm chi phí và tập trung vào các hoạt động tăng cường năng lực theo các cách thức đơn giản sao cho các ban quản lý có thể thực hiện được với các nguồn lực chuyên môn và tài chính hiện có của địa phương. Ngoài ra, cố vấn kỹ thuật quốc tế có nhiệm vụ giám sát hoạt động của các tư vấn khác (cấp trung ương và vùng).*
- *Giám sát quá trình thực hiện các cơ chế an sinh xã hội, bao gồm: chuẩn bị các báo cáo tham vấn xã hội và, nếu cho phép, xây dựng báo cáo này tuân thủ theo Khung Chính sách Tái định cư cho FSSP.*
- *Phối hợp với cán bộ Ban Thư ký VCF hỗ trợ xây dựng các kế hoạch hoạt động hàng năm cho VCF, trình Giám đốc VCF và Ban Quản lý VCF phê duyệt. Cố vấn kỹ thuật quốc tế có vai trò then chốt xem xét và thông qua các kế hoạch làm việc và kế hoạch ngân sách của các nhóm tư vấn vùng.*
- *Giám sát công việc của các chuyên gia giám sát đánh giá.*
- *Hỗ trợ cán bộ kỹ thuật Ban thư ký VCF trong việc đánh giá các hoạt động*
- *Xác định các nhu cầu về đào tạo và phát triển thể chế cho cán bộ VCF*
- *Đánh giá hoạt động của VCF và đưa ra các đề xuất nhằm tăng chất lượng hoạt động của Quỹ*
- *Phối hợp với VCF xây dựng chiến lược huy động vốn để hỗ trợ cho VCF trong tương lai*
- *Liên lạc với các nhà tài trợ tìm kiếm cơ hội tài trợ VCF, cũng như hỗ trợ các dự án tài trợ nhỏ hay các sự hỗ trợ kỹ thuật thông qua quỹ ủy thác của nhiều nhà tài trợ.*
- *Đến cuối năm thứ ba, cùng với Giám đốc VCF xác định thể chế tài chính bền vững nhằm hỗ trợ hoạt động của VCF trong tương lai.*

- Tham gia các cuộc họp của Ban Điều hành dự án quốc gia và Ban điều phối dự án nếu được yêu cầu. Phối hợp với các cơ quan Chính phủ để đảm bảo sao cho các kế hoạch đầu tư phải gắn kết với các kế hoạch quản lý điều hành và các bản đánh giá nhu cầu bảo tồn, nhằm đảm bảo rằng đầu tư của Chính phủ và VCF được lồng ghép với nhau và đều hướng tới các ưu tiên bảo tồn.

Yêu cầu chuyên môn:

- Thạc sỹ về quản lý, kinh tế, kinh doanh và/hoặc các lĩnh vực liên quan đến bảo tồn.
- Có kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính cho bảo tồn
- Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm quản lý dự án, trong đó có một số năm phải liên quan đến việc quản lý rừng đặc dụng.
- Có kinh nghiệm đặc biệt về phát triển thể chế
- Có kinh nghiệm về quản lý các khoản tài trợ và điều phối hoạt động của nhóm hỗ trợ kỹ thuật
- Ưu tiên có kinh nghiệm làm việc ở Việt Nam.

Địa điểm làm việc:

Cố vấn kỹ thuật sẽ làm việc trong Ban thư ký VCF ở Hà Nội và thường xuyên sẽ đi hiện trường. Đầu tiên cố vấn kỹ thuật sẽ được thuê trong vòng 4 năm và có thể sẽ được gia hạn thêm 2 năm. Dự án sẽ ký hợp đồng trực tiếp với cố vấn kỹ thuật.

Giám đốc điều hành Quỹ Bảo tồn Việt Nam (VCF)

Giám đốc điều hành sẽ chịu trách nhiệm báo cáo và hoạt động dưới sự hướng dẫn của Ban quản lý và giám sát các công việc của nhân viên VCF.

Nhiệm vụ:

- Chịu trách nhiệm điều hành hoạt động hàng ngày của VCF dưới sự giám sát và hướng dẫn của Ban quản lý và có trách nhiệm giám sát hoạt động của cán bộ Ban thư ký.
- Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ các chương trình tài trợ, bao gồm cả quá trình thực hiện liên quan đến các đề xuất dự án, sơ chọn các đề xuất dự án, đệ trình các đề xuất sự án cho TRG và chuẩn bị tóm tắt dự án và hồ sơ cho việc quyết định tài trợ của Ban Quản lý VCF.
- Phối hợp chặt chẽ với cố vấn kỹ thuật để xây dựng mối liên hệ chặt chẽ giữa VCF và các nhà tài trợ.
- Điều phối các hoạt động giữa VCF, Bộ NN&PTNT và chính quyền cấp tỉnh để hoàn thành đánh giá nhu cầu bảo tồn và xây dựng xong kế hoạch quản lý điều hành.
- Xem xét đánh giá chuyên môn các kế hoạch quản lý điều hành.
- Điều phối và làm việc chặt chẽ với Nhóm TA trung ương và các Nhóm TA vùng để đảm bảo hỗ trợ kỹ thuật hợp lý và hiệu quả trong quá trình thực hiện các hoạt động, tập trung vào cách tiếp cận đơn giản, hiệu quả và bền vững với nguồn lực hiện có.
- Bao quát các hoạt động giám sát và trao đổi thông tin, bao gồm cả việc thiết lập và quản lý trang web của VCF.
- Làm việc với các cơ quan Chính phủ để hỗ trợ việc lồng ghép các kế hoạch đầu tư và các kế hoạch quản lý điều hành để ngân sách của Chính phủ và của VCF được chuyển trực tiếp cho các hoạt động bảo tồn ưu tiên.

- Duy trì quan hệ làm việc chặt chẽ với các Cục/Vụ của Bộ NN&PTNT, với chính quyền tỉnh và ban quản lý rừng đặc dụng.
- Gắn kết với các nhà tài trợ và hướng dẫn xây dựng và thực hiện chiến lược huy động nguồn vốn để duy trì VCF. Tìm kiếm các cơ hội tài chính lâu dài để xây dựng VCF trở thành một cơ chế tài chính bền vững cho rừng đặc dụng.
- Tham gia các cuộc họp của Ban Chỉ đạo dự án quốc gia và Ban điều phối dự án khi được mời.
- Hỗ trợ tăng cường thể chế và chính sách cho việc quản lý rừng đặc dụng nếu các vấn đề này cản trở việc thực hiện hiệu quả VCF, ví dụ như hỗ trợ việc sửa đổi bổ sung Quyết định 08 để tăng cường sự tham gia quản lý của các bên, tập trung ngân sách cho các hoạt động bảo tồn ưu tiên.
- Chuẩn bị các báo cáo giữa năm và báo cáo cuối cùng về các hoạt động của quỹ
- Xây dựng mối liên kết tốt với các tổ chức phi chính phủ, các cơ quan của Chính phủ, các cơ quan bảo tồn trong nước và quốc tế cũng như các nhóm quan tâm khác.

Những yêu cầu chuyên môn

- Là người Việt Nam có bằng thạc sỹ về khoa học xã hội, quản lý, nghiên cứu môi trường, hoặc có kinh nghiệm thực tiễn tương đương.
- Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm về quản lý hoặc quản lý dự án.
- Có chuyên môn đa lĩnh vực, có quan hệ giao tiếp tốt, có kỹ năng quản lý, viết, trình bày, sử dụng máy vi tính và tài chính kế toán.
- Có trình độ hiểu biết chung nhưng cũng có nhiều kỹ năng chuyên môn.

Địa điểm làm việc:

Giám đốc điều hành VCF sẽ làm việc trong Ban thư ký VCF ở Hà Nội và thường xuyên sẽ đi hiện trường. Đầu tiên sẽ được thuê trong vòng 4 năm và có thể sẽ được gia hạn thêm 2 năm và được Dự án ký hợp đồng trực tiếp.

Cán bộ chương trình VCF

Cán bộ chương trình hỗ trợ cho Giám đốc điều hành VCF, tập trung vào việc phối hợp với ban quản lý rừng đặc dụng và các nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng.

Nhiệm vụ:

- Giúp giám đốc điều hành VCF để trong việc thực hiện hoạt động của Ban thư ký VCF.
- Chịu trách nhiệm liên lạc với các chủ dự án
- Điều phối các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật để đảm bảo hiệu quả các hoạt động được tài trợ và đảm bảo các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật có cách tiếp cận đơn giản, hiệu quả để hỗ trợ quản lý rừng đặc dụng và phù hợp với nguồn lực hiện có của địa phương.
- Chịu trách nhiệm giám sát hàng ngày các chức năng của Ban thư ký VCF, cộng tác chặt chẽ với các chuyên gia giám sát và đánh giá.
- Hỗ trợ xây dựng các tài liệu tập huấn, phân phát trao đổi thông tin về ảnh hưởng của VCF.
- Hỗ trợ đánh giá các đề xuất dự án

Yêu cầu chuyên môn

- *Quốc tịch Việt Nam với học vị thạc sỹ về bảo tồn, nghiên cứu môi trường hoặc quản lý tài nguyên thiên nhiên hoặc có kinh nghiệm thực tế tương đương.*
- *Có tối thiểu 3 năm kinh nghiệm chuyên môn, ưu tiên người làm việc trong lĩnh vực quản lý rừng đặc dụng hay các lĩnh vực liên quan đến môi trường.*
- *Có kỹ năng phân tích, tổ chức, viết và sử dụng máy vi tính tốt.*
- *Có kinh nghiệm trong việc giám sát và đánh giá chương trình.*

Kế toán VCF

Kế toán VCF phải được tuyển dụng trước khi đàm phán dự án.

Nhiệm vụ: Kế toán VCF có trách nhiệm với tất cả các vấn đề liên quan tới quản lý tài chính bao gồm:

- *Thiết kế hệ thống quản lý tài chính.*
- *Phối hợp chặt chẽ với các cán bộ liên quan của Phòng Bảo Tồn Cục Kiểm Lâm để đảm bảo rằng Cục Kiểm Lâm có thể chịu trách nhiệm hoàn toàn trong việc quản lý VCF cho đến khi kết thúc dự án.*
- *Giám sát việc thực hiện hệ thống quản lý tài chính VCF và giới thiệu về các phương pháp thực hiện theo kinh nghiệm.*
- *Xem xét đánh giá phần kinh phí của các đề xuất dự án và các báo cáo tài chính thực hiện dự án.*
- *Phối hợp với các nhà kiểm toán độc lập khi được yêu cầu.*
- *Đảm bảo lưu giữ và cập nhật tất cả các chứng từ báo cáo kế toán một cách rõ ràng chính xác trong suốt quá trình thực hiện VCF*
- *Hướng dẫn và hỗ trợ các nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng trong việc quản lý tài chính.*
- *Chuẩn bị các báo cáo giám sát tài chính để trình lên Ban Điều Phối dự án Quốc Gia và khi Bộ NN&PTNT, Bộ Tài Chính, WB, GEF và các nhà tài trợ khác yêu cầu. Những báo cáo trình lên các Bộ/Ngành phải phù hợp với các mẫu biểu của Việt Nam.*
- *Đảm bảo VCF tuân thủ tất cả các yêu cầu quản lý tài chính của Chính phủ và WB.*
- *Thực hiện các nhiệm vụ khác khi giám đốc điều hành VCF yêu cầu.*

Yêu cầu chuyên môn:

Kế toán VCF phải có trình độ chuyên môn về kế toán và giàu kinh nghiệm về quản lý tài chính, trong số các điểm ưu tiên có bao gồm kinh nghiệm quản lý dự án ODA, có kiến thức giỏi về tiêu chuẩn kiểm toán quốc tế, có kỹ năng lãnh đạo và quản lý, có phẩm chất khả năng làm việc theo nhóm trong Phòng Bảo Tồn Cục Kiểm Lâm.

Địa điểm làm việc:

Tại Ban thư ký VCF đặt tại phòng Phòng Bảo Tồn Cục Kiểm Lâm Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Phụ lục 2: Điều khoản tham chiếu cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng

Có ba nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng (bắc, trung và nam) sẽ phối hợp chặt chẽ với Ban thư ký VCF/FPD hỗ trợ thực hiện dự án ở cấp cơ sở, nhằm hỗ trợ thực hiện dự án VCF và quản lý Rừng đặc dụng. Thành phần của các nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng bao gồm các chuyên gia trong nước và quốc tế có chuyên môn về lập kế hoạch bảo tồn/sinh thái và quản lý có sự tham gia/xã hội nông thôn. Trước hết, các nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng sẽ hỗ trợ các ban quản lý rừng đặc dụng chuẩn bị Đánh giá Nhu cầu Bảo tồn và xây dựng Kế hoạch Quản lý Điều hành và các đề xuất dự án VCF. Sau đó, các Nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng hỗ trợ tăng cường năng lực cho các ban quản lý rừng đặc dụng và các bên có liên quan ở địa phương để thực hiện các hoạt động bảo tồn do VCF và Chính phủ tài trợ. Nhóm tư vấn vùng cũng có vai trò quan trọng trong việc giám sát và báo cáo về tình hình sử dụng tài trợ của các ban quản lý rừng đặc dụng.

Nhiệm vụ:

Các hỗ trợ kỹ thuật vùng có trách nhiệm báo cáo lên Ban thư ký VCF. Các hỗ trợ kỹ thuật vùng phải giữ mối liên hệ và phối hợp chặt chẽ với Ban thư ký VCF/FPD. Các Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cũng có trách nhiệm gửi báo cáo giữa năm lên Ban thư ký VCF. Nhiệm vụ cụ thể bao gồm:

- *Xây dựng mối quan hệ làm việc chặt chẽ với từng ban quản lý rừng đặc dụng theo sự phân công của Ban thư ký VCF;*
- *Tăng cường nhận thức của ban quản lý rừng đặc dụng về VCF và các thủ tục hành chính, đặc biệt là cho các khu rừng đặc dụng trong Phần A và B của Phụ lục 5.*
- *Trong khuôn khổ quan điểm VCF, xây dựng năng lực cho các ban quản lý rừng đặc dụng trong một số lĩnh vực chủ yếu, ví dụ trong việc lập kế hoạch và quản lý khu bảo tồn, làm việc với cộng đồng địa phương, kế toán, quản lý dự án. Điều này hy vọng sẽ đạt được thông qua các lớp tập huấn tại chỗ, các cuộc hội thảo đào tạo cho các cán bộ chủ chốt của các khu rừng đặc dụng;*
- *Phối hợp chặt chẽ với Ban thư ký VCF đàm phán về quy mô hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho từng dự án tài trợ nhỏ của VCF. Theo dự kiến hầu hết, nhưng không phải tất cả các dự án tài trợ nhỏ, đều cần hỗ trợ kỹ thuật ở một mức độ nào đó.*
- *Hỗ trợ và đào tạo các ban quản lý mua sắm thiết bị và dịch vụ phục vụ cho việc thực hiện dự án tài trợ nhỏ.*
- *Phối hợp với ban quản lý rừng đặc dụng đảm bảo chất lượng của quá trình chuẩn bị và nội dung của Đánh giá nhu cầu bảo tồn, kế hoạch quản lý điều hành, xem xét hỗ trợ nếu cần.*
- *Hỗ trợ kỹ thuật, tập trung hỗ trợ các hoạt động nâng cao năng lực theo cách thức đơn giản phù hợp với nguồn lực và tài chính hiện có của các ban quản lý. Nếu điều kiện cho phép, khuyến khích lồng ghép kế hoạch đầu tư của rừng đặc dụng với kế hoạch quản lý điều hành và đánh giá nhu cầu bảo tồn sao cho đầu tư của Chính phủ và VCF đều hướng tới mục tiêu đáp ứng các ưu tiên bảo tồn.*
- *Giám sát việc thực hiện các khoản tài trợ, kế hoạch quản lý điều hành và cơ chế an sinh xã hội, bao gồm báo cáo sàng lọc xã hội. Có trách nhiệm giám sát bất cứ sự di dân nào khỏi rừng đặc*

dụng nhận tài trợ VCF, thậm chí cả khi sự di dân đó không thuộc tài trợ của VCF, nhưng xảy ra trong thời điểm khu bảo tồn đó đang nhận tài trợ của VCF. Các Nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo sao cho việc di dân đó tuân thủ Khung chính sách tái định cư.

- *Giám sát sự thay đổi về hiệu quả quản lý của các ban quản lý rừng đặc dụng, thay đổi về mức độ nguy cơ tại các rừng đặc dụng nhận tài trợ của VCF.*
- *Xác định các xung đột tiềm năng giữa các bên liên quan và ban quản lý rừng đặc dụng và hỗ trợ giải quyết các xung đột đó, ví dụ bằng cách khuyến khích ban quản lý đề xuất biện pháp xử lý xung đột trong Kế hoạch quản lý điều hành.*
- *Giám sát việc sử dụng tài trợ của VCF và báo cáo lên Ban thư ký VCF về tình hình hoạt động và các vấn đề liên quan ở cấp vùng và thực địa, bao gồm cả việc chấp nhận (endorse) các yêu cầu chuyển tiền lần 2 và 3 cho các dự án đa niên.*
- *Chuẩn bị kế hoạch hoạt động và ngân sách hàng năm kịp thời và trình lên Ban thư ký VCF.*

Thành viên của nhóm và yêu cầu chuyên môn:

Nhóm sẽ bao gồm nhiều thành phần khác nhau, các các tổ chức đầu thầu sẽ có những biện pháp thuê tuyển tư vấn khác nhau. Dưới đây chỉ là gợi ý về thành phần và yêu cầu chuyên môn và đề xuất một nhóm tư vấn vùng “thông thường” thường gồm có:

Chuyên gia trong nước về lập kế hoạch bảo tồn

Quốc tịch Việt Nam, trình độ đại học về khoa học tự nhiên với chuyên môn về đa dạng sinh học/sinh thái. Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm về quản lý khu bảo tồn, bao gồm kinh nghiệm giám sát. Am hiểu về kỹ năng quản lý khu bảo tồn có sự tham gia là một lợi thế. Có kỹ năng làm việc theo nhóm.

Chuyên gia xã hội trong nước

Quốc tịch Việt Nam, trình độ đại học về khoa học xã hội, chuyên môn liên quan đến sự tham gia của cộng đồng, kinh tế - xã hội và quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng, bao gồm giám sát. Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm về quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng. Có kỹ năng làm việc theo nhóm. Biết tiếng dân tộc là một lợi thế.

Chuyên gia quốc tế về lập kế hoạch bảo tồn:

Học vị thạc sỹ (hoặc tương đương) về khoa học tự nhiên với chuyên môn về đa dạng sinh học/sinh thái. Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm về quản lý các khu bảo tồn, bao gồm kinh nghiệm giám sát. Có kinh nghiệm làm việc ở Việt Nam hoặc các nước đông nam á. Kinh nghiệm về công tác bảo tồn. Có kinh nghiệm về sự tham gia quản lý khi bảo tồn là một lợi thế. Có kỹ năng làm việc theo nhóm. Có khả năng làm việc hiệu quả với những nền văn hóa đa dạng và tôn trọng những giá trị văn hóa của địa phương.

Chuyên gia xã hội quốc tế

Có bằng thạc sỹ (hoặc tương đương) về khoa học xã hội với chuyên môn liên quan đến sự tham gia của cộng đồng, kinh tế xã hội và quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng, bao gồm cả giám sát. Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm về quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng và sự tham gia vào quản lý khu bảo tồn. Có kinh nghiệm làm việc ở Việt Nam hoặc các nước Đông Nam Á. Có kỹ năng làm việc theo nhóm. Có khả năng làm việc hiệu quả với những nền văn hóa đa dạng và tôn trọng những giá trị văn hóa của địa phương. Biết tiếng Việt là một lợi thế.

Phụ lục 3: Danh sách các khu dự kiến đã hoàn thành kế hoạch quản lý điều hành trước năm đầu tiên của dự án

Tên rừng đặc dụng	Đơn vị hỗ trợ
1. VQG Ba Bể, Bắc Cạn	UNDP-GEF Dự án PARC
2. Bi đúp-Núi bà, Lâm Đồng	BirdLife International/Dự án bảo tồn CTNP
3. VQG Bù Gia Mập, Bình Phước	BirdLife International/Dự án bảo tồn CTNP
4. VQG Cát Tiên (Bộ NN&PTNT)	Dự án WWF CTNP
5. VQG Chư Mon Rây	Dự án Bảo vệ rừng và phát triển nông thôn
6. KBTTN Đắc Krông, Quảng Trị	SNV
7. KBTTN Ea so, Đắc Lắc	Trong vùng dự án ADB
8. KBTTN Krong trai, Lâm Đồng	Trong vùng dự án ADB
9. VQG Lo Go Xa Mát, Tây Ninh	BirdLife International/Dự án bảo tồn CTNP
10. Ngọc Linh (Kom Tum)	Trong vùng dự án ADB
11. KBTTN Na Hang, Tuyên Quang	UNDP-GEF Dự án PARC
12. KBTTN Phong Điền, TT Huế	Bộ Nông nghiệp và PTNT/WWF
13. KBTTN Pù Hu, Thanh Hóa	SNV
14. KBTTN Pù Huông, Nghệ An	SNV
15. KBTTN Pù Luông, Thanh Hóa	Dự án bảo tồn Pù Luông-Cuc Phương WB-GEF
16. VQG Pu Mát, Nghệ An	Dự án LNXH Nghệ An, EC
17. KBTTN Sông Thanh, Quảng Nam	Trong vùng dự án WB
18. VQG Yok Đôn (Bộ NN&PTNT)	UNDP-GEF Dự án PARC
19. KBTTN Vân Long, Ninh Bình	Dự án bảo tồn Pù Luông-Cuc Phương WB-GEF

Phụ lục 4: Cơ sở xây dựng các tiêu chí về tính phù hợp Tiêu chí chọn địa bàn

Tiêu chí về tính phù hợp của khu rừng đặc dụng

Căn cứ của Tiêu chí A – rừng đặc dụng phải hỗ trợ cho bảo tồn đa dạng sinh học trên cạn⁵ có tầm quan trọng quốc tế.

Mục tiêu của Quỹ bảo tồn VN là *bảo tồn giá trị đa dạng sinh học quan trọng tầm quốc tế* tại những khu ưu tiên nhất. Dựa trên cơ sở các số liệu về đa dạng sinh học hiện có và chất lượng hạn chế của các khu rừng đặc dụng và yêu cầu thống nhất các tiêu chí, cơ sở phù hợp nhất cho việc xác định các khu rừng đặc dụng có giá trị đa dạng sinh học quốc tế quan trọng là những địa bàn ưu tiên bảo tồn đa dạng sinh học quốc tế quan trọng là những địa bàn ưu tiên bảo tồn đa dạng sinh học⁶ ở các khu rừng nằm trong hệ thống sinh thái lưu vực Mê Công⁷.

Các đặc điểm của sinh cảnh ưu tiên giúp chúng được coi là cơ sở để xác định các rừng đặc dụng có giá trị đa dạng sinh học quan trọng tầm quốc tế bao gồm là: 1) được xác định bởi một nhóm gồm hơn 80 chuyên gia trong nước và quốc tế, thông qua việc đánh giá các dữ liệu hiện có về giá trị đa dạng sinh học trên cạn ở Đông Dương; 2) dựa trên các thông tin cập nhật được xác định vào năm 2000; 3) các khu rừng đặc dụng được quy hoạch rõ ràng và do đó có thể áp dụng được để đạt được các mục tiêu một cách thống nhất..

⁵ Đa dạng sinh học trên cạn bao gồm những yếu tố đa dạng sinh học xuất hiện ở tất cả hệ sinh thái trên cạn, bao gồm hệ sinh thái rừng ngập mặn và hệ sinh thái rừng tràm nhưng không bao gồm hệ sinh thái biển.

⁶ Bảo tồn mạng lưới các sinh cảnh ưu tiên phải đảm bảo việc bảo tồn các giá trị đa dạng sinh học mang ý nghĩa quốc tế xuất hiện ở các khu rừng thuộc hệ sinh thái tiểu vùng sông Mê Kông.

⁷ Các khu rừng thuộc hệ sinh thái tiểu vùng sông Mê Kông bao gồm tất cả các phần không thuộc hệ sinh thái biển, không thuộc sinh thái cửa sông của Lào, Cam Pu Chia và Việt Nam, nhưng không bao gồm Cao nguyên phía bắc của Lào và Việt Nam

Một hạn chế của việc xác định theo sinh cảnh ưu tiên là các khu rừng đặc dụng thuộc phạm vi một sinh cảnh ưu tiên không nhất thiết có giá trị đa dạng sinh học tầm quốc tế. Do hạn chế về thời gian và số liệu trong quá trình xác định, các sinh cảnh ưu tiên được xác định trên một phạm vi rộng, và không tính đến các khu hạn chế về giá trị đa dạng sinh học tầm quốc tế. Trong một số trường hợp, một chuỗi các phân tích về các sinh cảnh ưu tiên đã xác định các khu không có trị đa dạng sinh học tầm quốc tế⁸, và do vậy, những khu này không đủ điều kiện để nhận tài trợ của VCF. Trong một số trường hợp khác sử dụng một cách tiếp cận cẩn trọng hơn và tất cả các khu trong sinh cảnh ưu tiên được đánh giá có tiềm năng đa dạng sinh học quan trọng tầm quốc tế, thì sẽ phải chờ kết quả đánh giá của từng khu riêng biệt.

Một hạn chế khác của việc xác định theo sinh cảnh ưu tiên là vùng phân tích không bao gồm tất cả các khu rừng đặc dụng có giá trị đa dạng sinh học quốc tế quan trọng, cụ thể là không bao gồm các vùng sinh thái biển và cửa sông cũng như vùng miền núi phía Bắc. Để khắc phục tình trạng này, một số khu vực ưu tiên đã được xác định bổ sung ở miền núi Phía Bắc do nhóm thiết kế quỹ VCF tiến hành với sự tham vấn của Chương trình bảo tồn hệ sinh thái WWF⁹

Vì hệ thống rừng ngập mặn chưa được đưa vào danh mục ưu tiên, nên vùng chim quan trọng đã được sử dụng làm cơ sở để xác định các khu rừng đặc dụng có tầm quan trọng quốc tế về đa dạng sinh học, ít nhất là đối với đa dạng sinh học mặt đất. Những đặc điểm của các vùng chim quan trọng có thể làm căn cứ để xác định chúng là địa bàn có tầm quan trọng đa dạng sinh học quốc tế là: 1) do hạn chế về chất lượng số liệu để phân loại, chim là tiêu chí thích hợp nhất để chọn các khu

⁸ Cho đến nay, các phân tích riêng biệt đã được tiến hành tại

⁹ Các sinh cảnh ưu tiên tạm thời được xác định trong vùng Cao nguyên phía Bắc Việt Nam bao gồm: NH1- Dãy núi Hoàng Liên, NH2- Núi đá vôi Cao nguyên phía Bắc, NH3-Tam Đảo và NH4- Cát Bà.

rừng đặc dụng có tầm quan trọng quốc tế về đa dạng sinh học trên mặt đất ở vùng ven biển; 2) địa bàn được xác định dựa trên các số liệu cập nhật nhất vào năm 2002, là kết quả đánh giá các khu bảo tồn chim quan trọng ưu tiên của Việt Nam; 3) địa bàn được mô tả về không gian theo tiêu chuẩn được thế giới công nhận và do đó được áp dụng một cách thống nhất và có mục tiêu rõ ràng.

Căn cứ cho Tiêu chí B – rừng đặc dụng phải nằm trong danh mục các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên hay khu bảo tồn loài/ sinh cảnh hiện có hoặc đang được đề nghị

Có thể đạt được đạt được mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học đối với nhiều loại hình sử dụng đất khác nhau, bao gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất, đất nông nghiệp và đất nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, để phát huy tối đa hiệu quả của dự án, Quỹ bảo tồn VN sẽ giới hạn phạm vi tài trợ và chỉ tài trợ cho các vườn quốc gia và khu bảo tồn tự nhiên(bao gồm khu bảo tồn loài/ sinh cảnh), bởi đây là các loại hình sử dụng đất ở Việt Nam có mục tiêu quản lý công tác bảo tồn tính đa dạng sinh học của hệ sinh thái rừng.

Hiện nhiều rừng đặc dụng được đề xuất nhận tài trợ của dự án đã có cơ chế quản lý và bảo tồn phù hợp ở cấp tỉnh. Trong số các rừng đặc dụng này, nhiều khu có tính đa dạng sinh học quan trọng tầm quốc tế, ví dụ như Na Hang, Đắc Rông, Sông Thanh. Cả các khu đã được quyết định hoặc được đề xuất là vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên hoặc khu bảo tồn loài/sinh cảnh đều phù hợp để nhận tài trợ của VCF.

Một trong những vấn đề mà dự án VCF được thiết kế để giải quyết là việc phân bổ không hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước cho hệ thống rừng đặc dụng của Việt Nam. Phần lớn trong 8 vườn Quốc gia trực thuộc Bộ NN&PTNT nhận được mức đầu tư lớn, tính theo cơ sở diện tích của từng khu, mức dựa theo cơ sở địa bàn vùng sinh thái, các mức đầu tư này có thể so sánh ngang với các nước phát triển (IUCN, 2002). Mặc dù rõ ràng là các rừng đặc dụng trực thuộc tỉnh đang bị thiếu ngân sách trầm trọng, nhưng cũng khó có thể nói rằng các vườn quốc gia trực thuộc Bộ NN&PTNT thiếu ngân sách. Vì vậy, trọng tâm của dự án là hỗ trợ các rừng đặc dụng trực thuộc tỉnh.

Tiêu chuẩn C – rừng đặc dụng phải được “quản lý thích hợp”

Sự tồn tại của ban quản lý đã được thành lập chứng tỏ mức độ cam kết của lãnh đạo tỉnh đối với công tác bảo tồn ở các khu rừng đặc dụng, đóng vai trò làm cơ quan đầu mối nhận sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của VCF dành cho các rừng đặc dụng, và đại diện cho sự hỗ trợ của Chính phủ, mà trên cơ sở đó VCF có thể đầu tư bổ sung.

Hiện nhiều khu, bao gồm cả các khu đã được quyết định chính thức và đang được đề xuất, chưa thành lập ban quản lý, nhiều khu trong số đó có tính đa dạng sinh học

quan trọng tầm quốc tế. Việc chưa có một ban quản lý được thành lập cho khu rừng đặc dụng không nhất thiết có nghĩa là lãnh đạo tỉnh không cam kết bảo tồn, bởi vì, trong một số trường hợp, ban quản lý chưa được thành lập là do những hạn chế của Chương trình Cải cách Hành chính công. Hơn thế nữa, việc thành lập một ban quản lý chưa hẳn là hình thức quản lý bảo tồn phù hợp nhất. Do đó, các khu rừng được tỉnh xếp hạng là Rừng đặc dụng và do Chi cục Kiểm lâm và hạt kiểm lâm quản lý thì cũng đủ điều kiện để nhận tài trợ của VCF.

Tiêu chí cho các hoạt động được tài trợ

Nhằm ưu tiên hỗ trợ cho các rừng đặc dụng và các hoạt động có ý nghĩa lớn nhất đối với công tác bảo tồn các giá trị đa dạng sinh học quan trọng tầm quốc tế, cần phải tính đến mức độ nguy cơ, ngoài tính đa dạng sinh học. Các rừng đặc dụng có tính đa dạng sinh học quan trọng tầm quốc tế chỉ được ưu tiên tài trợ nếu các giá trị đa dạng sinh học này đang bị đe dọa. Mặc dù có rất nhiều nguy cơ đối với tính đa dạng sinh học ở tất cả các rừng đặc dụng ở Việt Nam, chỉ có một số là nguy cơ chính đối với các yếu tố đa dạng sinh học quan trọng tầm quốc tế. Kế hoạch quản lý điều hành và đánh giá nhu cầu bảo tồn của rừng đặc dụng cần xác định các nguy cơ chính đối với các giá trị đa dạng sinh học quan trọng tầm quốc tế và các hoạt động cần thiết để có thể giảm thiểu các nguy cơ này.

Kế hoạch quản lý điều hành là khái niệm mới ở Việt Nam¹⁰. Phần lớn các khu rừng đặc dụng đủ điều kiện nhận tài trợ của dự án đều không có kế hoạch quản lý điều hành trước khi thực hiện dự án, còn đánh giá nhu cầu bảo tồn sẽ được từng khu

¹⁰ Mẫu tiêu chuẩn được áp dụng thử cho VQG Ba Bể, Na Hang và Yok Don được thứ trưởng Bộ NN&PTNT phê duyệt.

chuẩn bị vào năm đầu của dự án nhằm giúp các ban quản lý xác định và nhận được tài trợ cho các hoạt động ưu tiên¹¹.

Để đảm bảo rằng các hoạt động được VCF hỗ trợ không có tác động tiêu cực đến sinh kế của cộng đồng địa phương, Ban quản lý rừng đặc dụng xin tài trợ phải chuẩn bị đánh giá nhu cầu bảo tồn và kế hoạch quản lý điều hành trên cơ sở tham vấn với cộng đồng địa phương (Báo cáo tham vấn xã hội). Xem thông tin chi tiết về đánh giá nhu cầu bảo tồn ở phụ lục 6 và 11, Báo cáo tham vấn xã hội ở Phụ lục 9. VCF hỗ trợ các hoạt động có nhu cầu nhận hỗ trợ, nhưng chỉ trong trường hợp tài trợ của VCF cho hoạt động đó không phải là tài trợ thay thế hoặc trùng lặp với một nguồn tài trợ khác. Do đó, VCF chỉ cung cấp hỗ trợ cho các hoạt động được xác định trong kế hoạch quản lý điều hành và đánh giá nhu cầu bảo tồn mà hoạt động đó chưa nhận được hoặc chưa được quy hoạch để nhận ngân sách của nhà nước hoặc của các nhà tài trợ quốc tế.

Hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm thiết bị, lương cơ bản của nhân viên, chi phí điều hành văn phòng, xăng xe và chi phí bảo dưỡng xe cộ là các hạng mục thuộc ngân sách nhà nước. Các khoản chi phí này sẽ được chi trả từ nguồn ngân sách nhà nước, trong khi VCF sẽ hỗ trợ bổ sung cho các chi phí hoạt động liên quan đến bảo tồn.

Nhiều rừng đặc dụng thường sử dụng ngân sách nhận được để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng quy mô lớn chứ không đầu tư cho công tác quản lý bảo tồn. Để khắc phục tình trạng mất cân đối này VCF sẽ tập trung hỗ trợ cho các chi phí điều hành, với một số kinh phí nhỏ dành cho việc mua một số thiết bị nhỏ mà các nguồn kinh phí đã cấp chưa hỗ trợ cho các hạng mục này.

¹¹ Mọi khu rừng đặc dụng mà chưa xây dựng được Kế hoạch Quản lý điều hành phải đề xuất hoạt động xây dựng một kế hoạch quản lý điều hành trong đề xuất dự án đầu tiên nộp lên VCF

Hiện có một nguồn ngân sách đáng kể thông qua Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng dành cho hoạt động lâm nghiệp cộng đồng tại rừng đặc dụng và vùng đệm. VCF sẽ không thay thế hay đầu tư trùng lặp nguồn ngân sách của Chính phủ nhưng có thể sẽ hỗ trợ các hoạt động nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi ích bảo tồn đa dạng sinh học của các nguồn đầu tư từ Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, ví dụ như các hoạt động nhằm mở rộng điều kiện đi kèm với các hợp đồng bảo vệ rừng, bao gồm việc khai thác động thực vật hoang dã hay các hoạt động trong hợp đồng bảo vệ rừng nhằm bảo tồn đa dạng sinh học ở các “điểm nóng” có nguy cơ cao nhất về khai thác quá mức hay nguy cơ cao nhất đe dọa bảo tồn.

Trong khi các hoạt động đánh giá tác động môi trường (EIA) không được VCF hỗ trợ, các hoạt động tuyên truyền nhằm thúc đẩy các hoạt động thay thế có lợi cho môi trường đối với các dự án phát triển lớn đã được quy hoạch có thể sẽ được xem xét hỗ trợ.

Vì mục tiêu của VCF là bảo tồn đa dạng sinh học có tầm quan trọng quốc tế ở các khu ưu tiên nhất thông qua cơ chế tài chính bền vững cho rừng đặc dụng, nên chỉ có các hoạt động thuộc thẩm quyền của các cơ quan quản lý rừng đặc dụng sẽ đủ điều kiện để nhận tài trợ. Các hoạt động nằm ngoài thẩm quyền của cơ quan quản lý rừng đặc dụng¹², kể cả ban quản lý hay các đơn vị quản lý rừng đặc dụng khác, sẽ không đủ điều kiện để nhận tài trợ. Các hoạt động đó, không bao gồm các hoạt động phát triển nông thôn ở vùng lõi hay vùng đệm rừng đặc dụng bởi đây là các hoạt động thuộc trách nhiệm của các cơ quan nhà nước khác. Mặc dù rõ ràng phần lớn các hoạt động này được đánh giá là các ưu tiên hỗ trợ thực sự, nhưng nếu coi các hoạt động này đủ điều kiện nhận tài trợ của VCF thì sẽ làm giảm tính hiệu quả của tài trợ VCF dành cho các cơ quan quản lý rừng đặc dụng.

¹² Nguồn lực về con người của các ban quản lý rừng đặc dụng được nêu ở Mục 12 Quy chế quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất, đính kèm quyết định 08/2001/QĐ-TTg của TT Chính phủ ngày 11/1/2001

Do sự khác nhau về điều kiện kinh tế xã hội, tính chất nguy cơ, năng lực quản lý, hạn chế và khó khăn của công tác bảo tồn của các khu rừng đặc dụng, nên sẽ không thích hợp nếu hạn chế sự hỗ trợ cho một danh sách hoạt động cố định. Do đó, tốt hơn là nên cho phép các ban quản lý rừng đặc dụng được linh hoạt ở một mức độ nào đó khi xác định các hoạt động phù hợp nhằm giảm thiểu nguy cơ tại địa bàn của mình.

Việc ưu tiên cho các đề xuất dự án có cam kết đồng tài trợ cao của tỉnh hay huyện là nhằm khuyến khích lãnh đạo địa phương hỗ trợ tài chính bền vững cho các rừng đặc dụng. Ngoài ra nguyên tắc này sẽ giúp hạn chế rủi ro là lãnh đạo tỉnh sử dụng tài trợ của VCF để thay thế cho các nguồn ngân sách hỗ trợ hiện nay cho rừng đặc dụng và do đó làm giảm ngân sách mà lẽ ra rừng đặc dụng được nhận. Ngân sách cho ban quản lý rừng đặc dụng từ các chương trình quốc gia như Dự án 661, thông qua ngân sách tỉnh, không được tính là vốn đối ứng, ngoại trừ những nơi chứng tỏ được rằng đó là các nguồn vốn phù hợp cho các hoạt động bảo tồn.

Việc ưu tiên các khu rừng đặc dụng trước đây đã được nhận tài trợ là nhằm hỗ trợ mục tiêu tài trợ bền vững cho rừng đặc dụng của VCF: VCF sẽ cung cấp tiếp nguồn tài chính liên tiếp và xác thực cho các khu rừng đặc dụng, cung cấp cho các khu này các nguồn lực nhằm duy trì các sáng kiến bảo tồn thành công như là một phần của các kế hoạch quản lý điều hành đã được nhóm đánh giá kỹ thuật chấp nhận.

Việc ưu tiên cho các khu bảo tồn đã sử dụng và quản lý hiệu quả các nguồn tài trợ trước đây là hoàn toàn phù hợp với tiêu chí lựa chọn theo kết quả thực hiện. Việc ưu tiên này là nhằm khuyến khích các ban quản lý rừng đặc dụng sử dụng các tài nguyên một cách hiệu quả và có trách nhiệm.

Không có tiêu chí nào liên quan đến việc có ưu tiên hay không ưu tiên cho các dự án được các tổ chức quốc tế đồng tài trợ. Một mặt, nếu ưu tiên cho các khu rừng đặc dụng đang nhận được hỗ trợ quốc tế sẽ tạo ra sự phân biệt đối xử với các khu mà đang thực sự cần hỗ trợ của VCF, và mặt khác nếu ưu tiên cho các khu mà không nhận được hỗ trợ quốc tế sẽ không khuyến khích các ban quản lý rừng đặc dụng tìm kiếm sự hỗ trợ quốc tế cho các dự án nhỏ, do đó cũng giảm cơ hội của họ trong việc tiếp cận Quỹ Bảo tồn Việt Nam. Hơn nữa, các khu rừng đặc dụng hiện có tài trợ quốc tế thường có năng lực sử dụng hiệu quả các sự hỗ trợ khác. Vì vậy, tài trợ của VCF sẽ được xem xét trong từng trường hợp cụ thể và dựa theo tổng hỗ trợ tài chính nhận được từ các nguồn tài trợ quốc tế.

Vì VCF có thể không có đủ nguồn lực để tài trợ cho tất cả các hoạt động thỏa mãn tiêu chí lựa chọn, nên cần phải sắp xếp các hoạt động theo thứ tự ưu tiên trên cơ sở từng trường hợp cụ thể hơn là tuân thủ một cách máy móc các tiêu chí lựa chọn.

Phụ lục 5 Cập nhật

Ngày phát hành chính thức: 19/01/2009

ST T.	Tên NR, NP và SHPA	Hạng mục	Tỉnh	Tiêu chí hợp lệ		
				A	B	C
	Miền Bắc					
1	Hoàng Liên	NP	Lào Cai	x	x	x
2	Hoàng Liên Văn Bàn	NR	Lào Cai	x	x	x
3	Mù Cang Chải	SHPA	Yên Bái	x	x	x
4	Nà Hẩu	NR	Yên Bái	x	x	x
5	Sốp Cộp	NR	Sơn La	x	x	x
6	Tà Xùa	NR	Sơn La	x	x	x
7	Xuân Nha	NR	Sơn La	x	x	x
8	Bắc Mê	NR	Hà Giang	x	x	x
9	Du Già	NR	Hà Giang	x	x	x
10	Phong Quang	NR	Hà Giang	x	x	x
11	Bát Đại Sơn	NR	Hà Giang	x	x	x
12	Tây Côn Lĩnh	NR	Hà Giang	x	x	x
13	Na Hang	NR	Tuyên Quang	x	x	x
14	Chàm Chu	NR	Tuyên Quang	x	x	x
15	Trùng Khánh	SHPA	Cao Bằng	x	x	x
16	Ba Bể	NP	Bắc Kạn	x	x	x
17	Kim Hỷ	NR	Bắc Kạn	x	x	x
18	Nam Xuân Lạc	SHPA	Bắc Kạn	x	x	x
19	Xuân Sơn	NP	Phú Thọ	x	x	x
20	Bái Tử Long	NP	Quảng Ninh	x	x	x
21	Đồng Sơn-Kỳ Thượng	NR	Quảng Ninh	x	x	x
22	Cát Bà	NP	Hải Phòng	x	x	x
23	Tiền Hải	NR	Thái Bình	x	x	x
24	Cúc Phương	NP	Ninh Bình	x	x	x
25	Vân Long	NR	Ninh Bình	x	x	x
26	Bến En	NP	Thanh Hóa	x	x	x

27	Pù Hu	NR	Thanh Hóa	x	x	x
28	Pù Luông	NR	Thanh Hóa	x	x	x
29	Xuân Liên	NR	Thanh Hóa	x	x	x
30	Xuân Thủy	NP	Nam Định	x	x	x
	Miền Trung					
1	Pù Huông	NR	Nghệ An	x	x	x
2	Pù Mát	NP	Nghệ An	x	x	x
3	Vũ Quang	NP	Hà Tĩnh	x	x	x
4	Kẻ Gỗ	NR	Hà Tĩnh	x	x	x
5	Khe Nét	NR	Quảng Bình	x	x	x
6	Bạch Mã	NP	Huế	x	x	x
7	Phong Điền	NR	Huế	x	x	x
8	Bà Nà- Núi Chúa	NR	Đà Nẵng	x	x	x
9	Bán Đảo Sơn Trà	NR	Đà Nẵng			
10	Sông Thanh	NR	Quảng Nam	x	x	x
11	Krong Trai	NR	Phú Yên	x	x	x
12	Hòn Bà	NR	Khánh Hòa	x	x	x
13	Đắk Rông	NR	Quảng Trị	x	x	x
14	Ea Sô	NR	Đắk Lắk	x	x	x
15	Yok Đôn	NP	Đắk Lắk	x	x	x
16	Nam Ca	NR	Đắk Lắk	x	x	x
17	Kon Ka Kinh	NP	Gia Lai	x	x	x
18	Chư Mom Ray	NP	Kon Tum	x	x	x
19	Ngọc Linh	NR	Kon Tum	x	x	x
	Miền Nam					
1	Bi đúp- Núi Bà	NP	Lâm Đồng	x	x	x
2	Nam Nung	NR	Đắk Nông	x	x	x
3	Tà Đùng	NR	Đắk Nông	x	x	x
4	Núi Chúa	NP	Ninh Thuận	x	x	x
5	Phước Bình	NP	Ninh Thuận	x	x	x
6	Núi Ông	NR	Bình Thuận	x	x	x
7	Tà Káu	NR	Bình Thuận	x	x	x
8	Bình Châu- Phước Bửu	NR	Bà Rịa- Vũng	x	x	x

			Tàu			
9	Cát Tiên	NP	Đồng Nai	x	x	x
10	Vĩnh Cửu	NR	Đồng Nai	x	x	x
11	Bù Gia Mập	NP	Bình Phước	x	x	x
12	Lò Gò Xa Mát	NP	Tây Ninh	x	x	x
13	Sân Chim Bạc Liêu	NR	Bạc Liêu	x	x	x
14	Tràm Chim	NP	Đồng Tháp	x	x	x
15	Láng Sen	NR	Long An	x	x	x
16	Kiên Hà Hải	Rừng đặc dụng và Rừng phòng hộ	Kiên Giang	x	x	x
17	U Minh Thuong	NP	Kiên Giang	x	x	x
18	Phú Quốc	NP	Kiên Giang	x	x	x
19	Mũi Cà Mau	NP	Cà Mau	x	x	x
20	U Minh Hạ/Vồ Dơi	NP	Cà Mau	x	x	x
TỔNG SỐ KHU ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬN TÀI TRỢ CỦA BA VÙNG:69						

Ghi chú:

NP: Vườn Quốc gia

NR: Khu Bảo tồn

SHPA: Khu Bảo tồn Loài và Sinh cảnh

Phụ lục 5: Mẫu và hướng dẫn chuẩn bị đánh giá nhu cầu bảo tồn

Căn cứ:

Đánh giá nhu cầu bảo tồn là đánh giá nhanh các nguy cơ đe dọa đối với bảo tồn đa dạng sinh học quan trọng mang tính quốc tế. Các ban quản lý rừng đặc dụng chưa chuẩn bị kế hoạch quản lý điều hành muốn nhận được sự hỗ trợ của VCF phải tiến hành đánh giá nhu cầu bảo tồn. Tất cả các bản đánh giá nhu cầu bảo tồn bao gồm cả việc đánh giá hiệu quả quản lý và đánh giá nguy cơ đe dọa bảo tồn đa dạng sinh học sẽ được đưa vào Sách nguồn (Sourcebook). Mẫu ví dụ về đánh giá nhu cầu bảo tồn có thể được trích từ nguồn thông tin trên để tham khảo.

Mục tiêu:

Mục tiêu của việc đánh giá nhu cầu bảo tồn là:

1. Xác định những mối đe dọa đến tính bảo tồn đa dạng sinh học quan trọng tầm quốc tế.
2. Xác định các hoạt động để giải quyết những nguy cơ đó.
3. Xây dựng cơ sở cho việc giám sát tác động của các hoạt động được VCF tài trợ.

Nhân sự:

Việc đánh giá nhu cầu bảo tồn sẽ do ban quản lý rừng đặc dụng tiến hành (từ 2-4 thành viên chính) với sự hỗ trợ kỹ thuật cần thiết, có thể thông qua tài trợ của VCF hoặc các nguồn khác. Nhóm hỗ trợ kỹ thuật thường bao gồm 2 chuyên gia hỗ trợ kỹ thuật, một nhà sinh vật học và một nhà xã hội học. Ngoài ra, có 2-3 người dân địa phương sẽ tham gia cùng với nhóm (Phụ lục 9). Các cán bộ hỗ trợ kỹ thuật cũng sẽ có trách nhiệm tập huấn tại chỗ và hỗ trợ việc xây dựng dự án đề nghị đầu tiên gửi tới VCF, bao gồm cả việc lựa chọn 1-2 chỉ thị đơn giản để đánh giá kết quả hoạt động được đề xuất tài trợ của Rừng đặc dụng (ví dụ: số km được đóng mốc ranh giới).

Thời gian:

Để đánh giá nhu cầu bảo tồn cần 1 tuần, phụ thuộc vào diện tích của từng rừng đặc dụng và số lượng các xã nằm ở trong vùng đệm.

Sự tham gia của đối tác địa phương:

Đại diện của cộng đồng địa phương từ tất cả các xã và tất cả các thành phần dân cư ở vùng đệm và vùng lõi sẽ tham gia vào quá trình đánh giá nhu cầu bảo tồn, đặc biệt là các cộng đồng sống ở gần vùng có tính đa dạng sinh học cao và cộng đồng sống phụ thuộc vào tài nguyên rừng/đất ngập nước. Hướng dẫn nhằm đảm bảo sự tham gia của người dân địa phương được nêu trong Phụ lục 6.

Phương pháp luận:

Đánh giá nhu cầu bảo tồn bao gồm:

Đánh giá hiệu quả quản lý rừng đặc dụng:

Đánh giá nguy cơ

Tập huấn cán bộ rừng đặc dụng kỹ năng đánh giá hiệu quả quản lý và nguy cơ hỗ trợ xây dựng đề xuất dự án VCF.

Nếu có thể:

- Xây dựng đề xuất xin tài trợ lần đầu, bao gồm cả việc lựa chọn chỉ số tài trợ

Đánh giá hiệu quả quản lý

Hiệu quả quản lý rừng đặc dụng sẽ được đánh giá bằng các phương pháp “công cụ đánh giá hiệu quả quản lý” của Ngân hàng Thế giới/Quỹ bảo tồn thiên nhiên quốc tế WWF¹³. Công cụ theo dõi hiệu quả quản lý này cho phép đánh giá nhanh hiệu quả quản lý của từng khu rừng đặc dụng. Công cụ này đã được dịch sang tiếng Việt, được thử nghiệm và điều chỉnh. Có thể tham khảo công cụ thử nghiệm trong tài liệu hỗ trợ kỹ thuật.

Theo công cụ đánh giá này, một nhóm nhỏ cán bộ của rừng đặc dụng bao gồm giám đốc và/hoặc phó giám đốc rừng đặc dụng và 2-3 đại diện cho cộng đồng địa phương phải hoàn thành các mẫu công cụ theo dõi. Nhóm hỗ trợ kỹ thuật vùng hỗ trợ xây dựng các mẫu công cụ theo dõi này.

Trang đầu tiên đưa ra các thông tin chi tiết về rừng đặc dụng, đặc điểm và mục tiêu quản lý. Trang sau có 29 câu hỏi có thể trả lời bằng cách cho điểm từ 0 (kém) đến 3 (xuất sắc). Bốn khả năng trả lời được đưa ra cho mỗi câu hỏi. Các câu hỏi không liên quan tới một khu rừng đặc dụng nào đó có thể sẽ được bỏ qua nhưng phải cho biết lý do trong phần nhận xét (ví dụ câu hỏi về tình hình sử dụng tài nguyên hay về khách tham quan có thể không liên quan đến tất cả các khu rừng đặc dụng).

¹³ Stolton, và các cộng sự

Một khung trống bên cạnh một câu hỏi cho phép điều chỉnh bổ sung và giải thích (ví dụ quan điểm cá nhân, tài liệu tham khảo, kết quả giám sát, đánh giá của bên ngoài). Cái chính là cho phép bất kỳ người đọc báo cáo nào cũng có thể hiểu được lý do vì sao cần đánh giá như vậy.

Điểm cuối cùng sẽ được tính theo tỷ lệ phần trăm tổng điểm cho các câu hỏi liên quan của mỗi khu rừng đặc dụng. Ví dụ nếu 5 câu hỏi không liên quan thì điểm cuối cùng sẽ được tính là 29/24.

Đánh giá nguy cơ

Việc đánh giá nguy cơ sẽ xác định các yếu tố đa dạng sinh học có tầm quan trọng quốc tế của mỗi khu rừng đặc dụng, đánh giá các nguy cơ và đưa ra các hoạt động có thể sẽ giúp hạn chế/ khắc phục chúng¹⁴. Việc đánh giá nguy cơ nên tiến hành bởi các nhóm nhỏ (2-4) cán bộ rừng đặc dụng, được hỗ trợ bởi các chuyên gia hỗ trợ kỹ thuật. Ví dụ về cách đánh giá nguy cơ có thể tìm thấy trong Sách nguồn về rừng đặc dụng.

Đánh giá nguy cơ được tiến hành theo 5 bước:

1. Liệt kê các yếu tố đa dạng sinh học quan trọng tầm quốc tế của khu rừng đặc dụng, trên cơ sở các tài liệu đã được công bố hay chưa được công bố và trên cơ sở tham vấn với các nhà khoa học, các cán bộ ban quản lý rừng đặc dụng (mẫu biểu 1, phần I)
2. Tham vấn với đại diện cộng đồng địa phương. Tất cả các vấn đề liên quan phải được đưa ra trao đổi để thu thập thông tin về mô hình sử dụng tài nguyên (Phụ lục 6)

¹⁴ Margoluis & Salafsky, 2002; Tordoff et al, 2002

3. Đánh giá nguy cơ đối với các yếu tố đa dạng sinh học quan trọng tầm quốc tế và thiết lập các hoạt động cần thiết để giảm thiểu các nguy cơ này. Trong Phần II của biểu mẫu 1, nhóm đánh giá đưa ra các nguy cơ trực tiếp (cột 1), mô tả chúng (cột 2) và đưa ra mục tiêu giảm thiểu 100% (cột 3).
4. Xây dựng các hoạt động để xác định nguy cơ và sắp xếp các hoạt động xin tài trợ theo thứ tự ưu tiên (biểu mẫu 2)
5. Tiến hành họp thôn bản ở tất cả các xã bị ảnh hưởng để thông báo lại kết quả đánh giá nhu cầu bảo tồn, tham khảo ý kiến và thống nhất với họ về danh sách các hoạt động ưu tiên. Những địa bàn ưu tiên tổ chức các cuộc họp là các vùng dân cư sống gần khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao và sống phụ thuộc vào các sản phẩm rừng/đất ngập nước.

Phương pháp này được sử dụng cho từng khu rừng đặc dụng để đánh giá tiến trình giảm thiểu nguy cơ. Theo cách này, VCF và ban quản lý rừng đặc dụng có thể xác định các ảnh hưởng của cả đầu tư của VCF và đầu tư của Chính phủ cho công tác bảo tồn của từng khu.

Phụ lục 6: Mẫu và hướng dẫn xây dựng kế hoạch quản lý điều hành

Trang đầu: Tên và tính pháp lý của rừng đặc dụng

Nội dung

Căn cứ (2-3 trang): sử dụng các tài liệu hiện có ví dụ như Sách nguồn về rừng đặc dụng, kế hoạch đầu tư của rừng đặc dụng.... để cung cấp bản tóm tắt về giá trị của rừng đặc dụng và lý do chọn địa bàn như là một địa điểm ưu tiên cần bảo tồn. Phần này nên nêu tình hình kinh tế-xã hội, vấn đề phát triển kinh tế ở vùng và địa phương và vùng đệm.

Vấn đề và những nguy cơ (3-5 trang): liệt kê 5 nguy cơ lớn nhất đối với khu rừng đặc dụng theo mức độ nghiêm trọng, dựa trên đánh giá nhu cầu bảo tồn và đánh giá về áp lực đối với đa dạng sinh học có tầm quan trọng quốc tế và sắp xếp chúng theo tính quan trọng và tính cấp thiết của chúng.

Mục tiêu quản lý (2-3 trang): cần khẳng định một cách rõ ràng các mục tiêu lâu dài và mục tiêu ngắn hạn có thể đạt được trong giai đoạn thực hiện kế hoạch (5-10 năm) phù hợp với giá trị của rừng đặc dụng, các nguy cơ đã xác định và các phương pháp quản lý khả thi.

Nêu điều kiện cho phép, có thể đưa ra các mục tiêu quản lý khác nhau cho từng vùng quản lý khác nhau.

Hành động quản lý (5 – 7 trang): Đối với mỗi nguy cơ hoặc nhóm nguy cơ, các hoạt động cụ thể phải được xác định và sắp xếp phân loại (nêu trong bản đánh giá nhu cầu bảo tồn) để giải thích cho việc có một số hoạt động lại được ưu tiên tài trợ hơn các hoạt động khác. Trình bày sơ lược các chiến lược đồng quản lý và có sự tham gia. Mô tả các hoạt động quản lý liên quan tới các quy quản lý đã được quy hoạch ở rừng đặc dụng và đáp ứng các mục tiêu cụ thể của địa bàn. Nêu các hoạt động bảo tồn loài cụ thể.

Kế hoạch thực hiện (2 trang): Liên kết phần này với phần 6 ở trên, cung cấp sơ đồ các hoạt động và khung thời gian để thực hiện. Ngoài ra cần tóm tắt các vấn đề hay các khó khăn tồn tại nếu có.

Giám sát và đánh giá (2 trang): Tóm tắt các chỉ số đơn giản được sử dụng để giám sát quá trình đánh giá hiệu quả của các hoạt động quản lý, trên cơ sở công cụ theo dõi hiệu quả quản lý và bảng giảm thiểu nguy cơ (score-card). Nêu các bước cụ thể và lịch trình tiến hành.

Kinh phí (1 trang): Tổng kinh phí cần có, dựa trên dự toán các đầu vào cần có để quản lý, thời gian và dự kiến nguồn kinh phí. trên cơ sở đánh giá thực tế các yêu cầu đầu vào cho quản lý, thời gian và nguồn dự kiến. Cam kết của Chính phủ về vốn đối ứng (ví dụ thông qua kế hoạch đầu tư, chương trình 661 hay từ ngân sách thường xuyên) cũng phải được trình bày rõ. Tổng kinh phí yêu cầu nên bao gồm tất

cả các hạng mục chi phí quản lý (chi phí điều hành, quản lý bảo tồn, cán bộ, trang thiết bị), chứ không chỉ bao gồm vốn phát triển cơ sở hạ tầng.

Phụ lục 7: Mẫu đề xuất dự án

Ngày đăng ký	Số dự án (Ban thư ký)
Tên dự án	Mục tiêu dự án
Tên khu rừng đặc dụng	Tên, chức danh và của người xây dựng đề xuất (rừng đặc dụng)
Tỉnh	
Huyện	
Căn cứ và lý do chỉ ra mối liên quan với bản đánh giá nhu cầu bảo tồn hoặc kế hoạch quản lý điều hành và cách thức đạt được cá mục tiêu bảo tồn). Chú ý: nếu đây là đề xuất đầu tiên gửi VCF, cần gửi kèm bản copy đánh giá nhu cầu bảo tồn và cung cấp tên của những người tham gia.	
Những vấn đề xã hội quan trọng liên quan đến việc thực hiện dự án (đính kèm báo cáo tham vấn xã hội)	
Mô tả ngắn gọn dự án	
Hiện trạng các hoạt động đề xuất (đã thực hiện, đang thực hiện hay là nối tiếp các hoạt động trước)	
Tổng kinh phí của dự án (đính kèm tổng vốn)	Các nguồn khác (bao gồm vốn đối ứng củ Chính phủ)
Tổng kinh phí yêu cầu từ Quỹ Bảo tồn Việt Nam	
Thời điểm, thời gian thời gian và lịch/ kế hoạch thực hiện (bao gồm tất cả các hoạt động đề xuất và bảng biểu đính kèm)	
Những nhận xét, khuyến nghị về đề xuất dự án của Chủ tịch UBND tỉnh	

Ký tên

Đại diện Ban quản lý Rừng đặc

dụng: _____ ngày _____

Ký tên

Chủ tịch

UBND _____ ngày _____

Gửi kèm:

1. Bản đánh giá nhu cầu bảo tồn/kế hoạch quản lý điều hành
2. Báo cáo tham vấn xã hội

Mục tiêu 1				
Kết quả 1				
Các hoạt động	Khi nào	ở đâu	ai làm	Ghi chú
Mục tiêu 2				
Kết quả 2				
Các hoạt động	Khi nào	ở đâu	ai làm	Ghi chú

Tổng ngân sách cho dự án (chi tiết đến từng hợp phần)

Hợp phần A					
Hạng mục	Đơn giá	Tổng	Ngân sách yêu cầu từ VCF	Đối ứng	Nguồn khác *
Hợp phần A					
Hạng mục	Đơn giá	Tổng	Ngân sách yêu cầu từ VCF	Đối ứng	Nguồn khác *

* Nêu rõ ngân sách nhận được từ nguồn khác, bao gồm tổng ngân sách nhận được và nguồn tài trợ.

Phụ lục 8: Mẫu báo cáo tham vấn xã hội

Lãnh đạo các khu rừng đặc dụng xin tài trợ của VCF phải chuẩn bị xong Đánh giá nhu cầu bảo tồn trước khi nộp đơn xin tài trợ¹⁵, theo đó các hoạt động xin tài trợ được xếp theo thứ tự ưu tiên. (Phụ lục 7). Xây dựng đánh giá nhu cầu bảo tồn trên cơ sở có sự tham gia của cộng đồng là một phương pháp làm tốt mà các nhà quản lý rừng đặc dụng cần thực hiện. Đây cũng là điều kiện tiên quyết để xin tài trợ của Quỹ Bảo tồn. Yêu cầu này là hoàn toàn phù hợp với quan điểm của đa số ban quản lý rừng đặc dụng cho rằng rất cần phải tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào công tác bảo tồn và xác định các phương pháp mang tính thực tiễn và hiệu quả. Bởi vì Báo cáo tham vấn xã hội là một phần trong hồ sơ đề xuất xin tài trợ, do đó Ban quản lý rừng đặc dụng phải nộp một báo cáo tham vấn xã hội tóm tắt miêu tả phương thức tham gia của cộng đồng địa phương trong quá trình xây dựng đánh giá nhu cầu bảo tồn nhằm xác định thứ tự ưu tiên của các hoạt động được đề xuất. Báo cáo xã hội sẽ được Ban thư ký Quỹ Bảo tồn và nhóm đánh giá kỹ thuật xem xét nhằm đảm bảo các đề xuất dự án đáp ứng được các yêu cầu đề ra.

Mục tiêu của báo cáo xã hội là:

- *Hướng dẫn các cơ quan quản lý rừng đặc dụng tiến hành đánh giá nhu cầu bảo tồn có sự tham gia đảm bảo yêu cầu chất lượng*
- *Thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa các cơ quan quản lý rừng đặc dụng với cộng đồng địa phương về những vấn đề bảo tồn và sử dụng tài nguyên.*

Báo cáo tham vấn xã hội kèm theo mỗi hồ sơ đề xuất xin tài trợ phải thể hiện:

¹⁵ Một số lượng nhỏ các khu rừng đặc dụng đã có OMP. Trong trường hợp đó, ban quản lý rừng đặc dụng phải kiểm tra xem các OMP đó có được xây dựng theo yêu cầu về xã hội hay không. Nếu không đạt tiêu chuẩn thì bản OMP đó phải được sửa đổi với sự tham gia của cộng đồng địa phương, và báo cáo về xã hội.

- Thông tin nêu trong Đánh giá Nhu cầu Bảo tồn về tình hình sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở các rừng đặc dụng được đúc kết từ kết quả tham vấn với cộng đồng địa phương-những người mà cuộc sống của họ bị tác động bởi khu rừng đặc dụng đó¹⁶.
- Đánh giá nhu cầu bảo tồn đã được xem xét và sửa đổi sau khi tham vấn với cộng đồng địa phương và đại diện của họ
- Đối với bất kỳ hoạt động nào nhằm hạn chế cộng đồng địa phương tiếp cận tài nguyên có ý nghĩa quan trọng với đời sống văn hóa và sự tồn tại của cộng đồng, các cơ quan quản lý rừng đặc dụng đã đàm phán và ký kết văn bản thỏa thuận với cộng đồng địa phương về mức độ cho phép sử dụng một số loại tài nguyên cụ thể.

Mẫu tham vấn xã hội chuẩn (khu rừng đặc dụng điền và nộp lên VCF) được nêu ra dưới đây. Quy trình xây dựng báo cáo xã hội sẽ được sử dụng thí điểm để kiểm tra tính hiệu quả trong năm đầu của Quỹ Bảo tồn VN khi quỹ hỗ trợ cho các khu rừng đặc dụng thí điểm.

Mẫu Báo cáo Tham vấn xã hội

Mẫu này sẽ được hoàn thành bởi nhà chức trách quản lý rừng đặc dụng và được đệ trình như 1 phần trong dự án đề nghị gửi Quỹ Bảo tồn VN.

Phải đảm bảo rằng các bản đánh giá nhu cầu bảo tồn trong đó có các hoạt động được đề xuất phải đáp ứng được các tiêu chí sau:

A	Chủ tịch UBND của tất cả các xã nằm trong vùng đệm, lõi của rừng đặc dụng sẽ tham gia tư vấn trong công việc đánh giá các nhu cầu bảo tồn.
B	Người dân sinh sống trong vùng lõi, vùng đệm và toàn bộ các cơ quan

¹⁶ Bao gồm người dân tiếp tục sống trong vùng lõi (nếu có) và người dân sống ở tất cả các xã giáp ranh với khu bảo tồn (vùng đệm)

	đoàn thể của cộng đồng đó sẽ tham gia tư vấn trong thời gian đánh giá các nhu cầu bảo tồn
C	Dự thảo báo cáo đánh giá các nhu cầu bảo tồn phải được phản hồi tới mọi cộng đồng địa phương và những ý kiến tham gia của họ phải được đưa vào báo cáo cuối cùng của bản đánh giá các nhu cầu bảo tồn
D	Đối với bất kỳ hoạt động nào hạn chế cộng đồng địa phương tiếp cận tài nguyên có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống văn hóa và sự tồn tại của cộng đồng, ban quản lý rừng đặc dụng phải đàm phán và ký kết văn bản thỏa thuận với cộng đồng địa phương về mức độ cho phép sử dụng một số loại tài nguyên cụ thể.

Để diễn giải tiêu chí A cần phải có:

Bản đánh giá những nhu cầu bảo tồn đi kèm với đề xuất dự án có xác nhận bằng chữ ký của chủ tịch UBND tất cả các xã có người dân sinh sống ở vùng đệm và vùng lõi khu bảo tồn.	Có/ Không
--	-----------

Để diễn giải tiêu chí B, cần báo cáo các vấn đề sau:

Khẳng định có ai trong những người dân địa phương đã tham gia đánh giá các nhu cầu bảo tồn và mô tả công việc họ tiến hành	
Nêu các nhóm xã hội khác nhau đã được tham vấn và mô tả cách thức tham vấn	
Mô tả những nhóm dân tộc thiểu số khác nhau tại các xã vùng đệm và cách thức họ tham gia	
Mô tả cách thức phụ nữ được tham vấn trong quá trình đánh giá các nhu cầu bảo tồn	

Để mô tả tiêu chí C, cần báo cáo về các vấn đề sau:

Mô tả cách thức gửi dự thảo kết quả đánh giá nhu cầu bảo tồn đến cộng đồng địa phương và ý kiến của họ đã được lồng ghép vào đánh giá nhu cầu bảo tồn như thế nào	
---	--

Để mô tả tiêu chí D, cần báo cáo về các vấn đề sau:

Mẫu thỏa thuận sử dụng tài nguyên (ví dụ dưới đây) được đính kèm và được chấp nhận qua chữ ký của chủ tịch các xã bị ảnh hưởng.	
---	--

Mẫu thỏa thuận sử dụng tài nguyên:

Nêu những hoạt động mà cộng đồng địa phương cho là đã hạn chế họ tiếp cận tài nguyên rừng đặc dụng có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống văn hóa và sự sinh tồn của họ.	
--	--

Mô tả các văn bản thỏa thuận đã đạt được:

Tài nguyên sử dụng	Cách sử dụng hiện tại	Các thỏa thuận đã đạt được (mức cho phép khai thác hay mức hạn chế hợp lý)	Chữ ký của chủ tịch xã

Mô tả bất kỳ hoạt động nào nhằm hạn chế một cách hợp lý (nếu có) việc tiếp cận tài nguyên	
---	--

Nếu thành phần dân tộc thiểu số sống ở tất cả các xã quanh địa bàn (xã vùng đệm) (mẫu dưới đây):

Xã	Thôn/bản	Tổng dân số	Tổng thành phần dân tộc				
			Kinh		...		

Có người dân nào sống trong rừng đặc dụng? Nếu có, điền các thông tin sau đây:

Xã	Thôn/bản	Tổng dân số	Tổng thành phần dân tộc				
			Kinh		...		

Có hoạt động nào nêu ra trong bản đánh giá nhu cầu bảo tồn/ kế hoạch quản lý điều hành dẫn đến việc tái định cư các hộ gia đình trong rừng đặc dụng trong vòng 6 năm tới?	Có / Không
---	------------

Nếu có, đề nghị:

Nêu rõ các hoạt động cần làm để đền bù cho các hộ gia đình liên quan.	
---	--

Cung cấp các thông tin sau, nếu có, vào thời điểm trình dự án đề nghị:			
Thôn /bản	Xã	Diện tích cần giao lại cho rừng đặc dụng	Số hộ gia đình phải tái định cư

Hướng dẫn báo cáo xã hội

Khuyến khích người dân địa phương tham gia phối hợp với nhóm đánh giá nhu cầu bảo tồn. Cơ quan quản lý rừng đặc dụng nên khuyến khích 2 hoặc 3 người dân địa phương tham gia phối hợp với nhóm đánh giá. Họ sẽ được lựa chọn trên cơ sở khả năng ngôn ngữ và lànhững người có uy tín tốt trong cộng đồng. Sự tham gia của họ như là người tổ chức, phiên dịch cho các cuộc phỏng vấn các hộ gia đình và các cuộc họp nhóm sẽ có ý nghĩa rất lớn để đảm bảo được phương pháp tiếp cận người dân là phù hợp, bởi với sự tham gia của họ thì có thể giảm được các rào cản về ngôn ngữ và tạo ra các mối quan hệ tốt.

Các nhóm xã hội: có nghĩa là bất cứ bộ phận người dân địa phương nào có thể tập hợp thành nhóm bởi vì họ có những mối quan tâm chung, ví dụ như có chung chiến lược tăng sinh kế, điều kiện kinh tế- xã hội tương đồng hoặc có cùng địa vị xã hội. Thông thường mỗi cộng đồng sẽ có hai hoặc ba tầng lớp xã hội phân chia rõ ràng. Ở một số khu, các nhóm xã hội có thể tương đồng với nhau, ví dụ các nhóm dân tộc, tuy nhiên ở một số khu khác thì các nhóm xã hội có thể có sự khác biệt. Có thể xác định nhanh chóng và dễ dàng các nhóm xã hội khi tiến hành đánh giá xã hội bằng cách là gặp gỡ các nhà lãnh đạo xã và hỏi họ các câu hỏi sau: Người dân tham gia vào loại hình hoạt động nào? Hoạt động của các nhóm dân tộc khác nhau có khác nhau không, nếu có thì vì sao? Ai là người giàu hơn/ nghèo hơn, vì sao? Gần đây có ai di cư đến xã không? Họ có làm những hoạt động khác với người dân sống lâu năm ở đây thường làm không?

Các nhóm dân tộc: Cần thận trọng ghi chú tên của tất cả các nhóm dân tộc sinh sống ở vùng đệm, lõi, khu bảo tồn để đảm bảo tất cả các nhóm dân tộc được tham vấn. Để có thể thu nhập những ý kiến quan trọng của những nhóm dân tộc khác nhau về vấn đề sử dụng tài nguyên, cần đưa ra một vài câu hỏi chính đối với các nhà lãnh đạo xã trước khi phỏng vấn với các hộ gia đình: Những loại hình hoạt động nào mà những nhóm dân tộc khác nhau thường tham gia? Sự khác nhau giữa các hoạt động này dân tộc? Các nhóm dân tộc khác nhau có sử dụng nguồn tài nguyên rừng khác nhau không? Có những nguồn tài nguyên gì (cây, con) là sự quan trọng nhất đối với cá dân tộc khác nhau và tại sao lại quan trọng? Những câu hỏi này cũng sẽ có ích khi phỏng vấn các hộ gia đình hay các nhóm dân. Nhóm đánh giá nên tiếp xúc và phỏng vấn các già làng và các chuyên gia ở địa phương về việc sử dụng các loại cây thuốc truyền thống bởi vì đây là những người có kiến

thức chuyên môn về sử dụng tài nguyên thiên nhiên hơn là những người khác (thanh niên có thể không biết). Quan điểm và ý kiến của già làng và các chuyên gia có ảnh hưởng quan trọng đối với những đối tượng khác trong làng.

Tham vấn với phụ nữ: nhằm đưa ra sự hiểu biết hữu ích về sự khác nhau giữa nam giới và phụ nữ khi tham gia vào các hoạt động lâm nghiệp. Đánh giá nhu cầu bảo tồn phải cho thấy sự khác biệt này có ảnh hưởng như thế nào đối với quyết định lựa chọn hoạt động xin tài trợ. (không nên chỉ ghi số lượng nam giới và phụ nữ được phỏng vấn. Có sự khác nhau nào giữa nam giới và phụ nữ về cách thức thu gom, săn bắn, bảo vệ hay sử dụng tài nguyên thiên nhiên và có hoạt động nào có thể giải quyết được sự khác biệt này không?)

Kết quả về dự thảo đánh giá nhu cầu có thể phản hồi đến cộng đồng địa phương bằng cách yêu cầu chủ tịch xã hỗ trợ tổ chức các cuộc họp xã (thông báo cho các trưởng thôn) và các cuộc họp thôn (thông báo cho các hộ gia đình, cả nam giới và phụ nữ được mời và khuyến khích tham dự). Việc đại diện ban quản lý có thể tham dự, ít nhất là một cuộc họp thôn sẽ có ý nghĩa rất lớn để thắt chặt mối quan hệ giữa ban quản lý và cộng đồng địa phương. Thông tin phản hồi từ các cuộc họp thôn sau đó sẽ được trưởng thôn và chủ tịch xã tổng hợp. Sau đó chủ tịch xã sẽ gặp gỡ ban quản lý rừng đặc dụng để thảo luận về phản ứng của cộng đồng nhằm dự thảo kế hoạch và thảo luận về việc lồng ghép ý kiến và đóng góp của cộng đồng vào các kế hoạch này.

Cơ chế giải quyết tranh chấp và xung đột

Sự tham gia của người dân địa phương ngay từ lúc bắt đầu xây dựng đánh giá nhu cầu bảo tồn là nhằm:

- Giảm bớt những căng thẳng giữa người dân địa phương với ban quản lý rừng đặc dụng; và

- *Đảm bảo những thỏa thuận về việc sử dụng tài nguyên đã được đàm phán sẽ được xây dựng, trong đó nêu rõ các nhu cầu bảo tồn và nhu cầu của người dân địa phương.*

Tuy nhiên việc sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên có vẻ là một vấn đề nhạy cảm ở mọi khu. Có thể có trường hợp cộng địa phương và ban quản lý rừng đặc dụng không đạt được sự thỏa thuận hoặc là có những xung đột về việc sử dụng tài nguyên giữa hai bên. Trong trường hợp đó, tư vấn kỹ thuật sẽ đóng vai trò quan trọng là bên thứ ba để xác định các vấn đề xung đột và làm việc với cả hai bên để tìm ra cách thức giải quyết xung đột.

Có thể có những trường hợp các bên có liên quan cho rằng các điều khoản đã đàm phán hoặc thống nhất không được tuân thủ. Trong những trường hợp đó, các bên sẽ giải quyết xung đột theo các quy định luật pháp hiện hành tại Việt Nam¹⁷. Theo đó, mọi công dân được quyền khiếu nại lên Ủy ban nhân dân xã hoặc huyện, hoặc yêu cầu các cơ quan này giải quyết xung đột. Nội dung của điều khoản này được tóm tắt như sau:

- *UBND các cấp huyện, xã sẽ có một ngày không phải làm việc/tuần khi họ nhận được khiếu nại từ nhân dân;*
- *Chủ tịch UBND huyện/xã có trách nhiệm giải quyết các khiếu nại hoặc lên án các hoạt động của họ hoặc các hoạt động phi pháp của các cá nhân và tổ chức theo đúng thẩm quyền.*
- *Mặt trận tổ quốc và Người dân có trách nhiệm giám sát quá trình này*
- *Nếu việc giải quyết không đạt hiệu quả, hoặc bế tắc, thì sự tranh chấp sẽ được đưa lên giải quyết bởi cấp chính quyền cao hơn.*

¹⁷ Chính phủ Việt Nam. Luật

Phụ lục 9: Mẫu hợp đồng cho Ban quản lý Quỹ bảo tồn Việt Nam

Thư thỏa thuận giữa VCF

và.....

Trong đó,

Đại diện Ban quản lý rừng đặc dụng (tên khu rừng đặc dụng) (sau đây gọi là cơ quan tiếp nhận dự án) dự định thực hiện dự án (sau đây gọi là dự án);

Và

Quỹ bảo tồn Việt Nam (sau đây gọi là “Quỹ” đã chấp nhận yêu cầu của cơ quan tiếp nhận để đầu tư một phần cho dự án.

Sau đây là sự thỏa thuận giữa 2 cơ quan

Những điều khoản chung:

Những định nghĩa:

Những vấn đề sau có nghĩa là:

a) “**Luật pháp sử dụng**” có nghĩa là luật của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) “**Quỹ**” có nghĩa Quỹ bảo tồn Việt Nam

c) “**Ban thư ký**” có nghĩa là Ban thư ký của Quỹ bảo tồn Việt Nam.

d) “**Người tham gia**” có nghĩa là người hưởng lợi hoặc Quỹ, tùy theo từng trường hợp

e) “**Dự án**” là việc đầu tư và các hoạt động liên quan được đảm bảo bởi cơ quan tiếp nhận.

f) “**Viện trợ**” là những nguồn vốn có được do Quỹ cung cấp cho cơ quan tiếp nhận.

g) “**Người hưởng lợi/ cơ quan tiếp nhận**” là những người hoặc nhóm tiếp nhận lợi ích từ dự án.

1.2 Ghi chú:

Bất cứ sự ghi chú điều chỉnh nào hay sự tán thành theo bản thỏa thuận này sẽ được gửi theo các địa chỉ sau:

Địa chỉ cơ quan tiếp nhận.....

Địa chỉ Quỹ bảo tồn Việt Nam.....

(Giám đốc)

2.0 Mục đích thỏa thuận:

2.1 Tổng tài trợ: Quỹ chấp thuận tài trợ cho Người hưởng lợi/ cơ quan tiếp nhận với số vốn tiền là.....theo như các điều khoản và điều kiện được giải thích dưới đây. Quỹ sẽ cung cấp số tiền tài trợ theo đúng kế hoạch giải ngân. Số tiền tài trợ sẽ được cung cấp theo như thỏa thuận cho những chi phí phù hợp về xây lắp, hàng hóa và dịch vụ cần thiết để tiến hành dự án và được tài trợ từ số tiền tài trợ.

Quỹ sẽ giải ngân theo kế hoạch sau. Ban thư ký có thể quyết định chuyển tiền vào một lần hoặc nhiều lần tùy theo tổng số tài trợ, tính chất dự án và khung thời gian.

Các đợt giải ngân	Ngày	Số kinh phí giải ngân	Tỉ lệ % so với tổng kinh phí	Ghi chú
Lần 1				Sau khi ký hợp đồng
Lần 2				Sau khi có báo cáo chi tiêu 80% kinh phí giải ngân đầu tiên
Lần 3				Sau khi có báo cáo chi tiêu 80% kinh phí giải ngân lần 2

Chậm nhất là 30 ngày sau khi dự án kết thúc phải có báo cáo tài chính cuối cùng.

3.0 Nghĩa vụ của cơ quan tiếp nhận

Thực hiện dự án: cơ quan tiếp nhận khẳng định ông / bà sẽ đảm nhận và thực hiện dự án theo kế hoạch thực hiện gửi kèm trong đề xuất dự án (“Mô tả dự án”)

Đóng góp của cơ quan tiếp nhận: Cơ quan tiếp nhận phải thực hiện những nhiệm vụ sau (hoặc là mua những hàng hóa) như đã mô tả chi tiết tại đề xuất dự án.

a)

b)

c)

Tài khoản ngân hàng: Cơ quan tiếp nhận sẽ sử dụng (hoặc mở) một tài khoản ngân hàng tại.....(tên ngân hàng).....để nhận tiền tài trợ từ Quỹ.

Báo cáo kế toán: Cơ quan tiếp nhận phải lưu giữ đầy đủ các hóa đơn chứng từ liên quan đến dự án. Ông/Bà sẽ phải giữ toàn bộ hóa đơn chứng từ chi tiêu được sắp xếp theo thứ tự thời gian trong giai đoạn 3 năm kể từ khi kết thúc dự án.

Mua sắm: Cơ quan tiếp nhận phải đảm bảo rằng, ngoại trừ các ngoại lệ được chấp thuận bằng văn bản trước khi tiến hành mua sắm hàng hóa, dịch vụ; thông thường khi mua sắm hàng hóa/dịch vụ, phải có ít nhất ba báo giá từ các cửa hàng bán lẻ/nhà cung cấp dịch vụ nhằm đảm bảo mua được các sản phẩm, dịch vụ chất lượng tốt nhất với mức giá phù hợp. Trong bất cứ trường hợp nào mà chọn nhà cung cấp không chào mức giá thấp nhất thì cơ quan tiếp nhận phải có công văn giải thích.

Kiểm toán: Cơ quan tiếp nhận phải cho phép đại diện Quỹ hoặc một đơn vị kiểm toán do Quỹ chỉ định thẩm tra và xác minh các hóa đơn chứng từ và trả lời các câu hỏi của đại diện Quỹ hay của đơn vị kiểm toán mà Quỹ chỉ định.

Các dự án tài trợ nối tiếp: Trong trường hợp, cơ quan tiếp nhận thực hiện hai dự án nối tiếp nhau hoặc thực hiện hai dự án khác nhau tại một thời điểm, thì cơ quan tiếp nhận phải tách biệt hóa đơn chứng từ của từng dự án.

4.0 Nghĩa vụ của Quỹ bảo tồn Việt Nam

Thanh toán: Quỹ sẽ cung cấp tài trợ đúng thời gian và theo các điều kiện tài trợ đã thỏa thuận.

Trong trường hợp cơ quan tiếp nhận yêu cầu, Quỹ sẽ chuyển tiền tài trợ cho một đơn vị thứ ba để thực hiện các công trình xây lắp hoặc cung cấp các dịch vụ, hàng hóa phục vụ cho dự án.

5.0 Kết thúc:

Dự án dự kiến hoàn thành vào20.....

Cơ quan tiếp nhận có thể kết thúc thỏa thuận tại bất cứ lúc nào trong thời gian thực thi dự án. Trong trường hợp này, Cơ quan tiếp nhận sẽ hoàn trả lại toàn bộ vốn tạm ứng cho Quỹ, Số vốn mà chưa chi tiêu hết.

Quỹ sẽ kết thúc thỏa thuận theo những lý do sau:

a) Cơ quan tiếp nhận không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ được nêu tại mục từ 3.1 đến 3.5

b) Mua sắm hàng hóa, dịch vụ và các hoạt động không theo hướng dẫn đã được thiết lập (hướng dẫn của Quỹ và quy định của nhà tài trợ)

c) Tiền tài trợ bị sử dụng sai mục đích hoặc được sử dụng cho các mục đích khác so với tiêu chí đề ra trong mục 3.1 và được mô tả trong đề xuất dự án.

d) Dự án hoặc một phần dự án bị trì hoãn trong trường hợp số tiền tài trợ không đủ để thực hiện toàn bộ Dự án và/hoặc cơ quan tiếp nhận không có đủ khả năng thực hiện dự án.

e) Quỹ không đủ tiền tài trợ.

f) Những lý do khác, không được đề cập ở trên, nhưng được coi là đủ tầm quan trọng để có những nghi ngờ về khả năng tiếp tục thực hiện thỏa thuận tài trợ.

Những thủ tục kết thúc thỏa thuận: Bên yêu cầu chấm dứt thỏa thuận phải thông báo bằng văn bản với bên còn lại, và nêu rõ lý do muốn chấm dứt thỏa thuận. Thỏa thuận sẽ chấm dứt sau khi bên còn lại nhận được thông báo yêu cầu chấm dứt thỏa thuận. Yêu cầu chấm dứt thỏa thuận có thể được hủy bỏ nếu có sự sửa đổi bản thỏa thuận hay có một thu thỏa thuận riêng, theo đó có thể phải điều chỉnh đóng góp của hai bên. Sau khi yêu cầu chấm dứt thỏa thuận có hiệu lực chấm dứt, cơ quan tiếp nhận phải hoàn trả Quỹ số tiền chưa giải ngân mà Quỹ đã ứng trước.

6.0 Hiệu lực:

Bản thỏa thuận này bắt đầu có hiệu lực sau khi 2 bên ký kết

Hai bên thống nhất ký thỏa thuận thực hiện các điều kiện trên đây, bản thỏa thuận được làm tại

.....ngày.....20.....

.....

Phía người hưởng lợi

Phía Quỹ bảo tồn Việt Nam

Phụ lục 10: Khung chính sách tái định cư

Nội dung sau được trích từ Khung chính sách tái định cư của Dự án Phát triển ngành lâm nghiệp. Phần này áp dụng cho Hợp phần Quỹ Bảo tồn rừng đặc dụng Việt nam của Dự án. Tài liệu hoàn chỉnh có thể tìm ở Văn phòng Ban Điều phối dự án trung ương.

Phần 4: Khung Quá trình cho Hợp phần Quỹ Bảo tồn

4.1 Thông tin chung

Mục đích và nguyên tắc

Khung hoạt động đưa ra mục tiêu của việc bảo tồn đa dạng sinh học quan trọng như đã mô tả trong bản đánh giá nhu cầu bảo tồn nhằm mục đích giảm mức độ sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiện nay của rừng đặc dụng.

Mục đích của Khung Quá trình là nhằm xây dựng một quá trình mà theo đó cộng đồng địa phương có khả năng bị ảnh hưởng bởi việc hạn chế tiếp cận tài nguyên và ban quản lý khu rừng đặc dụng tham gia vào quá trình tư vấn và đàm phán hiệu quả để xác định và thực hiện các biện pháp giảm hoặc giảm thiểu tác động của việc hạn chế tiếp cận tài nguyên.

Cơ chế chia sẻ lợi ích

Nhiều khu rừng đặc dụng đã xây dựng được thỏa thuận không chính thức với cộng đồng về các sản phẩm mà cộng đồng được phép và không được phép thu gom trong khu bảo tồn, mặc dù các văn bản pháp lý hiện có không khuyến khích hoạt động này. Các thỏa thuận này cho phép tìm kiếm các phương thức tốt hơn để bảo vệ tài nguyên đa dạng sinh học quan trọng-mục tiêu hỗ trợ của GEF, đồng thời tăng cường khả năng tham gia của người dân và khuyến khích việc sử dụng bền vững tài nguyên thay vì ngăn cấm các hoạt động sử dụng tài nguyên rừng theo cách truyền thống.

Do quỹ sẽ chỉ cung cấp kinh phí ở một mức độ hạn chế cho các khu rừng đặc dụng cụ thể, dự án không thể hỗ trợ cấp kinh phí cho các hoạt động tạo nguồn thu nhập thay thế. Do đó, khung Quá trình sẽ tập trung vào các biện pháp giảm thiểu thay thế. Biện pháp giảm thiểu chính sẽ tuân thủ theo cơ chế chia sẻ lợi ích chính thống, theo đó quy định các mức độ sử dụng tài nguyên có thể chấp nhận được ở các rừng đặc dụng. Những thỏa thuận này là một yêu cầu tối thiểu của Khung Quá trình.

Nếu đến năm thứ 5 của dự án mà không đạt được thỏa thuận về mức độ sử dụng tài nguyên có thể chấp nhận được, thì dự án sẽ không hỗ trợ cho việc giới hạn sử dụng tài nguyên đối với cộng đồng, và VCF sẽ xây dựng một Kế hoạch tái định cư cho khu rừng đặc dụng đó nhằm đền bù cho người dân chịu ảnh hưởng của việc hạn chế sử dụng tài nguyên.

Các hoạt động hạn chế sử dụng tài nguyên sẽ không có hiệu lực trước khi hoàn thành cơ chế chia sẻ lợi ích.

Các hoạt động quản lý tài nguyên có sự tham gia khác

Dự án khuyến khích các biện pháp quản lý tài nguyên thiên nhiên có sự tham gia của cộng đồng. Điều đó bao gồm nhưng không giới hạn ở mức độ cho phép sử dụng tài nguyên. Khung quá trình sẽ phải đảm bảo sao cho cách tiếp cận có sự tham gia sẽ được quán triệt trong dự án thông qua việc đưa ra các bước tiến hành và các điều kiện cụ thể áp dụng cho từng khu rừng đặc dụng tham gia dự án.

Định nghĩa về nhóm đối tượng

Các cá nhân và cộng đồng được coi là đối tượng của Khung quá trình là những người đang sử dụng tài nguyên trong/từ một khu rừng đặc dụng nhận hỗ trợ của VCF và có thể chịu ảnh hưởng tiêu cực từ các biện pháp bảo tồn được VCF tài trợ. Họ sống: 1) trong rừng đặc dụng và chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi các biện pháp quản lý mới, hoặc 2) ở các khu giáp ranh với rừng đặc dụng và là người sử dụng tài nguyên của khu rừng đặc dụng đó và bị tác động bởi các biện pháp bảo tồn mới. Các cộng đồng và cá nhân đó cũng được định nghĩa là “những người phải thay đổi chỗ ở” theo Chương trình hoạt động OP 4.12 về di cư không tự nguyện (ghi chú: họ thường không phải thay đổi chỗ ở, tuy nhiên sự tiếp cận tài nguyên thiên nhiên của họ có thể bị hạn chế).

Các cá nhân và cộng đồng được coi là những người định cư bất hợp pháp trong rừng đặc dụng là đối tượng được xem xét hỗ trợ của Khung chính sách như đã nói trong Phần 3 của Khung chính sách tái định cư.

OD4.20 (Dân tộc thiểu số) cũng sẽ được xem xét trong quá trình chuẩn bị Khung hoạt động.

Thời gian hiệu lực và các nội dung điều chỉnh

Khung hoạt động bắt đầu có hiệu lực khi ban quản lý rừng đặc dụng và/ hoặc các đối tác của ban (như tổ chức phi chính phủ) chuẩn bị gửi dự án đề nghị về VCF cùng với việc chuẩn bị bản đánh giá nhu cầu bảo tồn. Khung hoạt động sẽ tiếp tục có hiệu lực đối với các khu rừng đặc dụng khi nhận được tài trợ của VCF và trong suốt quá trình thực hiện các hoạt động dự án.

Bất kỳ một dự án đề nghị nào gửi về VCF cũng sẽ tuân thủ nguyên tắc là: người gửi dự án và ban quản lý rừng đặc dụng phải nhận được các thông tin về Khung hoạt động này và nhận thức được rằng các hoạt động bảo tồn sẽ được thiết kế và thực hiện trong khuôn khổ Khung hoạt động này.

Quá trình này bao gồm 4 bước (chuẩn bị và gửi dự án đề nghị, khởi động các hoạt động, thực hiện, giám sát và truyền bá các bài học kinh nghiệm) với một số cá điều kiện cần phải đáp ứng đối với mỗi giai đoạn. Các bước và các điều kiện này sẽ có thể được điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án nếu có các vấn đề phát sinh hay các cơ hội mới nhưng bất kỳ sự điều chỉnh nào cũng phải được thống nhất trước với Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA).

4.2 Hạn chế sử dụng tài nguyên:

Bước 1: áp dụng cho Quỹ bảo tồn rừng đặc dụng Việt Nam

a) Các bản đánh giá nhu cầu bảo tồn là căn cứ để xây dựng các đề xuất dự án phải đáp ứng các tiêu chí xã hội của dự án. Các tiêu chí đó là:

- Thông tin trong bản đánh giá nhu cầu bảo tồn về tình hình sử dụng tài nguyên của rừng đặc dụng là kết quả của quá trình trao đổi tham khảo ý kiến với cộng đồng địa phương bị ảnh hưởng¹⁸.

- Bản đánh giá nhu cầu bảo tồn đã được đánh giá và chỉnh sửa với sự đóng góp ý kiến của cộng đồng địa phương và đại diện của họ; và

- Với bất kỳ một hoạt động nào hạn chế người dân địa phương tiếp cận tài nguyên có ý nghĩa đối với đời sống văn hóa và nhu cầu sống của họ, ban quản lý rừng đặc dụng đều đã thảo luận và đạt được văn bản thỏa thuận của cộng đồng địa phương về các mức sử dụng cho phép một số tài nguyên cụ thể.

Một thỏa thuận sử dụng tài nguyên được xây dựng trước khi gửi dự án về VCF hay có thể là một phần của các hoạt động dự án nếu bản đánh giá nhu cầu bảo tồn xác định đó là một nhu cầu ưu tiên.

Báo cáo xã hội được ban quản lý rừng đặc dụng hoàn chỉnh và gửi cùng với dự án đề nghị VCF. Mẫu dự án đề nghị nêu trong Phụ lục 1. Chủ tịch tất cả các xã liên quan đã thông qua báo cáo đánh giá xã hội.

b) Các nhu cầu hạn chế sử dụng tài nguyên địa phương được xác định chính xác. Các nhu cầu này chỉ áp dụng cho các loại hoạt động hạn chế được xác định trong bản đánh giá nhu cầu bảo tồn hay các bản cập nhật được VCF phê duyệt. Bản đánh giá nhu cầu bảo tồn cũng đưa ra các căn cứ sinh học cho mỗi hoạt động hạn chế với yêu cầu về mức độ chi tiết nhất định.

c) Các giám đốc ban quản lý rừng đặc dụng quan tâm đặc biệt đến vấn đề quyền sử dụng đất, bao gồm quyền lợi và nghĩa vụ trong việc sử dụng tài nguyên truyền

¹⁸ Bao gồm cả những người tiếp tục sống ở vùng lõi (nếu có) và những người sống gần rừng đặc dụng (vùng đệm)

thống của đồng bào dân tộc thiểu số. Đặc biệt, việc thu hái lâm sản ngoài gỗ và du canh, nơi mà đất đã chính thức được phân loại là “đất lâm nghiệp” hay “đất chưa sử dụng” có thể được để trống cho các hoạt động canh tác truyền thống của các hộ gia đình nông dân, sẽ không bị cấm đoán trừ khi cần hco bảo tồn đa dạng sinh học quan trọng. Ngoài ra, các loại đất thờ cúng, đất thánh nếu có, sẽ không nên ngăn cấm sử dụng.

Bước 2: Khởi động các hoạt động có sự tham gia

Khi các văn bản thỏa thuận về sử dụng tài nguyên đã được ký kết, các hoạt động có sự tham gia cần được tiến hành để thực hiện và giám sát các thỏa thuận đó. Nếu chưa có các văn bản thỏa thuận đó, các cuộc trao đổi ý kiến đàm phán cần được tiến hành để đạt được các văn bản thỏa thuận. Các hoạt động này phải bắt đầu muộn nhất là 6 tháng sau khi VCF thông báo là dự án đề nghị được đánh giá tốt. Dù văn bản thỏa thuận đã có hay chưa có thì một cuộc khảo sát điều tra cơ bản cần được tiến hành để xác định xem ai sống ở rừng đặc dụng và ai chịu ảnh hưởng do các hoạt động tăng cường bảo tồn gây ra. Các điều tra này sẽ phải hoàn thành muộn nhất là 12 tháng sau khi VCF thông báo là dự án đề nghị được đánh giá tốt. Mục đích của cuộc điều tra này là nhằm xác định các tác động khác nhau đối với người dân địa phương khi hạn chế họ sử dụng tài nguyên và cách thức có thể giám sát được các hoạt động đó.

Bước 3a: Thực hiện chung

Trong trường hợp các hoạt động hạn chế sử dụng tài nguyên đã được hoặc sẽ được ban quản lý rừng đặc dụng đưa vào kế hoạch, các vấn đề sau đây cần phải tiến hành:

- Các hoạt động quản lý tài nguyên có sự tham gia và các hoạt động khác sẽ đưa ra việc đền bù theo Phần 3 Khung chính sách tái định cư.
- Những lời kêu ca phàn nàn phải được ghi lại theo Phần 5.3 Khung Chính sách tái định cư.
- Ít nhất có một người trong ban quản lý rừng đặc dụng và/ hoặc trong tổ chức phi chính phủ đang hỗ trợ địa bàn có trách nhiệm trong quá trình trao đổi tham khảo ý kiến và thực hiện các hoạt động có sự tham gia.
- Chuyên gia hỗ trợ kỹ thuật của dự án sẽ hỗ trợ rừng đặc dụng xây dựng năng lực cho việc quản lý tài nguyên có sự tham gia.

Bước 3b: Thực hiện đối với cộng đồng dân tộc thiểu số

Trong các trường hợp đồng bào dân tộc thiểu số là những người sử dụng tài nguyên thiên nhiên của rừng đặc dụng, cần tiến hành thêm các hoạt động sau:

- Đại diện các nhóm dân tộc thiểu số và cộng đồng sẽ tham gia trong ban quản lý địa phương và trong các hoạt động tham vấn có sự tham gia.
- Tiến hành cuộc điều tra cơ bản với sự quan tâm đến vấn đề dân tộc, dân số và địa bàn sinh sống của tất cả các cộng đồng dân tộc ở trong hay xung quanh rừng đặc dụng. Việc sử dụng đất trong rừng đặc dụng cũng cần được mô tả với các quyền lợi

truyền thống, các vùng đất thờ thiêng và các vùng cụ thể có khai thác lâm sản ngoài gỗ.

- Kiến thức truyền thống của cộng đồng dân tộc thiểu số bản địa được phân tích và sử dụng nếu phù hợp và được coi là cơ sở để cải tiến công tác quản lý tài nguyên.
- Cần quán triệt là các hoạt động tăng cường quản lý rừng đặc dụng không ảnh hưởng đến an ninh lương thực đối với cộng đồng người bản địa.
- Các hoạt động thông tin và tập huấn cũng như các hoạt động tham vấn có sự tham gia được tiến hành trên cơ sở sử dụng các bản hướng dẫn về thông tin liên lạc trong.
- Ở những vùng có cả người dân bản địa và người di cư đến, các hoạt động có sự tham gia phải đảm bảo rằng cộng đồng bản địa ít nhất cũng sẽ được tham gia với mức tham gia như đã tiến hành với những người dân di cư đến.
- Các vấn đề do người di cư đến gây ảnh hưởng tới người bản địa phải được giải quyết theo từng trường hợp cụ thể.

Bước 4: giám sát và trao đổi các bài học kinh nghiệm

Việc giám sát được các chuyên gia hỗ trợ kỹ thuật tiến hành theo nội dung Phần 5.4 Khung chính sách tái định cư.

Các bài học kinh nghiệm được trao đổi giữa các ban quản lý rừng đặc dụng không qua Hợp phần đầu tiên của dự án.

Mỗi khu rừng đặc dụng nhận được tài trợ của VCF báo cáo về các hoạt động đã lên kế hoạch trong Khung hoạt động và việc thực hiện chúng trong các báo cáo kế hoạch và thực hiện hàng năm. Phần này có tên là : Kế hoạch hoạt động của rừng đặc dụng.

4.3. Các cuộc di dân có thể xảy ra

Chính quyền địa phương ở rừng đặc dụng VN thường tiến hành các nỗ lực để tránh phải tái định cư nếu có thể và cộng đồng địa phương được phép vẫn sống trong rừng đặc dụng trừ khi họ tự ý muốn di dời đi chỗ khác. VCF không tài trợ cho bất kỳ hoạt động di dân nào. Tuy nhiên, nếu các ban quản lý rừng đặc dụng đã lên kế hoạch di dân sống trong rừng đặc dụng ra khỏi địa bàn họ đang sống trên cơ sở đã phân tích và thấy cần thiết cho hoạt động bảo tồn thì Khung chính sách tái định cư này sẽ được áp dụng nếu nhận tài trợ của VCF. Điều này yêu cầu cần có các bước sau:

Bước 1: Gửi đề xuất dự án về VCF

Các kế hoạch về di dân cần được đề cập trong Báo cáo xã hội nếu đã có trước khi gửi dự án đề nghị về VCF.

Bước 2: Khởi động các hoạt động có sự tham gia

Tiến hành cuộc điều tra cơ bản để xác định địa bàn sinh sống của người dân với mức độ chi tiết theo yêu cầu. Một sơ đồ về địa bàn sinh sống của người dân cần phải được xây dựng.

Bước 3a: Thực hiện chung

Không có một khoản nào của VCF dành trực tiếp hay gián tiếp cho hoạt động di dân.

Các kế hoạch di dân được ban quản lý rừng đặc dụng gửi về Ban thư ký VCF và Ban điều phối dự án trung ương nếu được xây dựng sau khi đã gửi dự án đề nghị. Việc di dân xảy ra trong suốt quá trình thực hiện dự án được ghi lại và báo cáo về Ban thư ký VCF. Các báo cáo cần đề cập đến địa bàn hiện tại dân đang sống và địa bàn di dân đến, số gia đình và người dân của mỗi dân tộc chịu ảnh hưởng và lý do di dân.

Các cá nhân và cộng đồng được đền bù theo nội dung Phần 3 Khung chính sách stasi định cư (ngoài sự đền bù theo pháp luật Việt Nam quy định). Họ có thể gửi các nội dung phản nàn kêu ca theo Phần 5.3 của Khung chính sách này.

Việc di dân bắt buộc là nội dung để xem xét phê duyệt và giám sát nội bộ của IDA.

Bước 3b: Thực hiện đối với cộng đồng dân tộc thiểu số

Đại diện của các nhóm và cộng đồng dân tộc thiểu số liên quan tham gia và quá trình chuẩn bị bất kỳ một cuộc di dân nào.

An toàn lương thực ở nơi định cư mới được đảm bảo ít nhất ở mức như ở nơi cũ.

Thông tin được cung cấp trên cơ sở sử dụng các bản hướng dẫn về thông tin liên lạc trong Phần 4 Chiến lược và phát triển dân tộc thiểu số

Việc di dân dựa trên cơ sở từng trường hợp cụ thể. Các giải pháp phù hợp cho cộng đồng bản địa và những người di cư thuộc dân tộc thiểu số được đưa ra.

Phụ lục 11: Mẫu báo cáo của bên nhận tài trợ

Sau đây là hướng dẫn cho VCF để giúp xây dựng các biểu mẫu báo cáo cho dự án. Ban thư ký VCF có trách nhiệm xây dựng tiếp mẫu biểu này để VCF sử dụng.

1 – Những thông tin tổng quát

Mã số dự án	
-------------	--

Tên dự án	
Tên khu rừng đặc dụng	

Tổng vốn		
Báo cáo tiến độ theo giai đoạn	Từ	Đến

2 – Báo cáo hoạt động**2.1 – Tiến độ của từng giai đoạn**

Kết quả 1		
Kế hoạch hoạt động	Tiến độ đạt được	Không đạt được (cần giải thích)
A		
B		
C		
Kết quả 2		

2.2 – Những hạn chế chủ yếu – những khó khăn gặp phải

Lập danh sách những hạn chế chủ yếu / những khó khăn vấp phải trong giai đoạn báo cáo

Những hạn chế / khó khăn gặp phải trong khi thực hiện	Cách giải quyết những vấn đề đó	Bài học kinh nghiệm

Hãy ghi chú những vấn đề tồn tại:

--

2.3 – Kế hoạch hoạt động cho giai đoạn tới

Kết quả 1		
Các hoạt động	Mục tiêu đạt được	Thời gian
A		
B		
C		
Kết quả 2		

3 – Báo cáo tài chính

3.1 Thông tin về giải vốn

Phản cung cấp mỗi lần	Tổng tiền nhận	Ngày

3.2 – Báo cáo sử dụng vốn:

Mô tả các hoạt động	Tổng vốn được cấp	Chi phí thực tại giai đoạn báo cáo	Cộng dồn chi phí kể cả giai đoạn báo cáo	Cân đối vốn
Kết quả 1				
A				
B				
Kết quả 2				
A				
B				
Tổng cộng				

	Người lập	Người phê duyệt
Ký tên		
Tên		
Chức danh		
Ngày tháng		